

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN DẠY HỌC LỚP 11 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP THPT Môn: TIẾNG ANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2370 /QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

HÀ NỘI, THÁNG 8 NĂM 2024

- 1. Chủ trì biên soạn tài liệu: Vụ Giáo dục thường xuyên, Bộ GDĐT**
- 2. Tham gia biên soạn Phần chung về Chương trình GDTX cấp THPT**
 - TS. Hoàng Đức Minh - Chủ biên**
 - TS. Đồng Văn Bình - Thành viên**
 - ThS. Lại Thị Thu Thúy - Thành viên**
- 3. Tham gia biên soạn phần môn học tiếng Anh:**
 - TS. Nguyễn Thị Hương Lan - Chủ biên**
 - ThS. Trần Thị Thanh Xuân - Thành viên**
 - ThS. Đặng Hiệp Giang - Thành viên**

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 26/7/2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp Trung học phổ thông (THPT) có hiệu lực bắt đầu từ khóa tuyển sinh lớp 10 năm học 2022- 2023; Theo quy định của Thông tư số 12, sách giáo khoa của Chương trình GDTX dùng chung sách giáo khoa của Chương trình GDPT 2018 cùng cấp học do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Để giúp các cơ sở GDTX, GV tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình GDTX cấp THPT và thống nhất triển khai chung trong toàn quốc, Vụ GDTX đã tổ chức biên soạn tài liệu Hướng dẫn dạy học lớp 11 thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT các môn học Toán, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hóa học và Sinh học, Công nghệ, Tin học và Tiếng Anh.

Mục đích tổ chức biên soạn tài liệu Hướng dẫn dạy học lớp 11 thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT nhằm giúp GV, cán bộ quản lý tổ chức việc dạy học cho phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của người học, điều kiện cơ sở vật chất của trung tâm GDTX, trung tâm GDNN – GDTX (gọi chung là trung tâm GDTX).

Nội dung tài liệu cấu trúc gồm 3 phần:

Phần thứ nhất: Những vấn đề chung về Chương trình GDTX cấp THPT.

Phần thứ hai: Giới thiệu Chương trình GDTX cấp THPT môn Tiếng Anh: Phần này nhằm giúp GV biết được mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung và thời lượng bố trí kế hoạch dạy học của chương trình lớp 11 môn Tiếng Anh, một số định hướng về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, thiết bị dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.

Phần thứ ba: Hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng Anh lớp 11 Chương trình GDTX cấp THPT. Phần này nhằm giúp GV biết được mục tiêu, yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực và phẩm chất của từng nội dung/chủ đề cũng như cách thức tổ chức tiến hành dạy học để hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực của người học.

Mặc dù các tác giả đã có nhiều cố gắng, song đây là những vấn đề mới, vì vậy tài liệu cần tiếp tục được bổ sung để hoàn thiện.

Nhóm tác giả rất mong nhận được ý kiến phản hồi, góp ý của các đồng nghiệp để tài liệu thực sự phát huy tác dụng tích cực trong việc bồi dưỡng GV.

Trân trọng cảm ơn.

Các tác giả

DANH MỤC KÝ HIỆU CHỮ VIẾT TẮT

STT	Các từ viết tắt	Viết đầy đủ
1.	GDTX	Giáo dục thường xuyên
2.	GDPT	Giáo dục phổ thông
3.	ĐGĐK	Đánh giá định kì
4.	ĐGTX	Đánh giá thường xuyên
5.	GV	Giáo viên
6.	HV	Học viên
7.	HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
8.	KHBD	Kế hoạch bài dạy
9.	KHGD	Kế hoạch giáo dục
10.	KTĐG	Kiểm tra, đánh giá
11.	NL	Năng lực
12.	PPDH	Phương pháp dạy học
13.	QTDH	Quá trình dạy học
14.	TCM	Tổ chuyên môn
15.	THCS	Trung học cơ sở
16.	THPT	Trung học phổ thông
17.	GDPT	Giáo dục phổ thông
18.	YCCĐ	Yêu cầu cần đạt

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GD TX CẤP THPT

I. MỤC TIÊU	7
II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC	7
1. Yêu cầu về phẩm chất.....	7
2. Yêu cầu về năng lực.....	7
3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung.....	8
4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học.....	13
III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC	15
1. Nội dung giáo dục	15
2. Thời lượng giáo dục.....	17
IV. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC.....	18
1. Định hướng về phương pháp giáo dục	18
2. Hình thức tổ chức dạy học	19
3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục	19
I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC	21
II. MỤC TIÊU	21
III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT	22
IV. NỘI DUNG GIÁO DỤC.....	22
V. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC.....	28
1. Nguyên tắc chủ đạo của đường hướng dạy học ngôn ngữ giao tiếp.....	28
2. Một số phương pháp giáo dục đặc thù	29
3. Giới thiệu một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Tiếng Anh	30
4. Một số kỹ thuật dạy học tích cực sử dụng trong dạy các kỹ năng tiếp nhận (receptive skills): nghe và đọc.....	32
5. Một số kỹ thuật dạy học tích cực sử dụng trong dạy các kỹ năng sản sinh (productive skills): nói và viết	35
6. Dạy kiến thức ngôn ngữ	38
VI. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC.....	41
VII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	42
Chủ đề 1. Healthy lifestyles	44
TIẾT THỨ 1. GETTING STARTED	44
TIẾT THỨ 2. LANGUAGE.....	52

TIẾT THỨ 3. READING	60
TIẾT THỨ 4. WRITING	68
Chủ đề 2. The generation gap	76
TIẾT THỨ 1. READING	76
TIẾT THỨ 2. SPEAKING	84
TIẾT THỨ 3. SPEAKING	90
TIẾT THỨ 4. LISTENING	97
Chủ đề 3. The future of cities	104
TIẾT THỨ 1. LISTENING	104
TIẾT THỨ 2. WRITING	109
Chủ đề 4. Social issues	115
TIẾT THỨ 1. READING	115
TIẾT THỨ 2. SPEAKING	121
Chủ đề 5. Vietnam and ASEAN.....	127
TIẾT THỨ 1. GETTING STARTED	127
TIẾT THỨ 2. LANGUAGE.....	135
Chủ đề 6: Global warming	141
TIẾT THỨ 1. READING	141
TIẾT THỨ 2. SPEAKING	147
Chủ đề 7: Preserving our heritage.....	151
TIẾT THỨ 1. LISTENING	151
TIẾT THỨ 2. WRITING	156
Chủ đề 8: The ecosystem	160
TIẾT THỨ 1. COMMUNICATION AND CULTURE/CLIL	160
TIẾT THỨ 2. PROJECT	166
Chủ đề 9: Education options for school-leavers	170
TIẾT THỨ 1. READING	170
TIẾT THỨ 2. SPEAKING	176
Chủ đề 10: Cities of the future.....	181
TIẾT THỨ 1. LISTENING	181
TIẾT THỨ 2. WRITING	185
TÀI LIỆU THAM KHẢO	189

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT

I. MỤC TIÊU

- Chương trình Giáo dục GDTX cấp THPT nhằm tạo cơ hội học tập cho người học có nhu cầu để đạt được trình độ giáo dục THPT theo hình thức GDTX, đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực của địa phương và nhu cầu học tập suốt đời, góp phần xây dựng xã hội học tập.

- Mục tiêu chung của Chương trình GDTX cấp THPT nhằm giúp HV tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, hoàn thiện học vấn THPT và định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân, đáp ứng yêu cầu có thể tham gia vào thị trường lao động và tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

- Chương trình GDTX cấp THPT nhằm cụ thể hoá mục tiêu Chương trình GDPT 2018 cấp THPT đối với GDTX, giúp HV làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống, có khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với sở thích và năng lực; phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

1. Yêu cầu về phẩm chất

Chương trình GDTX cấp THPT hình thành và phát triển cho HV những phẩm chất chủ yếu sau: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

2. Yêu cầu về năng lực

Chương trình GDTX cấp THPT hình thành và phát triển cho HV những năng lực cốt lõi sau:

a) Những năng lực chung được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục gồm: Năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

b) Những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục gồm: Năng lực ngôn ngữ; năng lực tính toán; năng lực khoa học; năng lực công nghệ; năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ.

3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

a) Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu

Phẩm chất	Yêu cầu cần đạt
Yêu nước	<ul style="list-style-type: none">- Tích cực, chủ động và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên.- Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.- Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá.- Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật.- Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.
Nhân ái	
Yêu quý mọi người	<ul style="list-style-type: none">- Quan tâm đến mối quan hệ hài hoà với những người khác.- Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.- Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.
Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người	<ul style="list-style-type: none">- Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân.- Cảm thông, độ lượng với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác.
Chăm chỉ	
Ham học	<ul style="list-style-type: none">- Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập.- Tích cực tham gia học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả trong học tập.
Chăm làm	<ul style="list-style-type: none">- Tích cực tham gia và vận động mọi người tham gia các công việc phục vụ cộng đồng.

	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động. - Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.
Trung thực	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức và hành động theo lẽ phải. - Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt. - Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống, các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.
Trách nhiệm	
Trách nhiệm với bản thân	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân. - Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân.
Trách nhiệm đối với gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình. - Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lí trong gia đình.
Trách nhiệm với nhà trường và xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích của nhà trường và xã hội. - Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật. - Đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vô kỉ luật, vi phạm pháp luật.
Trách nhiệm với môi trường sống	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ ý nghĩa của tiết kiệm đối với sự phát triển bền vững; có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên. - Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

b) Yêu cầu cần đạt về năng lực chung

Năng lực	Yêu cầu cần đạt
Năng lực tự chủ và tự học	

Tự lực	Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết giúp đỡ người khác gặp khó khăn để vươn lên để có lối sống tự lực.
Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng	Biết khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật.
Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được những ưu điểm và hạn chế về tình cảm, cảm xúc của bản thân; tự tin, lạc quan. - Biết tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng mực. - Sẵn sàng đón nhận và quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống. - Biết tự phòng tránh các tệ nạn xã hội.
Thích ứng với cuộc sống	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh được hiểu biết, kỹ năng, kinh nghiệm của cá nhân thích ứng với cuộc sống mới. - Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới trong cuộc sống.
Định hướng nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được cá tính và giá trị sống của bản thân. - Biết được những thông tin chính về thị trường lao động, về yêu cầu và triển vọng của các ngành nghề để lựa chọn cho phù hợp với khả năng của bản thân. - Xác định được hướng phát triển của bản thân phù hợp sau THPT; lựa chọn học các môn học phù hợp với năng lực và định hướng nghề nghiệp của bản thân.
Tự học, tự hoàn thiện	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế. - Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.

	<ul style="list-style-type: none"> - Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập; suy ngẫm cách học của bản thân, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác; biết tự điều chỉnh cách học. - Biết thường xuyên tu dưỡng theo mục tiêu phấn đấu cá nhân và các giá trị công dân.
Năng lực giao tiếp và hợp tác	
Xác định được mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; dự kiến được thuận lợi, khó khăn để đạt được mục đích trong giao tiếp. - Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp. - Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp của bản thân, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng. - Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp. - Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.
Thiết lập và phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác. - Xác định đúng nguyên nhân mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau và biết cách hoá giải mâu thuẫn.
Xác định mục đích và phương thức hợp tác	Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề do bản thân và những người khác đề xuất; biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.
Xác định trách nhiệm và hoạt	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm.

động của bản thân trong nhóm	
Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác	Đánh giá được khả năng hoàn thành công việc của từng thành viên trong nhóm để đề xuất điều chỉnh phương án phân công công việc và tổ chức hoạt động hợp tác.
Tổ chức và thuyết phục người khác	Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của từng thành viên và cả nhóm để điều hoà hoạt động phối hợp; biết khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm.
Đánh giá hoạt động hợp tác	Căn cứ vào mục đích hoạt động của các nhóm, đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm và nhóm khác; rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý được cho từng người trong nhóm. <ul style="list-style-type: none"> - Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế. - Biết chủ động, tự tin trong giao tiếp với bạn bè quốc tế; biết chủ động, tích cực tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của trung tâm, địa phương. - Biết tìm đọc tài liệu phục vụ công việc học tập và định hướng nghề nghiệp của bản thân và bạn bè.
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	
Nhận ra ý tưởng mới	Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng và độ tin cậy của ý tưởng mới.
Phát hiện và làm rõ vấn đề	Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.
Hình thành và triển khai ý tưởng mới	Nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau; hình thành và kết nối các ý tưởng; nghiên cứu để thay đổi giải pháp trước sự thay đổi của bối cảnh; đánh giá rủi ro và có dự phòng.
Đề xuất, lựa chọn giải pháp	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.
Thiết kế và tổ chức hoạt động	- Lập được kế hoạch hoạt động có mục tiêu, nội dung, hình thức, phương tiện hoạt động phù hợp;

	<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp và điều phối được nguồn lực (nhân lực, vật lực) cần thiết cho hoạt động. - Biết điều chỉnh kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch, cách thức và tiến trình giải quyết vấn đề cho phù hợp với hoàn cảnh để đạt hiệu quả cao. - Đánh giá được hiệu quả của giải pháp và hoạt động.
Tư duy độc lập	Biết đặt nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; biết quan tâm tới các lập luận và minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề.

4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù môn học

a) Năng lực ngôn ngữ

Năng lực ngôn ngữ của HV bao gồm năng lực sử dụng tiếng Việt và năng lực sử dụng ngoại ngữ; mỗi năng lực được thể hiện qua các hoạt động: nghe, nói, đọc, viết.

Yêu cầu cần đạt về năng lực ngôn ngữ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Ngữ văn, môn Ngoại ngữ và được thực hiện trong toàn bộ các môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học, trong đó môn Ngữ văn và môn Ngoại ngữ là chủ đạo.

b) Năng lực tính toán

Năng lực tính toán của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức kiến thức toán học;
- Tư duy toán học;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Năng lực tính toán được hình thành, phát triển ở nhiều môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học. Biểu hiện tập trung nhất của năng lực tính toán là năng lực toán học, được hình thành và phát triển chủ yếu ở môn Toán. Yêu cầu cần đạt về năng lực toán học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Toán.

c) Năng lực khoa học (Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội)

Năng lực khoa học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức khoa học;
- Tìm hiểu tự nhiên, tìm hiểu xã hội;
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Năng lực khoa học được hình thành, phát triển ở nhiều môn học phù hợp với đặc điểm của mỗi môn học, trong đó các môn học chủ đạo là: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật. Chương trình mỗi môn học giúp HV tiếp tục phát triển năng lực khoa học với mức độ chuyên sâu: năng lực vật lí, năng lực hóa học, năng lực sinh học, năng lực lịch sử, năng lực địa lí...

Yêu cầu cần đạt về năng lực khoa học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình các môn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật.

d) Năng lực công nghệ

Năng lực công nghệ của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức công nghệ;
- Giao tiếp công nghệ;
- Sử dụng công nghệ;
- Đánh giá công nghệ;
- Thiết kế kĩ thuật.

Yêu cầu cần đạt về năng lực công nghệ đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Công nghệ.

đ) Năng lực tin học

Năng lực tin học của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng xử phù hợp trong môi trường số;
- Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và truyền thông;
- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học;
- Hợp tác trong môi trường số.

Yêu cầu cần đạt về năng lực tin học đối với HV mỗi lớp học được quy định trong chương trình môn Tin học.

e) Năng lực thẩm mĩ

Năng lực thẩm mĩ của HV được thể hiện qua các hoạt động sau đây:

- Nhận thức các yếu tố thẩm mĩ;
- Phân tích, đánh giá các yếu tố thẩm mĩ;
- Tái hiện, sáng tạo và ứng dụng các yếu tố thẩm mĩ.

Yêu cầu cần đạt về năng lực thẩm mỹ đối với HV ở mỗi lớp học được quy định trong Chương trình môn Ngữ văn.

III. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Chương trình GDTX cấp THPT được thực hiện trong 3 năm học, bắt đầu từ lớp 10, lớp 11 và lớp 12. HV vào học lớp 10 phải có bằng tốt nghiệp THCS theo hình thức chính quy hoặc GDTX.

1. Nội dung giáo dục

Chương trình GDTX cấp THPT bao gồm: Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc; các môn học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp (gọi tắt là môn học lựa chọn); các chuyên đề học tập lựa chọn; các môn học và hoạt động giáo dục tự chọn.

a) Các môn học bắt buộc gồm 7 môn học, trong đó: Ngữ văn, Toán, Lịch sử là 3 môn học bắt buộc và 4 môn học lựa chọn trong số các môn học: Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, Công nghệ. HV chọn 4 môn học từ các môn học lựa chọn.

b) Hoạt động giáo dục bắt buộc: Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: là hoạt động giáo dục nhằm tạo cơ hội cho HV tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học khác nhau để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, kĩ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai.

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của HV trong các mối quan hệ với bản thân, xã hội, môi trường tự nhiên và nghề nghiệp. Nội dung Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tập trung vào các mạch nội dung chính: Hoạt động hướng vào bản thân, hoạt động hướng đến xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên và hoạt động hướng nghiệp. Thông qua các hoạt động hướng nghiệp, HV được đánh giá và tự đánh giá về năng lực, sở trường, hứng thú liên quan đến nghề nghiệp, làm cơ sở để tự chọn cho mình ngành nghề phù hợp và rèn luyện phẩm chất và năng lực để thích ứng với nghề nghiệp tương lai.

Nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT 2018 cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức theo các hình thức: Sinh hoạt dưới cờ, hoạt động giáo dục theo chủ đề và sinh hoạt lớp. Sinh hoạt dưới cờ do Ban

Giám đốc phối hợp với Đoàn thanh niên phụ trách; hoạt động giáo dục theo chủ đề do GV chủ nhiệm hoặc GV bộ môn phụ trách theo các chủ đề được quy định trong Chương trình GDPT 2018; sinh hoạt lớp do GV chủ nhiệm phụ trách.

c) Các chuyên đề học tập:

- Chuyên đề học tập là nội dung giáo dục dành cho HV cấp THPT, nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp HV tăng cường kiến thức và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp.

- Các môn học: Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học có một số chuyên đề học tập tạo thành cụm chuyên đề học tập của môn học. Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, HV phải bắt buộc chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của trung tâm GDTX, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên (gọi chung là trung tâm GDTX).

- Chuyên đề học tập của môn học do GV dạy môn học đó tổ chức thực hiện. Ngoài ra, căn cứ nội dung cụ thể của chuyên đề học tập, trung tâm GDTX có thể bố trí nhân viên phòng thí nghiệm hoặc mời các doanh nhân, nghệ nhân,... có hiểu biết, kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn của những chuyên đề học tập có tính thực hành, hướng nghiệp hướng dẫn HV học những nội dung phù hợp của các chuyên đề học tập này.

d) Các môn học tự chọn gồm: Ngoại ngữ, Tiếng dân tộc thiểu số.

- Nội dung Chương trình môn tiếng Anh được quy định tại Thông tư này. Các chương trình ngoại ngữ khác thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT 2018 cấp THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Nội dung dạy học Tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định tại Chương trình GDPT môn học tiếng Bahnar, tiếng Chăm, tiếng Êđê, tiếng Jrai, Tiếng Khmer, tiếng Mông, tiếng Mnông, tiếng Thái ban hành kèm theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

đ) Hoạt động giáo dục tự chọn: Nội dung giáo dục địa phương,

- Nội dung giáo dục địa phương là những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương bổ sung cho nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất trong cả nước, nhằm trang bị cho HV

những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho HV tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của quê hương.

- Nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với Chương trình GDPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

2. Thời lượng giáo dục

Thời gian học của mỗi năm học là 35 tuần/lớp. Mỗi ngày học 1 buổi, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút.

Thời lượng và số tiết của các môn học thực hiện theo quy định của Chương trình GDPT 2018 cấp THPT.

Bảng tổng hợp kế hoạch giáo dục Chương trình GDTX cấp THPT

Nội dung giáo dục		Lớp 10 (Số tiết)	Lớp 11 (Số tiết)	Lớp 12 (Số tiết)
Môn học bắt buộc	Ngữ văn	105	105	105
	Toán	105	105	105
	Lịch sử	52	52	52
Môn học lựa chọn	Địa lí	70	70	70
	Giáo dục kinh tế và pháp luật	70	70	70
	Vật lí	70	70	70
	Hoá học	70	70	70
	Sinh học	70	70	70
	Công nghệ	70	70	70
	Tin học	70	70	70
Chuyên đề học tập lựa chọn bắt buộc (3 cụm chuyên đề của môn học)		105	105	105
Hoạt động giáo dục bắt buộc	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	105	105
Môn học tự chọn	Ngoại ngữ	105	105	105
	Tiếng dân tộc thiểu số	105	105	105

Nội dung giáo dục		Lớp 10 (Số tiết)	Lớp 11 (Số tiết)	Lớp 12 (Số tiết)
Hoạt động giáo dục tự chọn	Nội dung giáo dục địa phương	35	35	35
Tổng số tiết học/năm học (Không kể môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)		752	752	752
Số tiết học trung bình/tuần (Không kể môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)		21,5	21,5	21,5
Tổng số tiết học/năm học (Kể cả môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)		997	997	997
Số tiết học trung bình/tuần (Kể cả môn học, hoạt động giáo dục tự chọn)		28,5	28,5	28,5

Căn cứ vào Kế hoạch giáo dục của Chương trình GDTX cấp THPT và sự lựa chọn của HV về các môn học lựa chọn, chuyên đề học tập, môn học tự chọn và hoạt động giáo dục tự chọn, các trung tâm GDTX xây dựng các tổ hợp môn học và kế hoạch giáo dục của trung tâm trên cơ sở vừa bảo đảm đáp ứng nguyện vọng của người học, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện về đội ngũ GV, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của trung tâm.

IV. ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Định hướng về phương pháp giáo dục

- Các môn học và hoạt động giáo dục áp dụng các phương pháp dạy học tích cực hoá hoạt động của HV, trong đó, GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HV, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được để phát triển.

- Phương pháp giáo dục cần khai thác kinh nghiệm của người học, coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, sử dụng các phương tiện hiện đại và công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học thông qua một số hình thức chủ yếu sau: học lí thuyết, thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; thảo luận, tham quan, sinh hoạt tập thể...

- Tuỳ theo mục tiêu, tính chất nội dung dạy học, GV có thể tổ chức cho HV được làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi HV được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

2. Hình thức tổ chức dạy học

Chương trình GDTX cấp THPT được tổ chức linh hoạt theo các hình thức: tập trung, vừa làm vừa học để phù hợp đặc điểm, nguyện vọng của người học và điều kiện dạy học của các địa phương. Khuyến khích các địa phương tổ chức các hình thức dạy học kết hợp giữa dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến theo quy định của Bộ GDĐT.

Việc lựa chọn và tổ chức dạy học Chương trình GDTX cấp THPT do các trung tâm GDTX quyết định trên cơ sở đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định của Chương trình.

3. Định hướng về đánh giá kết quả giáo dục

a) Mục tiêu đánh giá

- Đánh giá kết quả học tập của HV nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và những tiến bộ của HV trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HV và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Đánh giá kết quả học tập của HV đối với mỗi môn học, mỗi lớp học nhằm xác định mức độ đạt được mục tiêu chương trình GDTX cấp THPT, làm căn cứ để điều chỉnh quá trình dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

b) Phương thức đánh giá

- Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Cùng với kết quả các môn học bắt buộc, các môn học lựa chọn, các chuyên đề học tập lựa chọn bắt buộc, các hoạt động giáo dục bắt buộc và các môn học tự chọn được sử dụng cho đánh giá kết quả học tập chung của HV trong từng năm học và trong cả quá trình học tập.

- Phương thức đánh giá kết quả học tập các môn học: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

+ Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do GV phụ trách môn học tổ chức; hình thức đánh giá gồm: GV đánh giá HV, HV đánh giá lẫn nhau, HV tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, GV có thể dựa trên quan sát, việc trả lời câu hỏi, làm bài kiểm tra,...

+ Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm giữa kì, cuối các kì học do trung tâm GDXT tổ chức thực hiện chương trình GDTX cấp THPT.

- Kết hợp giữa ĐGTX với ĐGĐK. Kết hợp giữa các hình thức đánh giá: đánh giá qua bài kiểm tra với các hình thức đánh giá khác như: đánh giá theo dự án, phiếu học tập, hồ sơ học tập HV...

Việc đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương do tổ chức khảo thí cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức để phục vụ công tác quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng đánh giá kết quả giáo dục ở cơ sở giáo dục, phục vụ phát triển chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục.

c) Yêu cầu đánh giá

- Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định tại Phần những vấn đề chung và Chương trình môn học. Phạm vi đánh giá bao gồm các môn học bắt buộc, môn học lựa chọn và môn học tự chọn (nếu có), các hoạt động giáo dục và các chuyên đề học tập. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của người học.

- Đánh giá HV thông qua đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình GDTX cấp THPT.

- Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của người học; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của HV; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh, không tạo áp lực cho HV.

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP THPT MÔN TIẾNG ANH

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Tiếng Anh là môn học tự chọn trong Chương trình GDTX cấp THCS và cấp THPT từ lớp 6 đến lớp 12. Môn Tiếng Anh không chỉ giúp HV hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà còn góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung, để sống và làm việc hiệu quả hơn, để học tập tốt các môn học khác cũng như để học suốt đời.

Môn Tiếng Anh cung cấp cho HV một công cụ giao tiếp quốc tế quan trọng, giúp các em trao đổi thông tin, tri thức khoa học và kỹ thuật tiên tiến, tìm hiểu các nền văn hoá, qua đó góp phần tạo dựng sự hiểu biết giữa các dân tộc, hình thành ý thức công dân toàn cầu, góp phần vào việc phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân. Thông qua việc học Tiếng Anh và tìm hiểu các nền văn hóa khác nhau, HV có thể hiểu rõ hơn, thêm yêu ngôn ngữ và nền văn hóa của dân tộc mình.

Mục tiêu cơ bản của Chương trình GDTX môn Tiếng Anh là giúp HV hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và các kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp). Các kỹ năng giao tiếp và kiến thức ngôn ngữ được xây dựng trên cơ sở các đơn vị năng lực giao tiếp cụ thể, trong các chủ điểm và chủ đề phù hợp với nhu cầu và khả năng của HV nhằm giúp các em đạt được các yêu cầu quy định trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Chương trình môn Tiếng Anh giúp HV có một công cụ giao tiếp mới, hình thành và phát triển cho HV năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Kết thúc chương trình, HV có khả năng giao tiếp đạt trình độ Bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, tạo nền tảng cho HV sử dụng tiếng Anh trong học tập, hình thành thói quen học tập suốt đời để trở thành những công dân toàn cầu trong thời kì hội nhập.

- Chương trình môn Tiếng Anh giúp HV có hiểu biết khái quát về đất nước, con người và nền văn hoá của một số quốc gia nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới; có thái độ và tình cảm tốt đẹp đối với đất nước, con người, nền văn hoá và

ngôn ngữ của các quốc gia đó. Ngoài ra, Chương trình môn Tiếng Anh còn góp phần hình thành và phát triển cho HV những phẩm chất và năng lực cần thiết đối với người lao động: ý thức và trách nhiệm lao động, định hướng và lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, khả năng thích ứng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp mới.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành chương trình, HV có thể:

- Sử dụng tiếng Anh như một công cụ giao tiếp thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp cơ bản và thiết thực về những chủ đề quen thuộc liên quan đến nhà trường, hoạt động vui chơi, giải trí, nghề nghiệp, ...

- Tiếp tục hình thành và phát triển kiến thức cơ bản về tiếng Anh, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; thông qua tiếng Anh có những hiểu biết sâu rộng hơn về đất nước, con người, nền văn hoá của các nước nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới, hiểu và tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hoá, đồng thời bước đầu phản ánh được giá trị nền văn hoá Việt Nam bằng tiếng Anh.

III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung

Chương trình môn Tiếng Anh góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo).

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Sau khi học xong môn Tiếng Anh cấp THPT, HV có thể đạt được trình độ tiếng Anh Bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Cụ thể là: “Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí,... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra ở những nơi ngôn ngữ đó được sử dụng. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, ước mơ, hi vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lí do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình”.

IV. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

Nội dung dạy học trong Chương trình môn Tiếng Anh được thiết kế theo kết cấu đa thành phần, bao gồm: hệ thống các chủ điểm (khái quát), các chủ đề (cụ thể); các năng lực giao tiếp liên quan đến các chủ điểm, chủ đề; danh mục kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp). Nội dung văn hoá được dạy học lồng ghép, tích hợp trong hệ thống các chủ điểm, chủ đề.

a) Hệ thống chủ điểm, chủ đề

- Hệ thống chủ điểm

Nội dung Chương trình GDTX môn Tiếng Anh được xây dựng trên cơ sở các chủ điểm phù hợp với cấp học. Các chủ điểm liên quan chặt chẽ với nhau và được thiết kế lặp lại có mở rộng qua các năm học, theo hướng đồng tâm xoắn ốc nhằm củng cố và phát triển năng lực giao tiếp của HV. Các chủ điểm hướng tới đáp ứng nhu cầu, mối quan tâm, hứng thú của HV cũng như yêu cầu hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực cần thiết cho người học.

Các chủ điểm gợi ý:

Cuộc sống của chúng ta, Xã hội của chúng ta, Môi trường của chúng ta, Tương lai của chúng ta.

- Hệ thống chủ đề

Hệ thống chủ đề được xây dựng trên cơ sở các chủ điểm. Mỗi chủ điểm bao gồm nhiều chủ đề để có thể bao phủ 315 tiết học. Các chủ điểm và chủ đề có mối liên quan chặt chẽ với nhau, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và môi trường sinh hoạt, học tập của HV. Các chủ đề được lựa chọn theo hướng mở, phù hợp với các giá trị văn hoá, xã hội của Việt Nam, đảm bảo tính hội nhập quốc tế và phù hợp với yêu cầu phát triển năng lực giao tiếp quy định cho cấp học. Người biên soạn tài liệu dạy học và GV có thể điều chỉnh, bổ sung các chủ đề sao cho phù hợp với chủ điểm, đáp ứng nhu cầu, sở thích và khả năng học tập của HV để đạt được các mục tiêu đề ra trong Chương trình. Dưới đây là ví dụ minh họa mang tính gợi ý cho các chủ đề theo chủ điểm.

Chủ điểm	Chủ đề
Cuộc sống của chúng ta	<ul style="list-style-type: none">- Cuộc sống gia đình- Khoảng cách thế hệ- Giải trí- Lối sống lành mạnh- Cuộc sống tự lập- Câu chuyện cuộc sống- Tốt nghiệp và chọn nghề
Xã hội của chúng ta	<ul style="list-style-type: none">- Các vấn đề xã hội- Giáo dục- Phục vụ cộng đồng- Phương tiện truyền thông đại chúng- Bản sắc văn hoá- Việt Nam và các tổ chức quốc tế

Chủ điểm	Chủ đề
Môi trường của chúng ta	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo tồn di sản - Biến đổi khí hậu - Bảo tồn môi trường tự nhiên - Con người và môi trường - Môi trường xanh - Du lịch sinh thái ...
Tương lai của chúng ta	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục trong tương lai - Học tập suốt đời - Trí tuệ nhân tạo - Tương lai của các thành phố - Sức khỏe và tuổi thọ - Thế giới công việc ...

b) Năng lực giao tiếp

Năng lực giao tiếp là khả năng sử dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) để tham gia vào các hoạt động giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trong những tình huống hay ngữ cảnh có nghĩa với các đối tượng giao tiếp khác nhau nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp của bản thân hay yêu cầu giao tiếp của xã hội. Trong Chương trình môn Tiếng Anh, năng lực giao tiếp được thể hiện thông qua các chức năng và nhiệm vụ giao tiếp dưới dạng nghe, nói, đọc, viết. Các năng lực giao tiếp được lựa chọn theo hướng mở, có liên hệ chặt chẽ với các chủ điểm, chủ đề. Dưới đây là danh mục gợi ý các năng lực giao tiếp:

Chủ điểm	Năng lực giao tiếp
Cuộc sống của chúng ta	<ul style="list-style-type: none"> - Nói về cuộc sống gia đình - Trao đổi ý kiến về công việc nhà và vai trò của các thành viên trong gia đình - Viết về việc làm/việc nhà trong gia đình - Thảo luận về chế độ ăn uống lành mạnh - Thảo luận về các loại hình giải trí ưa thích - Hỏi và đưa ra lời khuyên về nghề nghiệp - Viết/điền các biểu mẫu đơn giản (biểu mẫu đăng kí khoá học, mẫu đơn xin việc làm,...)...

Chủ đề	Năng lực giao tiếp
Xã hội của chúng ta	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và diễn đạt ý kiến về các hoạt động cộng đồng - Diễn đạt được quan điểm về các vấn đề xã hội, giáo dục đơn giản - Nói về sự lựa chọn phong cách sống và ảnh hưởng của nó tới sức khỏe - Đọc hiểu một bài viết về bình đẳng giới - Chia sẻ ý kiến về những nghề nghiệp khác nhau - Nói về các hoạt động tình nguyện - Hỏi và trả lời các thông tin cơ bản về đất nước, con người, văn hoá của một đất nước ...
Môi trường của chúng ta	<ul style="list-style-type: none"> - Nói về các cách thức đơn giản để bảo tồn di sản - Viết giới thiệu để quảng bá du lịch sinh thái - Nói về sự ảnh hưởng đến môi trường từ các hoạt động của con người - Đọc hiểu được một văn bản về các mối đe dọa đối với môi trường tự nhiên - Viết về các vấn đề môi trường và đưa ra giải pháp để bảo vệ môi trường tự nhiên - Đề xuất các địa điểm du lịch sinh thái yêu thích - Viết một đoạn văn đơn giản về một địa danh nổi tiếng - Nói về cách sống thân thiện với môi trường ...
Tương lai của chúng ta	<ul style="list-style-type: none"> - Nói về công nghệ và cuộc sống - Viết về cách thức sử dụng mạng Internet - Diễn đạt các dự đoán về những thành phố trong tương lai - Nói về các lời khuyên chăm sóc sức khỏe - Đọc hiểu một bài báo về các yếu tố làm tăng tuổi thọ

Chủ điểm	Năng lực giao tiếp
	- Đọc hiểu một bài viết về các cơ hội học đại học - Nói về công việc trong tương lai ...

c) Kiến thức ngôn ngữ

Kiến thức ngôn ngữ trong Chương trình môn Tiếng Anh bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Kiến thức ngôn ngữ có vai trò như một phương tiện giúp HV hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Hệ thống kiến thức ngôn ngữ dạy học trong Chương trình bao gồm:

Ngữ âm	Nội dung dạy học ngữ âm bao gồm: các nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, dạng phát âm mạnh và dạng phát âm yếu, tính lược âm, đồng hoá âm, nối âm, trọng âm câu, ngữ điệu.
Từ vựng	Nội dung dạy học từ vựng bao gồm những từ thông dụng được thể hiện trong hai lĩnh vực ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết liên quan đến các chủ điểm và chủ đề trong Chương trình. Số lượng từ vựng được quy định ở cấp THPT khoảng 500 – 700 từ ở Bậc 3 (không bao gồm các từ đã học ở các cấp tiểu học và THCS). Sau khi hoàn thành chương trình phổ thông, số lượng từ vựng HV cần nắm được khoảng 2300 từ.
Ngữ pháp	Nội dung dạy học ngữ pháp tiếp tục củng cố và mở rộng các nội dung đã học ở cấp tiểu học và cấp THCS, bao gồm các cấu trúc phục vụ phát triển năng lực giao tiếp ở Bậc 3 như mệnh đề quan hệ, câu điều kiện (loại 2 và loại 3), câu chủ động, câu bị động, câu trực tiếp, câu gián tiếp, câu ghép, câu phức, thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, thì quá khứ hoàn thành, thì tương lai đơn, thì tương lai tiếp diễn, thì tương lai gần, liên từ, động từ tình thái, ngữ động từ, thể bị động.

2. Nội dung cụ thể lớp 11

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
- Cuộc sống của chúng ta - Xã hội của	-Lối sống lành mạnh -Khoảng	NGHE - Nghe hiểu những ý chính của các đoạn hội	Ngữ âm Dạng phát âm mạnh và yếu của từ, các dạng

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
chúng ta	cách thể hệ - Cuộc sống tự lập - Các vấn đề xã hội	thoại, đọc thoại khoảng 170-200 từ về những chủ đề mà cá nhân quan tâm trong phạm vi Chương trình.	viết/phát âm tắt, nối âm giữa phụ âm và nguyên âm, trọng âm câu.
-Môi trường của chúng ta - Tương lai của chúng ta ...	- Việt Nam và ASEAN - Sự nóng lên toàn cầu - Bảo tồn di sản thế giới - Hệ sinh thái	- Nghe hiểu để lấy thông tin trong các cuộc thảo luận, với điều kiện nội dung thảo luận được trình bày rõ ràng. - Nghe hiểu bản tường thuật ngắn về chủ đề trong chương trình.	Ngữ điệu lên và xuống, câu hỏi nghi vấn (Yes/No question) và câu hỏi có từ để hỏi, câu hỏi thay thế, câu hỏi đuôi, câu hỏi thể hiện câu mời, câu gợi ý,...
	- Giáo dục trong tương lai - Sức khoẻ và tuổi thọ - Tương lai của các thành phố ...	NÓI - Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác trọng âm, nối âm, ngữ điệu, nhịp điệu các câu khác nhau. - Bắt đầu, duy trì và kết thúc một cuộc hội thoại; thảo luận về các chủ đề trong Chương trình. - Đưa ra những chỉ dẫn chi tiết.	Từ vựng Các từ liên quan đến chủ điểm, chủ đề của lớp 11 Ngữ pháp Thì quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành Động từ tình thái: must vs. have to... Động từ nối (be, seem,...) Động từ trạng thái dùng ở thì tiếp diễn
		ĐỌC - Đọc hiểu các ý chính, nội dung chi tiết của văn bản khoảng 220-250 từ về các chủ đề mang tính thời sự và quen thuộc. - Đọc hiểu các ý chính, nội dung chi tiết các bản	Danh động từ (dùng như chủ ngữ, như tân ngữ,...) Phân từ và mệnh đề với động từ nguyên thể có to Từ nối Cấu tạo từ (danh từ ghép) Câu chẻ: It is/was ... that

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
		<p>tin, bài báo,... về các chủ đề hoặc sự kiện mang tính thời sự và hiểu toàn bộ ý nghĩa của văn bản.</p> <p>- Đọc lướt các văn bản ngắn để tìm kiếm các sự kiện và thông tin cần thiết.</p>	+ mệnh đề ...
		<p>VIẾT</p> <p>- Viết văn bản (có mở đầu, thân bài, kết luận) khoảng 120-150 từ về các chủ đề quen thuộc.</p> <p>- Viết thư cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin hoàn chỉnh và chi tiết về sản phẩm hoặc dịch vụ.</p> <p>- Viết để truyền tải những thông tin, sự kiện ngắn gọn, đơn giản tới bạn bè và người thân.</p>	

V. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

Chương trình tuân thủ theo hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp, trong đó sử dụng nhiều phương pháp giáo dục khác nhau nhằm phát huy vai trò chủ động của người học, lấy việc học làm trung tâm, giúp người học hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ giao tiếp, năng lực tự chủ, và các phẩm chất được xác định trong Chương trình thông qua những tình huống giao tiếp có ý nghĩa với những nguyên tắc chung theo hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp, một số nhóm phương pháp chủ đạo, vai trò của người học và người dạy cho phép việc áp dụng phương pháp giáo dục phù hợp với đối tượng và mục đích của người học như sau:

1. Nguyên tắc chủ đạo của đường hướng dạy học ngôn ngữ giao tiếp

Đường hướng dạy học ngôn ngữ giao tiếp phát triển năng lực giao tiếp cho người học thông qua sử dụng ngôn ngữ phục vụ mục đích giao tiếp có ý nghĩa với người học. Do đó, đường hướng dạy học này đảm bảo các nguyên tắc chung sau:

- Tập trung vào hoạt động giao tiếp thực trong quá trình học ngôn ngữ.
- Cung cấp cho người học cơ hội thử nghiệm và sử dụng những kiến thức đã biết.
- Tích hợp các kĩ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết giống như trong giao tiếp trên thực tế.
- Tạo cơ hội cho người học được tiếp xúc với nhiều tình huống giao tiếp để khám phá kiến thức thực ngữ pháp.
- Kết hợp nhiều phương pháp kĩ thuật dạy học.
- Phát huy tính chủ động sáng tạo, năng lực tự học ở người học.

2. Một số phương pháp giáo dục đặc thù

a) Dạy học cá nhân hoá

Cá nhân hóa hoạt động học tập cho phép người học tham gia lựa chọn nội dung, phương pháp học tập, tạo điều kiện cho người học được học tập theo nhịp độ riêng của mình và theo cách thức học phù hợp với mình nhất, phù hợp với sở thích, năng lực bản thân và mục đích học tập.

Dạy học cá nhân hoá đòi hỏi người dạy sử dụng phương pháp dạy học phân hóa, đa dạng hóa các hoạt động học tập, sử dụng linh hoạt các hoạt động nhóm, cặp phù hợp với trải nghiệm thực tế của người học, với đặc điểm tâm sinh lý và nhận thức ở các lứa tuổi khác nhau.

Dạy học cá nhân hóa còn chú trọng đến các đối tượng người học đặc biệt, có khó khăn trong việc học tập, đòi hỏi người dạy phải thiết kế các giáo án riêng theo lộ trình học tập đặc biệt, phù hợp với sự phát triển nhận thức và thể chất của người học.

b) Dạy học tích hợp

Dạy học tích hợp là nhóm phương pháp giáo dục giúp người học huy động nhiều nhóm năng lực, kỹ năng, kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong học tập và trong đời sống, qua đó phát triển được năng lực ngôn ngữ giao tiếp cần thiết.

Dạy học tích hợp đòi hỏi phát triển đồng thời và kết hợp nhiều nội dung liên môn và nội môn. Ở cấp độ liên môn, việc dạy học tiếng Anh được lồng ghép với các nội dung chuyên môn như khoa học, xã hội, văn hóa,... Ở cấp độ nội môn, đó là sự tích hợp các năng lực cấu thành năng lực ngôn ngữ giao tiếp (bao gồm năng lực ngôn ngữ, năng lực xã hội, năng lực ngữ dụng, và năng lực sử dụng chiến lược giao tiếp), tích hợp các kỹ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết, và tích hợp kiến thức ngôn ngữ, văn hóa xã hội và giao tiếp liên văn hóa.

c) Phát triển năng lực tự học

- Phát huy năng lực tự học, tính tự chủ học tập là một đặc điểm nổi bật trong các phương pháp dạy học cho các đối tượng người học người lớn và người học các chương trình giáo dục thường xuyên. Bồi dưỡng và phát triển phương pháp học, năng lực tự học, quyền tự chủ của người học sẽ giúp người học quản lý học tập tích cực độc lập, giúp người học đặt ra mục tiêu học tập, tự đưa ra các quyết định phù hợp với bản thân, kiểm soát việc học tập, quá trình nhận thức và nội dung học tập.

- Việc đổi mới phương pháp giảng dạy đối với môn tiếng Anh cần được xây dựng trên cơ sở kế thừa, phát huy những yếu tố tích cực trong phương pháp giảng dạy truyền thống để phù hợp với hoàn cảnh và đối tượng giảng dạy, nhằm giúp cho quá trình dạy và học đạt hiệu quả cao nhất.

- Cần kết hợp một cách linh hoạt các phương pháp giảng dạy thích hợp, kết hợp luyện tập có kiểm soát hướng dẫn (controlled & guided practice) với thực hành ngoại ngữ có ý nghĩa, mang định hướng giao tiếp (meaningful, communicative practice) trong các tình huống gần tự nhiên (naturalistic situations).

- Kết hợp các hoạt động học tập cá nhân với các hoạt động luyện tập ngoại ngữ theo cặp và nhóm nhằm khuyến khích động viên HV tham gia tích cực vào các hoạt động học tập và tăng thời gian luyện tập sử dụng ngoại ngữ cho HV.

- Việc luyện tập các kỹ năng và các thành tố ngoại ngữ cần được thực hiện theo đường hướng theme-based và kết hợp các kỹ năng (integrated skills). Các bài học trong một đơn vị (unit) có liên quan chặt chẽ, có vai trò hỗ trợ và bổ trợ cho nhau về mặt kiến thức ngoại ngữ và văn hóa nền. Các kỹ năng không được luyện tập tách rời mà cần có sự kết hợp với các kỹ năng khác.

- GV và HV cần có thái độ tích cực đối với lỗi ngôn ngữ của HV. Chấp nhận lỗi như một phần tất yếu trong quá trình học ngoại ngữ, giúp HV học tập được từ chính lỗi của bản thân và bạn bè.

3. Giới thiệu một số kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Tiếng Anh

Để phát huy vai trò sáng tạo và tính tích cực của HV trong việc học môn Tiếng Anh, GV có thể sử dụng rất nhiều kỹ thuật dạy học. Phần dưới đây giới thiệu một số mô hình và kỹ thuật dạy học tích cực.

a) Học tập ”dựa trên hứng thú”

Khi thực hiện mô hình học tập “dựa trên hứng thú” (động cơ học tập), GV giúp HV nhận thức được rằng những gì học được là lí thú và hấp dẫn, có lợi cho bản thân các em, học giỏi sẽ tăng thêm tính tự tin từ đó HV sẽ nỗ lực hơn. Kết quả của sự nỗ lực là kỹ năng và khả năng học tập của HV tăng và dẫn đến thành công trong học tập. Các lợi ích chủ yếu của mô hình học tập “dựa trên hứng thú” là: thể hiện sự quan tâm của GV đối với HV, thể hiện tính thực tế, tính hữu dụng của nội dung học tập, tận dụng

được tính sáng tạo và tự biểu đạt của HV, đảm bảo cho HV được chủ động. Mô hình học tập “dựa trên hứng thú” giúp GV thường xuyên thay đổi hoạt động của HV.

Một số kỹ thuật sử dụng để gây hứng thú/ tạo động cơ học tập, sự tự tin cho HV bao gồm:

- Icebreaker (phá băng)
- Fist-to-five (nắm tay nhiều ngón)
- Jigsaw (dịch dắc)
- Ghế nóng (Hot Seating)

b) Học qua “làm”

Học qua làm giúp HV nhớ nhanh và nhớ lâu. Học qua làm có thể được tiến hành với các kỹ thuật sau:

- Giải thích (Explanation): HV cần biết tại sao phải làm như vậy.
- Làm chi tiết (Doing-detail): HV được hướng dẫn “làm chi tiết” qua việc được “xem giới thiệu” (presentation) hoặc nghiên cứu tình huống (study-case). Cách này cung cấp mô hình thực hành tốt để HV bắt trước hoặc tiếp thu dễ dàng.
- Sử dụng (Use): HV cần được thực hành sử dụng các kỹ năng vừa học.
- Kiểm tra và sửa chữa (Check and Correct): Việc thực hành của HV cần được tự họ kiểm tra thường xuyên và được GV kiểm tra, sửa chữa kịp thời.
- Hỗ trợ ghi nhớ (Aid Memory): HV có thêm hỗ trợ ghi nhớ. Ví dụ: phiếu học tập, tờ rơi, băng ghi âm, ...
- Ôn lại và sử dụng (Review and Reuse): GV có thể sử dụng kỹ thuật “Memory game” (trò chơi trí nhớ): Đây là hoạt động cần thiết để HV không quên các kiến thức, kỹ năng vừa học.
- Đánh giá (Evaluation): (Nghiên cứu điển hình- Case study): GV cần kiểm tra, đánh giá thường xuyên kết quả học tập của HV thông qua kỹ thuật “Nghiên cứu điển hình- Case study”.
- Thắc mắc (Questioning): HV luôn được tạo cơ hội để nêu câu hỏi để hiểu rõ bài thông qua kỹ thuật “Hot Seating”.

c) Học hợp tác trong nhóm nhỏ

Bước 1: Làm việc chung cả lớp

- Trước tiên GV làm việc chung với cả lớp. GV nêu vấn đề, xác định nhiệm vụ nhận thức cho cả lớp.

- GV tổ chức các nhóm, giao nhiệm vụ cho từng nhóm.
- GV hướng dẫn cách làm việc của nhóm.

Bước 2: Làm việc theo nhóm

- HV trao đổi, thảo luận trong nhóm.
- Phân công trong nhóm, cá nhân làm việc độc lập rồi trao đổi ý kiến trong nhóm, thư ký của nhóm ghi chép (takes notes) các ý kiến của các thành viên trong nhóm.
- Từng nhóm cử đại diện trình bày kết quả làm việc của nhóm mình ; các nhóm khác lắng nghe.

Bước 3 : Thảo luận tổng kết trước lớp

- Các nhóm lần lượt báo cáo kết quả.
- Thảo luận chung : các nhóm nhận xét, phản hồi. (comment/ feedback)
- GV tổng kết, đặt vấn đề cho bài tiếp theo hoặc vấn đề tiếp theo.

4. Một số kĩ thuật dạy học tích cực sử dụng trong dạy các kĩ năng tiếp nhận (receptive skills): nghe và đọc

Ba giai đoạn trong một bài dạy kĩ năng tiếp nhận thông tin là: trước khi nghe/đọc; trong khi nghe/đọc; sau khi nghe/đọc. Ở mỗi giai đoạn, GV có thể sử dụng những kĩ thuật khác nhau. Có một số thủ thuật có thể sử dụng ở các giai đoạn

Một số kĩ thuật sử dụng trong giai đoạn 1: trước khi nghe/đọc - the pre- stage

Thông thường, các hoạt động trước nghe/đọc được thiết kế nhằm tạo tâm thế nghe/đọc bằng cách cuốn hút HV vào nội dung hoặc chủ đề của bài nghe/đọc; gây hứng thú cho HV đối với bài sắp nghe/đọc; động viên kiến thức có sẵn của HV về chủ đề bài nghe/đọc, giúp họ có thể sử dụng kiến thức đó để nghe/đọc hiểu dễ dàng hơn; tạo điều kiện cho HV giúp đỡ nhau trong bài học.

Đối với HV trung bình, GV cần đặt trọng tâm chính cho giai đoạn này là giải quyết trước một số khó khăn mà HV có thể gặp phải trong bài nghe/đọc như khó khăn về kiến thức văn hoá nền, hoặc về ngôn ngữ như từ, cấu trúc, âm khó, v.v.

GV gợi mở cho HV chia sẻ với nhau hoặc GV cung cấp cho HV một số kiến thức văn hóa nền, dạy trước một số từ, cấu trúc hoặc cách phát âm khó, v.v.

Các kĩ thuật dạy học tích cực sử dụng trong giai đoạn này bao gồm:

- Hoạt động tiên đoán tự do (open prediction): GV chỉ nêu lên chủ đề của bài nghe/đọc và cho HV cả lớp tự do đoán xem nội dung của bài đọc sẽ như thế nào. Thí dụ GV nói “Today you are going to read a text about ways of socializing. Now make some guesses about the text.” và để HV đoán xem họ sẽ được đọc về những cách thức giao tiếp nào, v.v. Để gây hứng thú cho HV, GV có thể giới thiệu chủ đề của bài bằng tranh ảnh, hoặc những vật dụng thực, v.v.

- Đoán xem các nhận định về bài đọc đúng hay sai (true/false statements prediction): GV đưa ra một số nhận định về nội dung chính của của bài, trong đó có

một số câu đúng, một số câu sai. HV đoán xem câu nào đúng, câu nào sai (có thể thảo luận nhóm/cặp, so sánh câu trả lời).

- Sắp đặt trật tự câu, ý hoặc tranh vẽ (ordering): GV cho HV xem một số bức tranh hoặc đọc một số câu và yêu cầu họ sắp xếp chúng theo trật tự đúng. Hoạt động này thường dùng khi bài nghe/đọc là một câu chuyện, hoặc về kết quả và nguyên nhân, hay về một quy trình nào đó, v.v.

- Trả lời câu hỏi (pre-questions): GV đặt một số câu hỏi về chủ đề bài nghe/đọc, HV vận dụng những kiến thức đã có sẵn của mình để trả lời các câu hỏi đó.

- Bài tập từ vựng: Gợi ý cho HV nhớ lại những từ đã học có liên quan đến chủ đề sắp nghe/đọc. Gợi mở để giúp HV xây dựng "mạng lưới" từ vựng liên quan đến chủ đề bài nghe/đọc, trong đó có những từ mới và khó mà họ sẽ gặp trong bài nghe/đọc. Để gây hứng thú cho HV, GV nên sử dụng một số thủ thuật ôn luyện từ vựng như *word square*, *hay noughts and crosses*, *wordstorm*, *cross word*, *puzzle words*, *word chain*: v.v... giúp HV hiểu các khái niệm khó hoặc kiến thức văn hoá (nếu có trong bài).

Chú ý: GV nên có những câu hỏi gợi mở, dẫn dắt giúp HV suy nghĩ và tự tìm ra câu trả lời.

Một số điều GV cần lưu ý:

- Để tạo không khí sôi nổi khi bắt đầu bài học, nên cho HV làm việc theo nhóm/cặp, sau đó so sánh câu trả lời, hoặc dùng hoạt động "động não" (brainstorming) với cả lớp.

- Trong tất cả các hoạt động trước nghe/đọc, GV nên tăng cường khuyến khích, gợi mở cho HV suy đoán và thực hiện yêu cầu bài tập chứ không đưa ra câu trả lời đúng. HV sẽ phải tìm câu trả lời đúng khi nghe/đọc bài.

- Có thể sử dụng một hoặc hai thủ thuật trong một bài học, nên thay đổi các thủ thuật trong các bài khác nhau để cho bài học hấp dẫn hơn, tránh lối mòn, nhàm chán.

Một số kĩ thuật sử dụng trong giai đoạn 2: trong khi nghe/đọc - the while/through- stage

Trong giai đoạn này HV nghe hoặc đọc và thực hiện một số yêu cầu bài tập nhằm luyện tập những kĩ năng nghe/đọc nhất định như nghe/đọc lấy nội dung chính, lấy thông tin chi tiết, hiểu được ý định, thái độ, quan điểm của tác giả, đọc và sử dụng ngữ cảnh đoán nghĩa từ mới, hiểu được cấu trúc bài nghe/đọc, v.v. các bài tập thông thường gồm trả lời câu hỏi, sắp xếp trật tự câu hoặc ý, xác định câu đúng/sai, lựa chọn câu trả lời đúng, v.v.

GV nên hướng dẫn HV cách thức làm các bài tập từ đó phát triển các kĩ năng nghe/đọc chứ không chỉ chú trọng đến kết quả cuối cùng của bài tập nghe/đọc. Cụ thể là GV hướng dẫn HV các bước làm để đạt đến kết quả cuối cùng của bài tập như phân tích yêu cầu bài tập, tìm các từ chính (key words) trong câu hỏi, vận dụng các kiến thức sẵn có để xử lý yêu cầu bài tập, v.v.

Một số dạng bài tập và kĩ thuật dạy học tích cực sử dụng trong giai đoạn 2:

- Đúng/sai(True/ False): GV chuẩn bị các phiếu học tập (hand-outs) bao gồm một số câu có thông tin đúng hoặc sai với thông tin trong bài đọc/ nghe. HV thảo luận theo cặp và xác định câu nào đúng, câu nào sai và sai ở thông tin nào rồi sửa lại cho chính xác.

- Đa lựa chọn (Multiple Choice): GV chuẩn bị câu hỏi với ba hoặc bốn lựa chọn để HV chọn đáp án đúng.

- Điền vào chỗ trống (Gaps-Fill)

- Biểu bảng (Grids)

- Hoàn thành câu (Sentence Completion)

- Tìm ý chính (Main Idea)

- Đặt câu hỏi cho câu trả lời có sẵn (Answers Given)

- Khớp câu hoặc ý (Matching)

- v.v...

Nên để một khoảng thời gian thích hợp để HV hoàn thành bài tập, sau đó có thể cho HV so sánh đáp án. GV đi quanh, nếu thấy đa số HV trả lời đúng thì gọi một vài HV lên kiểm tra và xác định câu trả lời đúng; nếu thấy đa số HV chưa trả lời được thì hướng dẫn họ nghe/đọc lại, tập trung vào những đoạn hoặc câu có chứa câu trả lời, gợi ý cho HV tìm câu trả lời đúng.

Một kĩ thuật đọc quan trọng mà GV cần phải rèn luyện cho HV là kỹ năng đoán nghĩa của từ mới thông qua ngữ cảnh. Muốn làm được như vậy GV cần khuyến khích HV tiếp tục đọc, không dừng lại khi gặp một từ mới mà đọc lui lại một vài câu và đọc tiếp một vài câu để đoán nghĩa, sử dụng một số kiến thức ngữ pháp như tiền tố, hậu tố để xác định loại từ và sau đó bằng lòng với việc chỉ đoán ra nghĩa khái quát của từ đó. Khi soạn bài GV nên chọn ra những từ nhất định để cho HV tập đoán nghĩa, những từ nào quá khó thì nên dạy trước ở giai đoạn 1, nếu bài có nhiều từ mới không nên để HV phải đoán nghĩa tất cả các từ đó, dễ gây hoang mang, lúng túng cho HV.

Đọc khác với nghe ở chỗ từng cá nhân HV có thể điều chỉnh tốc độ đọc của mình: có đoạn nào không hiểu họ có thể đọc chậm lại hoặc quay lại đọc lại đoạn đó. Nhưng

với nghe, HV phụ thuộc hoàn toàn vào tốc độ của băng cassette hoặc GV. Vì vậy, kĩ năng nghe thường được coi là khó hơn. Lần thứ nhất, thứ hai nên cho HV nghe cả bài để họ nắm được ý chung cũng như bố cục cả bài và làm bài tập, sau đó nếu HV thấy khó thì mới cho nghe lại từng đoạn, dừng lại sau những chỗ khó. Nên hạn chế cho HV nghe từng câu một, vì làm như vậy sẽ khiến HV có thói quen không tốt là phải hiểu nghĩa từng từ, từng câu khi nghe.

Một số kĩ thuật sử dụng trong giai đoạn 3: sau khi nghe/đọc - the post- stage

Trong giai đoạn này HV sử dụng những thông tin đã đọc được hoặc nghe được để làm một việc gì đó có nghĩa với thông tin đó. Thông thường giai đoạn này yêu cầu HV phải sử dụng các kĩ năng sản sinh (receptive skills) như nói hoặc viết để đưa ra tóm tắt, tổng kết các thông tin hoặc vấn đề vừa nghe hay đọc được, nêu quan điểm của mình về các vấn đề đó, hoặc kể về những kinh nghiệm bản thân tương tự với những điều vừa nghe hoặc đọc được.

- Tóm tắt bài nghe/đọc (summarizing): Đây là hoạt động phổ biến sau đọc, vừa củng cố việc hiểu nghĩa của bài vừa giúp HV luyện tập sử dụng những kiến thức và ngôn ngữ vừa học được trong bài. GV không nên chỉ đưa ra yêu cầu “Now summarize the text” chung chung mà cần hướng dẫn tỉ mỉ. Có thể đưa ra một số từ gợi ý để HV dùng những từ đó mà viết tóm tắt; hoặc viết các từ đầu câu để HV chỉ việc hoàn thành các câu đó; hoặc cho một số câu hỏi về những ý chính trong bài, HV viết tóm tắt bằng cách trả lời các câu hỏi đó, v.v. Hoạt động tóm tắt cũng có thể thực hiện qua nói.

- Thảo luận (discussing): HV khá hơn thì có thể dùng hình thức thảo luận nhóm, trao đổi về cảm tưởng, ý kiến, nhận định của bản thân về vấn đề vừa nghe/đọc, hoặc yêu cầu HV viết hoặc nói về một vấn đề tương tự nhưng về bản thân hoặc những hoàn cảnh tương tự như trong bài nghe/đọc.

- Đối với HV các lớp yếu, GV nên thiết kế lại các nhiệm vụ bài học cho vừa sức, tăng cường trợ giúp như cung cấp các từ gợi ý, cho trước khung mẫu, đặt câu hỏi gợi mở dạng trả lời có/không (yes/no question), v.v.

5. Một số kĩ thuật dạy học tích cực sử dụng trong dạy các kĩ năng sản sinh (productive skills): nói và viết

Vì đây là hai kĩ năng sản sinh – HV luyện tập để có thể dùng ngoại ngữ để diễn đạt ý của mình nên các bước trong bài dạy kĩ năng nói và viết không giống với bài dạy nghe và đọc. Ở một số khía cạnh, dạy hai kĩ năng này gần giống dạy các kiến thức ngôn ngữ như từ vựng hoặc ngữ pháp: HV phải được cung cấp ngữ liệu, sau đó luyện tập các ngữ liệu đó và cuối cùng là sử dụng các ngữ liệu đó để diễn đạt ý tưởng của mình một cách tự do hơn. Mặt khác vì đây là bài luyện tập kĩ năng nên bài dạy nói/viết cũng có những hoạt động đặc thù.

Có thể chia bài dạy nói/viết thành ba giai đoạn: giai đoạn chuẩn bị nói/viết; giai đoạn luyện nói/viết có kiểm soát và cuối cùng là giai đoạn nói/viết tự do.

Để bài luyện nói/viết đạt hiệu quả cao các hoạt động luyện tập cần phải thú vị, hấp dẫn và có ý nghĩa, sát thực với đời sống và hoàn cảnh của HV. Bên cạnh đó cũng nên thiết kế các hoạt động có tính thách thức cao hoặc tạo khí thế thi đua giữa các cá nhân, các cặp hay nhóm HV bằng cách tính điểm, có giải thưởng hay phân thưởng cho những bài nói/viết tốt nhất, v.v.

5.1. Dạy kĩ năng nói

Một số kĩ thuật sử dụng trong giai đoạn chuẩn bị nói:

Giai đoạn này có thể sử dụng một số kĩ thuật sau:

- Wordstorm
- Cross word/ puzzle words
- Word chain
- Guessing games
- Memory game
- Situation response
- Mind map
- Information gaps (Grid)
- Describe and draw/guess (Miêu tả và vẽ/đoán)
- Yes/ no contest
-

- Khai thác bài nói mẫu: tùy theo mục tiêu bài nói mà bài mẫu có thể là những phát ngôn đơn lẻ, một đoạn hội thoại hay một đoạn lời nói ngắn. GV sử dụng một số thủ thuật khi khai thác bài mẫu như:

+ Đọc to bài mẫu một lần, chú ý cách phát âm, trọng âm, ngắt giọng phù hợp, HV lắng nghe.

+ Đọc mẫu lần thứ hai, cho HV đọc theo.

- Dùng câu hỏi gợi mở (open questions) để HV tự rút ra cách sử dụng từ, cấu trúc cũng như ý nghĩa trong bài mẫu.

- Làm việc theo cặp/nhóm (Pair-work/Group-work): Cho HV luyện đọc bài mẫu cho thành thạo theo cặp/nhóm. Trong phần này, GV cần chú trọng nhiều đến độ chính xác trong lời nói của HV và nên kịp thời sửa các lỗi sai về phát âm, ngữ pháp, từ vựng.

- Dạy trước một số từ vựng hoặc ngữ pháp cần thiết cho việc thực hiện bài tập nói (sử dụng các thủ thuật dạy từ vựng/ngữ pháp)

- Gọi mở để HV đóng góp những ý tưởng chung cho bài nói (có thể sử dụng hoạt động “động não” (brainstorming) cho cả lớp hoặc cho HV làm việc theo nhóm, thảo luận và liệt kê các ý tưởng, sau đó đóng góp với cả lớp.

Khi đưa ra yêu cầu và hướng dẫn cách thực hiện yêu cầu bài nói, GV lưu ý một số kỹ thuật như:

- Nếu bài nói có nhiều yêu cầu, nên dùng cách đưa yêu cầu theo từng bước (“step by step instruction”).

- Không chỉ đưa ra yêu cầu mà còn phải làm mẫu cho HV thấy cách làm của từng bài như thế nào. Tuy nhiên, GV không nên trực tiếp làm mẫu mà giúp các HV khá giỏi trong lớp làm mẫu.

- Hỏi một vài câu hỏi để kiểm tra xem HV đã thực sự hiểu cách làm và yêu cầu của bài tập hay không.

GV sử dụng một số kỹ thuật sau đây để giúp HV luyện nói theo yêu cầu và sử dụng những ý hoặc từ vựng, cấu trúc cho trước.

- Kỹ thuật tổ chức luyện tập: nên tổ chức cho HV làm việc theo cặp/nhóm để tiết kiệm thời gian và luyện tập nói được nhiều nhất.

Lưu ý: GV nên cho HV thay đổi thường xuyên các cặp, nhóm để HV có thể luyện được với nhiều đối tượng khác nhau và học được nhiều hơn. Có thể sử dụng các kỹ thuật chia nhóm thật nhanh:

+ Chia theo vần tên A, B, C

+ Chia theo màu áo

+ Chia theo độ dài của tóc, chiều cao...

- Vai trò của GV: Một số GV quan niệm rằng sau khi đã làm mẫu và hướng dẫn đầy đủ cho HV là GV có thể ngồi nghỉ ngơi hoặc làm việc khác. Điều đó hoàn toàn không đúng, ở giai đoạn này GV đóng vai trò là người giám sát, giúp đỡ, điều phối. Trong khi HV làm việc theo cặp/nhóm, GV đi quanh các nhóm giám sát, nhắc nhở sao cho họ không sử dụng quá nhiều tiếng mẹ đẻ trong khi luyện tập ngoại ngữ, không có ai trong nhóm nói quá nhiều hoặc quá ít, nếu HV có vướng mắc gì về ngôn ngữ thì GV giúp HV giải quyết ngay.

- Kỹ thuật sửa lỗi: Ở giai đoạn này GV không nên trực tiếp sửa lỗi cho HV mà nên bỏ qua các lỗi không quan trọng. Đối với các lỗi lặp đi lặp lại và phổ biến thì nên

ghi chép lại, sau đó sửa chung ở trước cả lớp. GV nên chỉ nêu câu có lỗi ra ở trước lớp, sau đó khuyến khích HV tự tìm ra lỗi và tự sửa các lỗi đó.

5.2. Dạy kĩ năng viết

Trong dạy viết ngoại ngữ người ta thường phân biệt ba loại hoạt động luyện viết khác nhau: viết có kiểm soát (controlled writing), viết có hướng dẫn (guided writing) và viết tự do (free writing). Chương trình tiếng Anh 11 tập trung vào các hoạt động viết có hướng dẫn. Loại bài tập này đã đỡ máy móc hơn bài tập viết có kiểm soát nhưng vẫn chưa hoàn toàn là bài luyện kĩ năng viết giao tiếp. HV vẫn thực hiện các nhiệm vụ viết dưới sự hướng dẫn của GV mà chưa thể tự do dùng ngôn ngữ để giao tiếp với độc giả. GV có thể sử dụng một số kĩ thuật dạy viết có hướng dẫn như sau:

- Trả lời câu hỏi (sử dụng kĩ thuật “Five questions”)

GV đặt các câu hỏi, HV trả lời các câu hỏi đó và sau đó ghép vào thành bài viết. Nếu kết hợp luyện cả cấu trúc đoạn thì không để các câu hỏi theo trật tự. HV sẽ trả lời các câu hỏi riêng rẽ, sau đó sắp xếp các câu trả lời theo đúng trật tự một đoạn văn.

- Dùng từ cho sẵn để viết thành câu hoặc bài liên ý (sử dụng kĩ thuật “Ordering”):

Cho trước một số từ cơ bản trong câu, HV phải sử dụng các từ đó để viết thành câu hoàn chỉnh có nghĩa. Bài tập loại này có thể có mức độ khó dễ khác nhau. Để tăng độ khó thì yêu cầu HV phải biến đổi nhiều từ loại trong câu, thêm nhiều từ phụ như mạo từ, giới từ, v.v. và đảo lộn trật tự từ trong câu.

6. Dạy kiến thức ngôn ngữ

6.1. Dạy ngữ âm

Chương trình tiếng Anh THPT đưa phần ngữ âm vào dạy chính thức một cách có hệ thống nhưng thông qua các bài luyện tập thiết thực với HV chứ không đi vào các vấn đề lý thuyết ngữ âm. Sách giáo khoa tiếng Anh 11 tập trung vào các vấn đề chính của ngữ âm như trọng âm từ, nhịp điệu trong câu tiếng Anh, và cách phát âm một số âm/từ ở vị trí đặc biệt. Trong phần luyện âm, vai trò hướng dẫn của GV là rất quan trọng. GV cần tìm hiểu và chuẩn bị kĩ để làm mẫu cho HV.

Một số kĩ thuật sử dụng dạy ngữ âm

- Same or different (đúng hay sai)
- Domino (trò chơi Domino)
- Tongue twist (Trò chơi uốn lưỡi)
- Find the difference (Tìm sự khác biệt)

6.2. Dạy từ vựng

Để làm tốt việc giới thiệu từ mới theo yêu cầu đặt ra, cần phân biệt hai khái niệm cơ bản: ngữ nghĩa và cách sử dụng. Nghĩa của từ và cách chúng được dùng như thế nào là hai vấn đề rất khác biệt. Ví dụ, có rất nhiều trường hợp, nếu tra từ điển có thể hiểu được nghĩa của từ dễ dàng, song không phải như vậy là HV học sẽ biết được cách sử dụng từ đó. Cách sử dụng của một từ phụ thuộc rất nhiều vào ngữ cảnh, thói quen của người bản ngữ và các mối quan hệ cùng với môi trường văn hoá và xã hội của họ. Cách sử dụng những ngữ liệu này chỉ có thể được hiểu rõ khi chúng được giới thiệu trong ngữ cảnh hay tình huống mà người bản ngữ đã sử dụng.

Thông thường, trong một bài học luôn xuất hiện từ mới nhưng không phải từ mới nào cũng được dạy như nhau. Để lựa chọn từ cần dạy, cần xem xét những từ chủ động và từ bị động (active and passive vocabulary)

- Từ chủ động là những từ HV hiểu, nhận biết và sử dụng được trong giao tiếp nói và viết.

- Từ bị động là những từ HV chỉ hiểu và nhận biết được khi nghe và đọc.

Cách dạy và giới thiệu hai loại từ này khác nhau. Từ chủ động có liên quan đến cả 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, cần đầu tư thời gian để giới thiệu và luyện tập nhiều hơn, đặc biệt là cách sử dụng. Với từ bị động, có thể chỉ cần dừng lại ở mức nhận biết, không cần thực hiện các hoạt động ứng dụng. GV cần biết lựa chọn và quyết định xem từ nào là từ chủ động và từ nào là từ bị động.

Kỹ thuật dạy nghĩa của từ

- Dùng giáo cụ trực quan (real objects)

GV có thể sử dụng các đồ vật trong lớp hoặc mang tới lớp, sử dụng tranh, ảnh, biểu bảng, sơ đồ hoặc có thể vẽ trực tiếp lên bảng. GV có thể sử dụng các hành động, cử chỉ, điệu bộ. Bản thân GV và HV luôn là nguồn trực quan sinh động mà nếu khéo vận dụng sẽ đem lại hiệu quả tích cực.

- Dùng tình huống (situations)

GV có thể sử dụng các tình huống thực trong lớp hoặc ngoài lớp để chỉ ra nghĩa của từ. Ví dụ: GV có thể chỉ vào một nam HV ngồi giữa hai nữ HV để giới thiệu ý nghĩa của từ *between* bằng cách nói *Tuan is between Lan and Huong*.

- Dùng ngôn ngữ lời nói:

GV có thể sử dụng tiếng Anh hoặc tiếng Việt để chỉ ra ý nghĩa của từ mới. Có thể thực hiện bằng hình thức định nghĩa, sử dụng ngữ cảnh, sử dụng các từ đồng nghĩa,

trái nghĩa hoặc dịch. Sau khi chỉ ra ý nghĩa của từ mới, GV có thể thực hiện một số các kĩ thuật sau để trình bày hình thức của từ đó.

- Vẽ tranh lên bảng để chỉ ra ý nghĩa của từ.
- Nói 1 hoặc 2 câu có chứa từ đó.
- Yêu cầu cả lớp lặp lại từ và cả câu đồng thanh 2 hoặc 3 lần.
- Viết từ hoặc câu đó lên bảng nếu cần thiết.
- Yêu cầu HV dịch câu đó sang tiếng Việt.
- Đặt thêm ví dụ để củng cố từ.
- Đặt câu hỏi để HV trả lời trong đó có chứa từ vừa học.
- Yêu cầu HV chép từ vào vở.

Một số dạng bài tập và kĩ thuật được dùng khi luyện tập từ mới:

- Matching
- Odd-man-out
- Cross word/ puzzle words
- Domino
- Quizz
- Grouping
- Arranging/ Ordering
- Blank-filling
- Substitution
- Replacement
- Sentence-building.

6.3. Dạy ngữ pháp

Nhìn chung, việc dạy các cấu trúc ngữ pháp có thể được thực hiện theo 2 cách chính: diễn dịch và quy nạp. Theo cách diễn dịch, đầu tiên HV được cung cấp một quy tắc cấu trúc ngữ pháp kèm theo lời giải thích và ví dụ minh họa. Sau đó HV luyện tập cách sử dụng. Theo cách quy nạp, đầu tiên HV được tiếp cận một loạt các ví dụ, từ các ví dụ này HV phải khái quát hoá thành các quy tắc với sự gợi ý của GV. Việc lựa chọn một trong hai cách này tùy thuộc vào độ khó của cấu trúc, năng lực của HV cũng như ý thích của GV.

Một số loại hình bài tập và kỹ thuật sử dụng khi dạy cấu trúc ngữ pháp, việc luyện tập một cấu trúc ngữ pháp mới có thể thực hiện qua các loại hình bài tập sau đây:

- Repetition
- Substitution
- Conversion or transformation
- Matching
- Ordering/ rearranging
- Five questions
- Grid (completion)

VI. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

Kiểm tra, đánh giá là yếu tố quan trọng trong quá trình dạy học nhằm cung cấp thông tin phản hồi về năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà HV đạt được trong quá trình cũng như tại thời điểm kết thúc một giai đoạn học tập. Điều này góp phần khuyến khích và định hướng HV trong quá trình học tập, giúp GV và cơ sở giáo dục đánh giá kết quả học tập của HV, qua đó điều chỉnh việc dạy học môn học một cách hiệu quả ở các cấp học.

Việc đánh giá hoạt động học tập của HV phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của Chương trình, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kỹ năng giao tiếp ở từng lớp, hướng tới việc giúp HV đạt được các bậc quy định về năng lực giao tiếp khi kết thúc cấp học.

Hoạt động KTĐG cần được thực hiện theo hai hình thức: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. ĐGTX được thực hiện liên tục thông qua các hoạt động dạy học trên lớp. Trong quá trình dạy học, cần chú ý ưu tiên ĐGTX nhằm giúp HV và GV theo dõi tiến độ thực hiện những mục tiêu đã đề ra trong Chương trình. Việc ĐGĐK được thực hiện vào các thời điểm ấn định trong năm học để đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu cần đạt đã được quy định cho mỗi cấp lớp.

Việc đánh giá được tiến hành thông qua các hình thức khác nhau như định lượng, định tính và kết hợp giữa định lượng và định tính trong cả quá trình học tập, kết hợp đánh giá của GV, đánh giá lẫn nhau của HV và tự đánh giá của HV. Các loại hình kiểm tra, đánh giá cần phù hợp với phương pháp dạy học được áp dụng trong lớp học, bao gồm kiểm tra nói (hội thoại, độc thoại) và kiểm tra viết dưới dạng tích hợp các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ, kết hợp giữa hình thức trắc nghiệm khách quan, tự luận và các hình thức đánh giá khác.

VII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thời lượng dạy học

Chương trình môn Tiếng Anh được dạy ở lớp 11 là 105 tiết được dự kiến số tiết như sau: 35 tuần x 3 tiết/tuần = 105 tiết. Trong đó: học kì I: 18 tuần x 3 tiết/ tuần = 54 tiết, học kì II: 17 tuần x 3 tiết/ tuần = 51 tiết.

2. Các điều kiện cơ bản đảm bảo thực hiện chương trình

Để việc thực hiện Chương trình môn Tiếng Anh hiệu quả, cần bảo đảm các điều kiện cơ bản sau:

2.1. Giáo viên

- Đảm bảo đủ số lượng GV để thực hiện đủ số tiết học theo kế hoạch dạy học. GV phải đạt chuẩn năng lực tiếng Anh và năng lực sư phạm phù hợp với cấp học theo quy định của Bộ GDĐT.

- GV phải đạt trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

- GV phải được hướng dẫn đầy đủ về nội dung và cách thức triển khai Chương trình này. Công tác bồi dưỡng năng lực cho GV phải được tổ chức thường xuyên để thực hiện đúng mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá quy định trong Chương trình.

2.2. Cơ sở vật chất

- Về học liệu: Cần đảm bảo đầy đủ học liệu tối thiểu cho GV và người học theo quy định của Bộ GDĐT. Học liệu có thể bao gồm sách giáo khoa, tài liệu dạy học dưới dạng bản giấy hoặc học liệu điện tử.

- Về phòng học: Phòng học cần đảm bảo thoáng mát, đủ ánh sáng, phù hợp với từng nhóm đối tượng người học cụ thể, đáp ứng các quy định về an toàn và kỹ thuật.

- Về trang thiết bị dạy học: Đảm bảo các trang thiết bị tối thiểu trong một lớp học ngoại ngữ theo quy định của Bộ GDĐT; tăng cường sử dụng thiết bị ứng dụng công nghệ hỗ trợ việc dạy học của GV, việc học và tự học của người học.

- Những cơ sở giáo dục có điều kiện cần nối mạng Internet, trang bị máy tính, màn hình và đầu chiếu, phần mềm dạy học tiếng Anh; khuyến khích sử dụng thiết bị công nghệ thông tin hỗ trợ việc dạy học tiếng Anh.

2.3. Tài liệu hướng dẫn dạy học

Tài liệu hướng dẫn dạy học lớp 11 thực hiện chương trình GDTX cấp THPT môn Tiếng Anh được biên soạn dựa trên chương trình GDPT 2018 và độc lập với bất kỳ bộ

sách nào đang được sử dụng. Các bài dạy được biên soạn với đường hướng giao tiếp là đường hướng chủ đạo. Các ví dụ minh họa trong các bài dạy được lấy từ nhiều bộ sách giáo khoa khác nhau đã được Bộ GDĐT phê duyệt. Dựa vào các hoạt động gợi ý trong mỗi kế hoạch dạy học, GV có thể điều chỉnh số lượng tiết dạy, thời gian cho mỗi hoạt động phù hợp với đặc điểm, trình độ của đối tượng dạy học và điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo.

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN TIẾNG ANH LỚP 11

Chủ đề 1. Healthy lifestyles

Chủ đề này tập trung hướng dẫn dạy học 4 nội dung: Getting started, Language, Reading và Writing trong thời gian 4 tiết.

TIẾT THỨ 1. GETTING STARTED

I GETTING STARTED

A healthy lifestyle

1 Listen and read.

Mark: Hi, Nam!

Nam: Hi, Mark! Long time no see. How are you?

Mark: I'm fine, thanks, but you look so fit and healthy!
Have you started working out again?

Nam: Yes, I have. I've also stopped eating fast food and given up bad habits, such as staying up late.

Mark: I can't believe it! I thought you can't live without burgers and chips!

Nam: I know. I ate a lot of fast food, but now I prefer fresh fruits and vegetables.

Mark: So what happened?

Nam: Well, it was my grandfather. I visited him during my last summer holiday and have learnt a lot of important life lessons from him.

Mark: Really?

Nam: Yes. He's a wonderful person. He has just had his 90th birthday, but he's still full of energy!

Mark: Amazing! How does he stay so active?

Nam: Well, he does exercise every morning, goes to bed early, and eats a lot of vegetables. We spent a lot of time together cooking, working in his garden, and walking in the parks. I've learnt from him that taking regular exercise and eating a balanced diet are the key to a long and healthy life.

2 Read the conversation again and decide whether the following statements are true (T) or false (F).

	T	F
1. Nam has always had healthy habits.		
2. He has learnt the importance of exercise and healthy food.		
3. Nam's grandfather goes to sleep early, exercises every day, and eats healthily.		

3 Fill in the blanks to make phrases from 1 with the following meanings.

- full of _____ having the strength and enthusiasm we need for physical or mental activity.
- bad _____ things we often do that are not good for our health.
- _____ physical or mental activity that we do frequently to stay healthy.
- exercise _____
- _____ the correct types and amounts of food that we need to stay healthy.
- diet _____

4 Complete the text based on the conversation in 1. Use the correct forms of the verbs in brackets.

In the past, Nam (1. eat) _____ fast food and often stayed up late. But he (2. start) _____ eating healthy food and (3. give) _____ up bad habits. He has changed his lifestyle since he (4. visit) _____ his grandfather, who (5. just, celebrate) _____ his 90th birthday.

II LANGUAGE

Pronunciation

Strong and weak forms of auxiliary verbs

Remember!

- Auxiliary verbs at the beginning of Yes/No questions do not receive stress and are pronounced in their weak forms.
- At the end of short answers, they often receive stress and are pronounced in their strong forms.

1 Listen and repeat. Pay attention to the strong and weak forms of the auxiliary verbs. Then practise saying them.

Weak forms	Strong forms	Weak forms	Strong forms
Do you ...? /də/	I do. /du:/	Could we ...? /kəd/	We could. /kəd/
Does she ...? /dəz/	She does. /dʌz/	Were they ...? /wə/	They were. /wəz/
Can I ...? /kən/	You can. /kæn/	Has he ...? /həz/	He has. /həz/

Mark: Have you started working out again?
/həv/

Nam: Yes, I have.
/həv/

Mark: Was it your grandfather who taught you?
/wəz/

Nam: Yes, it was.
/wəz/

2 Work in pairs. Read these sentences out loud. Pay attention to the strong and weak forms of the auxiliary verbs. Then listen and check.

- Does she exercise? - Yes, she **does**.
- Were you eating healthily? - Yes, I **was**.
- Do you eat vegetables? - Yes, I **do**.
- Can he get up early? - Yes, he **can**.

(Nguồn: Tiếng Anh 11, Global Success, Sách học sinh tr. 8-9)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Bước đầu ghi nhớ và sử dụng được các từ và cụm từ liên quan đến chủ đề “A long and healthy life”

- Phân biệt và sử dụng được thì quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành.

2. Năng lực

- Đọc và xác định thông tin chi tiết trong một đoạn hội thoại.

3. Phẩm chất

- Xây dựng và phát triển ý thức về lối sống lành mạnh

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng.
- Tài liệu dạy học: Kế hoạch dạy học, sách giáo khoa, sách bài tập.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo hứng thú trước khi vào nội dung bài học.
- Tăng khả năng hợp tác của HV thông qua hoạt động.
- Giúp HV nắm được chủ đề trước khi vào các hoạt động chính.

b. Nội dung

- Trò chơi: Hang man.

c. Sản phẩm

- HV trở nên hứng thú với bài học hơn và tích cực tham gia các hoạt động của bài học.

d. Tổ chức thực hiện

- GV chia lớp thành hai nhóm và giải thích luật chơi cho HV: Các đội chơi lần lượt đoán chữ cái để đoán từ. Đội nào đoán từ chính xác sẽ được điểm, đoán sai thì đội còn lại sẽ được điểm. Đội nhiều điểm hơn sẽ là đội thắng và đội bị “treo cổ” trước sẽ thua.

- GV chiếu từng từ một để cho HV đoán và sẽ đưa ra đáp án sau mỗi câu trả lời đúng của HV.

- HV làm theo hướng dẫn và tự do đoán chữ cái.
- GV có thể gợi ý nếu HV cần nhiều thời gian để đoán từ.
- GV tuyên dương nhóm thắng cuộc và cả lớp tích cực tham gia trò chơi.
- GV dẫn dắt cả lớp vào chủ đề thông qua những câu hỏi.
- + Hoạt động nào các em nghĩ là xấu hoặc tốt cho sức khỏe của bản thân?
- + Các em hay làm gì để cải thiện sức khỏe?
- + Vậy một “healthy lifestyle” là gì?

Hôm nay, cả lớp sẽ cùng khám phá chủ đề “A healthy lifestyle”

2. Hoạt động 2: Dạy từ vựng

a. Mục tiêu

- HV nắm được các từ vựng liên quan đến chủ đề để đọc hiểu dễ dàng hơn.

b. Nội dung

- Khám phá từ vựng trong ngữ cảnh cố định.

c. Sản phẩm

- HV hiểu được từ vựng liên quan đến chủ đề trước khi vào đoạn hội thoại.

d. Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HV phát âm chính xác các từ mới và xác định từ loại của từ.
- GV phát phiếu bài tập và yêu cầu HV đọc kỹ yêu cầu trước khi làm bài.
- GV yêu cầu HV làm theo cặp và khám phá từ vựng trong vòng 3 phút.
- GV hỗ trợ HV nếu cần thiết.
- GV gọi một số cặp chia sẻ đáp án và yêu cầu giải thích.
- GV chốt đáp án.
- GV giới thiệu bảng từ vựng để khái quát cho HV.

Phiếu bài tập

Name: _____

UNIT 1: A LONG AND HEALTHY LIFESTYLE

Match the underlined words in A with their suitable meanings in B

A	B
1. Her <u>diet</u> is crucial to her lifestyle; it consists of fresh fruits, vegetables, lean proteins, and whole grains.	a. to exercise to improve the strength or appearance of your body
2. She wakes up early every morning to <u>work out</u> at the gym near her house.	b. containing a lot of something
3. She enjoys eating fruits and vegetables which are <u>full of</u> vitamins.	c. the food and drink usually eaten or drunk by a person or group
4. Sarah believes that a <u>fit</u> body needs both physical and mental exercises.	d. a balanced diet combines the correct types and amounts of food.
5. Her dedication to maintaining a <u>balanced</u> lifestyle inspires those around her to make healthier choices too.	e. healthy and strong, especially as a result of exercise

Đáp án gợi ý:

1. c 2. a 3. b 4. e 5. d

Bảng từ tham khảo

Form	Pronunciation	Meaning	Vietnamese equivalent
1. (to) work out	/wɜ:k aʊt/	to exercise to improve the strength or appearance of your body	Tập luyện
2. (be) full of	/fʊl əv/	containing a lot of something	Đầy
3. diet (n)	/'daɪ.ət/	the food and drink usually eaten or drunk by a person or group	Chế độ ăn uống
4. balanced (adj)	/'bælənst/	a balanced diet combines the correct types and amounts of food.	Cân bằng
5. fit (adj)	/fɪt/	healthy and strong, especially as a result of exercise	Cân đối

3. Hoạt động 3: Đọc hội thoại và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu

- Giúp HV làm quen với chủ đề.
- Giới thiệu các từ, cụm từ liên quan đến lối sống lành mạnh.
- Giúp HV nhận biết thì quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành.

b. Nội dung

- Nghe và đọc hội thoại
- Đọc lại đoạn hội thoại và quyết định xem các câu sau đúng (T) hay sai (F).
- Điền vào chỗ trống để tạo thành các cụm từ ở Task 1 với nghĩa sau.
- Hoàn thành đoạn văn dựa vào đoạn hội thoại ở Task 1. Dùng dạng đúng của động từ trong ngoặc.

c. Sản phẩm

- HV có thể hiểu nội dung văn bản và hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1. Nghe và đọc.

- GV yêu cầu HV quan sát các bức tranh trong sách cũng như đoạn hội thoại và trả lời câu hỏi.

- HV trả lời câu hỏi theo cặp.
- GV bật đoạn ghi âm 2 lần.
- HV nghe và đọc.
- GV kiểm tra dự đoán của HV.
- GV gọi 2 HV đọc to đoạn hội thoại.

Câu hỏi:

- What can you see in each picture?
- Who are the speakers?
- What do you think they are discussing?

Đáp án gợi ý:

- Water, vegetables, tape measure
- Nam and his friend Mark are the speakers.
- They are discussing a healthy lifestyle.

Nhiệm vụ 2. Đọc lại đoạn hội thoại và quyết định xem những câu sau đây là đúng (T) hay sai (F).

- GV yêu cầu HV đọc lại đoạn hội thoại và làm việc độc lập để tìm câu trả lời.
- GV hướng dẫn HV gạch chân từ khóa và sử dụng kỹ thuật Scanning để làm bài tập.

- GV nhắc HV gạch chân những thông tin sai và sửa lại những câu sai.
- HV làm việc độc lập để tìm câu trả lời.
- GV cho HV so sánh đáp án theo cặp trước khi cho cả lớp kiểm tra.
- Cả lớp kiểm tra đáp án và nhận xét.

Đáp án gợi ý:

1. F (Nam used to eat a lot of fast food and have bad habits.)
2. T
3. T

Nhiệm vụ 3. Điền vào chỗ trống để tạo thành các cụm từ trong Bài tập 1 với ý nghĩa sau.

- GV yêu cầu HV nhìn vào ô 1 đến 4.
- GV giải thích rằng những từ này là một phần của các cụm từ liên quan đến lối sống lành mạnh có trong đoạn hội thoại ở Bài tập 1.
- GV yêu cầu HV đọc định nghĩa và các từ trong khung sao cho cụm từ bên trái khớp với định nghĩa bên phải. Gạch chân các cụm từ trong đoạn hội thoại.
- Cả lớp kiểm tra câu trả lời.

Đáp án gợi ý:

1. energy
2. habits
3. regular
4. balanced

Nhiệm vụ 4. Hoàn thành đoạn văn dựa trên đoạn hội thoại ở Bài tập 1. Sử dụng dạng đúng của động từ trong ngoặc.

- GV mời một số HV nhắc lại cấu trúc và cách dùng của thì quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành.
- GV yêu cầu HV đọc lướt đoạn văn và chú ý vào các động từ trong ngoặc.
- GV yêu cầu HV hoàn thành câu, sử dụng đúng dạng động từ. Ở các lớp có HV trình độ thấp hơn, GV có thể cho HV tham khảo đoạn hội thoại ở Bài tập 1.
- Cả lớp kiểm tra câu trả lời.
- Viết hai câu (một câu quá khứ đơn và một câu hiện tại hoàn thành) và giới thiệu cho HV những sự khác biệt cơ bản để giúp HV nhận biết và phân biệt hai thì

Đáp án gợi ý:

1. ate
2. has started
3. (has) given
4. visited
5. has just celebrated

4. Hoạt động 4: Thực hành¹

a. Mục tiêu

- HV ghi nhớ những kiến thức cơ bản về giữ gìn sức khỏe;
- HV có thể nói về các phương pháp duy trì lối sống lành mạnh.

b. Nội dung

- Đóng vai.

c. Sản phẩm

- HV có thể nói một đoạn ngắn về những thói quen tốt để giữ gìn sức khỏe.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 5: Đóng vai

- GV yêu cầu HV làm việc theo nhóm.
- Trong mỗi nhóm, một HV đóng vai ông cụ đã ngoài 90 tuổi nhưng vẫn còn rất cường tráng và khỏe mạnh. Những người khác là cháu.
- Ông nội đang đưa ra lời khuyên về cách giữ gìn sức khỏe.
- HV có 3 phút để chuẩn bị đóng vai.
- GV mời 1 hoặc 2 nhóm lên sân khấu đóng vai.
- GV yêu cầu các nhóm khác lắng nghe và nhận xét.
- GV nhận xét và cho điểm nhóm tốt nhất.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV tóm tắt lại những kiến thức đã học trong bài: từ vựng (chủ đề A long and healthy life) và ngữ pháp (thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn)

b. Bài tập về nhà

- Ôn lại từ vựng đã học, cấu trúc và cách dùng của thì quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành.
- Chuẩn bị cho bài Language sẽ học ở tiết tiếp theo.

¹ Hoạt động 4 dành cho lớp có trình độ khá, giỏi và GV còn thời gian để triển khai.

TIẾT THỨ 2. LANGUAGE

II LANGUAGE

Pronunciation

Strong and weak forms of auxiliary verbs

Remember!

- Auxiliary verbs at the beginning of Yes/No questions do not receive stress and are pronounced in their weak forms.
- At the end of short answers, they often receive stress and are pronounced in their strong forms.

1 (3) Listen and repeat. Pay attention to the strong and weak forms of the auxiliary verbs. Then practise saying them.

Weak forms	Strong forms	Weak forms	Strong forms
Do you ...? /də/	I do. /du/	Could we ...? /kəd/	We could. /kud/
Does she ...? /dɪz/	She does. /dɪz/	Were they ...? /wə/	They were. /wɜː/
Can I ...? /kən/	You can. /kæn/	Has he ...? /həz/	He has. /hæz/

Mark: Have you started working out again?
/həv/

Nam: Yes, I have.
/hæv/

Mark: Was it your grandfather who taught you?
/wəz/

Nam: Yes, it was.
/wɒz/

2 (4) Work in pairs. Read these sentences out loud. Pay attention to the strong and weak forms of the auxiliary verbs. Then listen and check.

1. Does she exercise? – Yes, she **does**.
2. Were you eating healthily? – Yes, I **was**.
3. Do you eat vegetables? – Yes, I **do**.
4. Can he get up early? – Yes, he **can**.

Vocabulary

Health and fitness

1 Match each word (1-5) with its meaning (a-e).

1 treatment (n)



2 strength (n)



3 muscles (n)



a pieces of flesh in our body that allow the movement of our arms, legs, etc.

b something that helps to cure an illness or injury

c the quality of being physically strong

d to have a health problem

e to look at someone's body carefully to find out if there is a health problem

4 suffer (from) (v)



5 examine (v)



2 Complete the following sentences using the correct forms of the words in 1.

1. The doctor _____ her carefully, but could not find anything wrong.
2. He is receiving _____ for his health problem.
3. Regular exercise can help you improve your muscle _____.
4. To build your _____, you can try lifting weights.
5. Nam can't sleep well. He is _____ stress.

Grammar

Past simple vs. Present perfect

Remember!

We use the past simple to describe:

- something that started and finished in the past.
*Example: You **did** a great job yesterday.*
- something that was completed in the past (often used with a time phrase).
*Example: We **lived** in Ha Noi when I was little. Now we live in Hai Phong.*

We use the present perfect to describe:

- something that started in the past, and is still happening now (often used with *since*, *for*, *so far*).
*Example: You **have done** a great job so far.*
- something that was completed in the very recent past (often used with *just* or *recently*).
*Example: We **have just moved** to Hai Phong.*

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Sử dụng các từ vựng liên quan đến chủ đề “A long and healthy life” (Một cuộc sống lâu dài và lành mạnh).
- Nhận biết và biết cách phát âm các dạng mạnh và yếu của trợ động từ.
- Phân biệt được cách cấu tạo và cách dùng của thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn.

2. Năng lực

- Nói và áp dụng đúng từ vựng, chủ đề ngữ pháp và phát âm vừa được học

3. Phẩm chất

- Nâng cao ý thức về lối sống lành mạnh.
- Hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động làm việc theo cặp và nhóm.
- Tích cực tham gia các hoạt động của lớp.
- Tự rèn luyện kỹ năng tự học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng.
- Tài liệu dạy học: Kế hoạch dạy học, sách giáo khoa Global Success 11, sách bài tập.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo bầu không khí học tập vui vẻ trước khi bắt đầu bài học chính thức.
- Gợi nhớ kiến thức liên quan đến chủ đề.
- Nâng cao khả năng phối hợp của HV.

b. Nội dung

- Xem video và đếm số trợ động từ được dùng trong video, lưu ý về giọng điệu nhấn mạnh của nhân vật khi sử dụng trợ động từ (nhân vật nhấn mạnh hay chỉ nói lướt qua trợ động từ đó).

- Link video: <https://www.youtube.com/watch?v=YpgZ5Cd78rs> (00:00 - 01:19)

c. Sản phẩm

- HV hứng thú hơn với bài học hơn và tự tin tham gia các hoạt động của bài học.
- HV nghe và phát hiện từ video các trợ động từ được sử dụng cùng cách phát âm.

d. Tổ chức thực hiện

- GV giải thích luật chơi cho HV
- + GV hướng dẫn HV làm việc theo bàn.
- + HV xem video (được phát 1 lần), ghi lại các trợ động từ được sử dụng trong video, và số lần những trợ động từ đó được dùng.
- + Sau khi video kết thúc, các bàn thảo luận và chốt lại đáp án.
- + Đội nào có đáp án gần với đáp án đúng nhất sẽ được nhận phần thưởng.
- GV dẫn vào bài: Trợ động từ là một hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh. Tuy nhiên, trong giao tiếp, chúng được chia ra làm hai dạng phát âm là mạnh và yếu. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu kỹ hơn về hai dạng phát âm của trợ động từ, và trong những trường hợp nào, dạng mạnh hay yếu sẽ được sử dụng.

Đáp án gợi ý:

0:14: Don't you get tired of this?

0:15: What do you mean...

0:18: Doesn't it ever get

0:20: Um I don't know...

0:50: You do?

0:52: I don't understand...

2. Hoạt động 2: Dạy phát âm

a. Mục tiêu

- Giúp HV nhận biết và luyện tập được các dạng mạnh - yếu của trợ động từ.

b. Nội dung

- Nghe và nhắc lại. Chú ý đến cách phát âm dạng mạnh - yếu của trợ động từ. Sau đó, luyện tập phát âm với các dạng mạnh - yếu của trợ động từ đó.

- Làm việc theo nhóm. Đọc thành tiếng các câu đã cho. Chú ý đến cách phát âm dạng mạnh - yếu của trợ động từ.

c. Sản phẩm

- HV nhận biết được và áp dụng phát âm chính xác các dạng mạnh - yếu của trợ động từ trong các câu hỏi "Có - Không"/ câu hỏi dạng đảo.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Nghe và nhắc lại. Chú ý đến cách phát âm dạng mạnh - yếu của trợ động từ. Sau đó, luyện tập phát âm với các dạng mạnh - yếu của trợ động từ đó.

- GV yêu cầu HV nghe và chú ý đến dạng mạnh (màu đỏ) và dạng yếu (màu xanh) của trợ động từ.

- GV yêu cầu HV nghe lại băng và nhắc lại theo băng.
- GV cho HV nhắc lại cấu trúc, cách dùng của trợ động từ ở câu hỏi nghi vấn thì hiện tại đơn, quá khứ đơn ...
- GV yêu cầu HV đọc và ghi nhớ phần ghi chú “Remember!”. GV kiểm tra độ hiểu của HV thông qua hoạt động gọi một vài HV giải thích ngắn gọn về các dạng mạnh yếu của trợ động từ.

Gợi ý:

- Trợ động từ ở đầu câu hỏi dạng đảo không nhận trọng âm, được phát âm ở dạng yếu.
- Trợ động từ ở cuối câu trả lời ngắn thường nhận trọng âm và được phát âm ở dạng nhấn mạnh.

A: Did you sleep early last night?

B: Yes, I did.

Nhiệm vụ 2: Làm việc theo nhóm. Đọc thành tiếng các câu đã cho. Chú ý đến cách phát âm dạng mạnh - yếu của trợ động từ.

- GV hướng dẫn HV đọc lướt qua các câu hỏi và câu trả lời, sau đó đọc to riêng những từ màu đỏ và những từ màu xanh
- GV yêu cầu cả lớp đọc đồng thanh các câu hội thoại trong bài, chú ý đến dạng mạnh - yếu của trợ động từ.
- GV yêu cầu HV làm việc theo nhóm, lần lượt đọc thành tiếng các câu hội thoại, chú ý đến dạng mạnh - yếu của trợ động từ.
- GV mời một số HV đứng dậy đóng vai hội thoại, yêu cầu các HV khác lắng nghe và nhận xét xem các trợ động từ. được sử dụng đã được phát âm đúng hay chưa.

Đáp án gợi ý:

1. Does she...? - Yes, she does.
2. Were you...? - Yes, I was.
3. Do you ...? - Yes, I do.
4. Can he...? - Yes, he can.

3. Hoạt động 3: Dạy từ vựng

a. Mục tiêu

- Giới thiệu từ và cụm từ liên quan đến chủ đề sức khỏe và việc luyện tập để khỏe mạnh.
- Giúp HV sử dụng được từ vựng liên quan đến chủ đề trong ngữ cảnh.

b. Nội dung

- Nối từ với nghĩa của chúng.
- Dùng những từ đã cho trong nhiệm vụ 1, hoàn thành câu với dạng đúng của từ.

c. Sản phẩm

- HV có thể hiểu nội dung của bài đọc và hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ học tập.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Nối từ với nghĩa của chúng.

- GV giới thiệu HV những từ vựng trong bài đều là những từ và cụm từ liên quan đến chủ đề bài học.

- GV yêu cầu HV nối các từ với nghĩa của chúng, gợi ý rằng HV có thể nhìn vào các bức tranh và từ việc giải nghĩa bức tranh, HV sẽ đoán được nghĩa của từ/cụm từ một cách độc lập và sâu sắc hơn.

Đáp án gợi ý:

1. b 2. c 3. a 4. d 5. e

Nhiệm vụ 2: Dùng những từ đã cho trong nhiệm vụ 1, hoàn thành câu với dạng đúng của từ.

- GV yêu cầu HV đọc kỹ các câu đã cho trong bài, lựa chọn chính xác các từ cần điền, và thay đổi dạng từ nếu cần thiết.

- GV gọi các HV đọc to câu đã hoàn chỉnh và giải thích.
- GV chốt đáp án.

Đáp án gợi ý:

1. examined
2. treatment
3. strength
4. muscles
5. suffering from

4. Hoạt động 4: Dạy ngữ pháp

a. Mục tiêu

- HV phân biệt và sử dụng được hai thì quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành.

b. Nội dung

- Chia động từ trong ngoặc để hoàn thành câu.
- Làm việc theo cặp, nói về những việc bạn đã làm để giữ sức khỏe và vóc dáng. Sử dụng thì quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành trong bài nói.

c. Sản phẩm

- HV có thể sử dụng ngôn ngữ và ý tưởng từ bài học để trình bày ý kiến của mình.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Chia động từ trong ngoặc để hoàn thành câu.

- GV yêu cầu HV nhắc lại cấu tạo và cách dùng của thì quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành.
- GV yêu cầu HV đọc hiểu phần ghi chú trong mục “Remember” để phân biệt được rõ hơn sự khác nhau giữa thì quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành.
- GV yêu cầu HV chú ý đến cách sử dụng câu, gạch chân dưới các dấu hiệu nhận biết: *ago, yesterday* của thì quá khứ đơn và *yet, already, for, since* của thì hiện tại hoàn thành
- GV yêu cầu HV hoàn thành nhiệm vụ, sau đó yêu cầu mỗi HV lên bảng viết đáp án của mình và giải thích tại sao chia động từ ở thì đó.
- GV chốt và giải thích đáp án trước lớp.

Đáp án gợi ý:

1. saw
2. suffered
3. have been improved
4. has just examined

Nhiệm vụ 2: Làm việc theo cặp. Nói về những việc bạn đã làm để giữ sức khỏe và vóc dáng. Sử dụng thì quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành trong bài nói.

- GV yêu cầu HV làm việc theo cặp, chia sẻ về những thói quen lành mạnh của mình. HV có thể xây dựng thành một đoạn hội thoại, sử dụng thì quá khứ đơn và hiện tại hoàn thành
- GV khuyến khích HV sử dụng các từ và cụm từ đã được học liên quan đến chủ đề của bài và quy tắc phát âm các dạng mạnh - yếu của trợ động từ trong đoạn hội thoại của mình.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV liệt kê lại những kiến thức vừa học.

b. Bài tập về nhà

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.
- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo.

TIẾT THỨ 3. READING

1.4

READING

Open-ended questions

I can identify specific information in an article about food waste.

1 Read VIỆT NAM TODAY and discuss the questions.

- Which facts do you find most surprising?
- Do you think the situation is similar or different in other countries you know?

VIỆT NAM TODAY

- Việt Nam ranks second in the food waste indicator in the Asia-Pacific region.
- 87% of the surveyed households waste their food on a weekly basis.
- 8 million tons of food is wasted every year, causing a loss of 3,9 billion US dollars.
- 68% of the wasted food are rice and noodles.

(Source: thesaigonimes.vn)

3 Match headings a–c with paragraphs 1–2 in the article. There is one extra heading.

- Everyone is welcome in *The Real Junk Food* cafés.
- Children are taught how to make positive changes at home.
- A mission to end food waste.

EXAM FOCUS Open-ended questions

4 Read the article again and answer questions 1–4.

- How did Adam Smith get the idea to set up *The Real Junk Food* Project?
- How many people in the world do not have sufficient food to eat?
- What is the point of selling meals on a pay-as-you-feel basis?
- What kind of work can volunteers do for *The Real Junk Food* Project?

5 Work in pairs. Imagine there is a café like *The Real Junk Food* in Hà Nội. Discuss if you would consider eating or working there. Give reasons for your choice.

2 Match the photos with the words and phrases given.

A junk food

B agricultural sector

C catering industry

D hunger

E nutritious meals

F food waste



The Real Junk Food Project

1.04

1

Adam Smith is the founder of **THE REAL JUNK FOOD PROJECT**. He is passionate about collecting food that has been discarded by supermarkets, and transforming this wasted food into healthy nutritious meals.

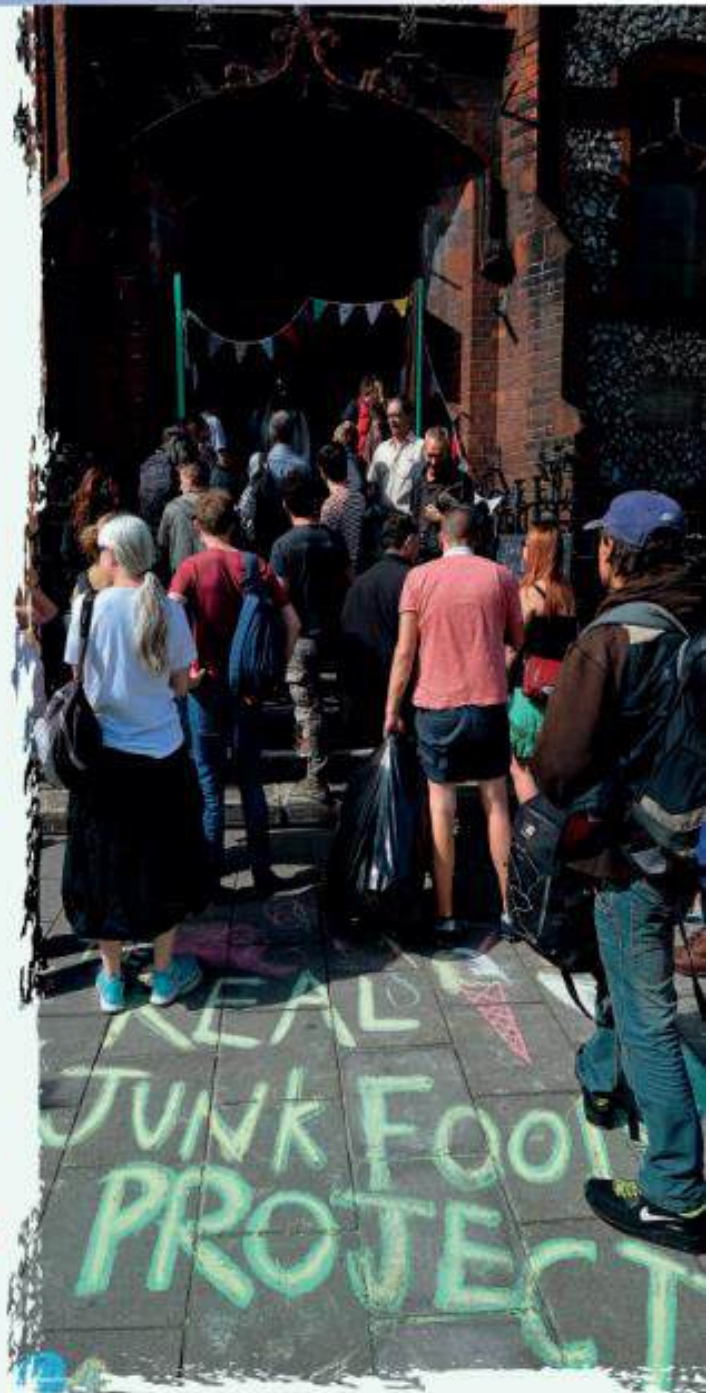
Smith worked as a head chef for ten years and thought of the idea for The Real Junk Food Project when he was travelling in Australia and witnessed the scale of **food waste** in the **agricultural sector** and **catering industry**. The **global statistics** are shocking: roughly one third of food produced in the world for human consumption every year gets lost or wasted. Smith founded The Real Junk Project to fill the gap between hunger and excess food, and to raise awareness about how much food goes to waste.

“ Over 800 million people in the world (that’s one in every nine people on Earth) do not have enough food...”

2

Smith started the project and opened the first Real Junk Food café in his hometown Leeds in 2013. Since then, the concept has been exported as far away as Los Angeles and Brazil, Warsaw and Zurich. The idea is simple: volunteers go out and collect food from various sources: farms, restaurants, factories and supermarkets. Meals

are produced and sold in cafés on a ‘pay-as-you-feel’ (PAYF) basis so that nobody is excluded. The cafés are for the community in general, not only for the poor. Those who can afford it pay what they think the meal is worth, while those who can’t afford to buy meals from the café can earn their meals by volunteering – for instance, they can help with the washing up.



(Nguồn: Tiếng Anh 11, English discovery, Sách học sinh tr. 10-11)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Liệt kê và sử dụng được những từ và cụm từ liên quan đến chủ đề bài báo “Food waste” (*Đồ ăn thừa*).

2. Năng lực

- Đọc và xác định thông tin khái quát và thông tin chi tiết của một bài đọc hiểu.
- Thảo luận về chủ đề cụ thể thông qua hoạt động nói của HV.

3. Phẩm chất

- Xây dựng và phát triển ý thức về “*Food waste*”.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng.
- Tài liệu dạy học: Kế hoạch dạy học, sách giáo khoa, sách bài tập.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo bầu không khí học tập hào hứng trước bài học chính thức.
- Tăng khả năng phối hợp của HV thông qua hoạt động.

b. Nội dung: Trò chơi: Đuổi hình bắt chữ (Catch the words).

c. Sản phẩm: HV trở nên hứng thú với bài học hơn và tự tin tham gia các hoạt động của bài học.

d. Tổ chức thực hiện

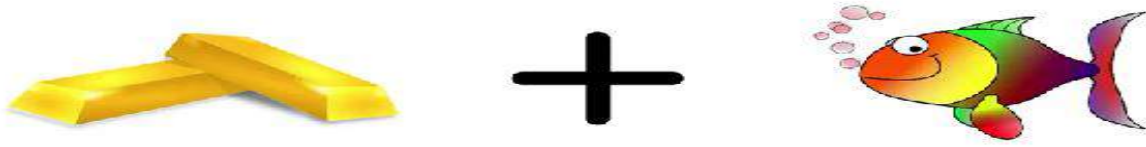
- GV chia lớp thành hai nhóm và giải thích luật chơi cho HV: ***Các đội chơi nhìn tranh để đoán từ. Đội nào đoán từ chính xác sẽ được điểm, đoán sai thì không nhận được điểm. Đội nhiều điểm hơn sẽ là đội thắng.***

- GV chiếu từng cặp tranh một để cho HV đoán (có chiếu ví dụ trước) và sẽ đưa ra đáp án sau mỗi câu trả lời đúng của HV.

- HV làm theo hướng dẫn và tự do đoán chữ cái.
- GV có thể gợi ý nếu HV cần nhiều thời gian để đoán từ.
- GV chiếu lại bảng tổng hợp từ sau khi kết thúc hoạt động.

Gợi ý:

0. Goldfish (Example)



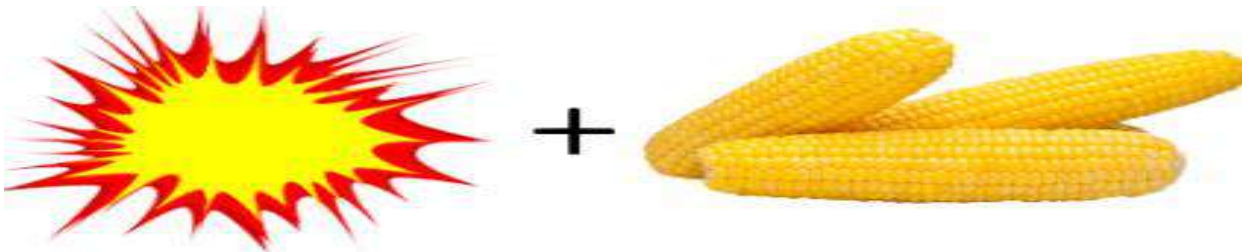
1. Firefox



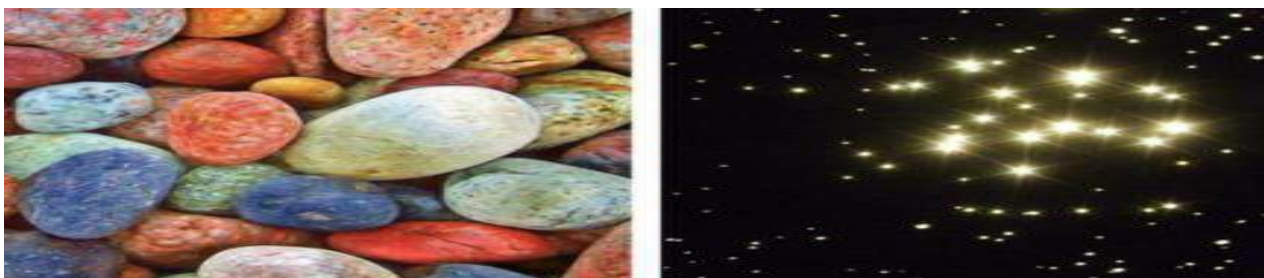
2. Fast food



4. Popcorn



5. Rockstar



2. Hoạt động 2: Trước khi đọc

a. Mục tiêu

- Bước đầu gợi nhớ kiến thức của HV về chủ đề bài học và tạo ngữ cảnh cho bài đọc.

- Tạo cho HV hứng thú đối với bài tập đọc hiểu.

b. Nội dung

- YES or NO? (Thay đổi dựa trên nhiệm vụ 1, sgk English discovery, trang 10).
- Matching the photos with the words and phrases given.

c. Sản phẩm

- HV có thể bàn luận về các sự thật về đồ ăn quanh thế giới.
- HV ghi nhớ một số từ vựng trước khi đọc.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: YES or NO?

- GV chiếu những câu chứa sự thật và hỏi các em “Which facts do you find most surprising?” và “Do you think the situation is similar or different in other countries you know?”.

- GV tổng kết các câu trả lời và đưa ra câu trả lời mở cho HV.

Gợi ý:

1. Việt Nam ranks third in the food waste indicator in the Asia-Pacific Region. - No (second not third)
2. 87% of the surveyed households waste their food on a weekly basis. - Yes
3. 1 million tons of food is wasted every year, causing a loss of 3.9 billion US dollars. - No (8 million not 1 million)
4. 68% of the wasted food are rice and noodles. - Yes

Nhiệm vụ 2: Ghép tranh với các từ/ cụm từ cho trước

- GV yêu cầu HV làm nhiệm vụ số 2 trang 10 (làm cá nhân).
- GV gọi một số HV lên đưa ra câu trả lời và gọi một số HV khác nếu có đáp án khác.
- GV chữa bài và chiếu bảng tổng kết từ vựng.

Đáp án gợi ý:

1. F 2. A 3. E 4. B 5. C 6. D

3. Hoạt động 3: Trong khi đọc

a. Mục tiêu

HV có thể phát triển và rèn luyện kỹ năng đọc hiểu thông tin chung và thông tin chi tiết.

b. Nội dung

- Ghép đôi (Thay đổi dựa trên nhiệm vụ 3: Đọc lại văn bản và chọn tiêu đề phù hợp nhất với từng đoạn văn).

- Đọc lại văn bản và chọn đáp án đúng cho mỗi câu hỏi tương ứng .

c. Sản phẩm

- HV có thể hiểu rõ nội dung của bài đọc và hoàn thành các nhiệm vụ một cách xuất sắc.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Ghép đôi

- GV yêu cầu HV làm việc theo cặp

- GV phát cho HV mỗi cặp hai loại phiếu (một em nhận được các phiếu ghi tiêu đề các đoạn văn, em còn lại nhận được các phiếu ghi các đoạn văn bản)

- GV yêu cầu các em ghép đoạn cho đúng tiêu đề phù hợp

- GV đưa ra một số hướng dẫn để giúp HV tìm kiếm ý chính của toàn bộ bài đọc (*Chú ý vào câu chủ đề, tìm từ chìa khóa, tìm câu kết luận*)

- GV gọi một số HV giải thích sự lựa chọn của mình và đưa ra đáp án kết luận

Đáp án gợi ý:

1. C

2. A

Nhiệm vụ 2: Đọc lại văn bản và chọn đáp án đúng cho mỗi câu hỏi tương ứng

- GV yêu cầu HV đọc phần câu hỏi.

- HV gạch chân những từ khóa.

- GV chiếu những từ khóa cần gạch chân.

- GV yêu cầu HV dự đoán câu trả lời.

- GV nhắc nhở HV chú ý vào phần thông tin được viết lại theo một cách khác hoặc chú ý vào phần từ đồng nghĩa, trái nghĩa được sử dụng trong phần đọc hiểu.

- GV yêu cầu HV làm bài, gạch chân phần thông tin chứa đáp án trong bài đọc hiểu.

- HV trao đổi đáp án theo cặp.

- GV gọi một số HV yêu cầu chia sẻ với lớp.

- GV chữa bài và chốt đáp án cuối cùng.

Đáp án gợi ý:

1. When he was traveling in Australia and saw how much food was wasted
2. Over 800 million people
3. The point is that nobody is excited
4. They can collect food and help with the washing up.

4. Hoạt động 4: Sau khi đọc

a. Mục tiêu

- Kiểm tra sự hiểu bài của HV về đoạn văn đã đọc.
- Giúp một số HV nâng cao kỹ năng thuyết trình.
- Luyện tập kỹ năng làm việc nhóm.
- Cung cấp cho HV cơ hội thực hành sử dụng ngôn ngữ.

b. Nội dung

- Thảo luận “Imagine there is a cafe like **The Real Junk Food** in Hà Nội. Discuss if you would consider eating or working there. Give reasons for your choice.”

c. Sản phẩm

- HV có thể sử dụng ngôn ngữ và ý tưởng từ bài học để phản ánh về quan điểm của họ.

d. Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HV lựa chọn và liệt kê nguyên nhân để giải thích sự lựa chọn của bản thân.
- GV yêu cầu HV làm việc theo cặp, thảo luận về các vấn đề đã được nhắc đến.
- GV nhắc nhở HV tập trung vào chủ đề, tránh lạc đề và những câu sáo rỗng, không có sức thuyết phục.
- GV mời một số nhóm chia sẻ câu trả lời của họ với toàn bộ lớp.
- GV yêu cầu các HV khác lắng nghe và đưa ra nhận xét.
- GV đưa ra phản hồi và đánh giá kết quả của HV.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

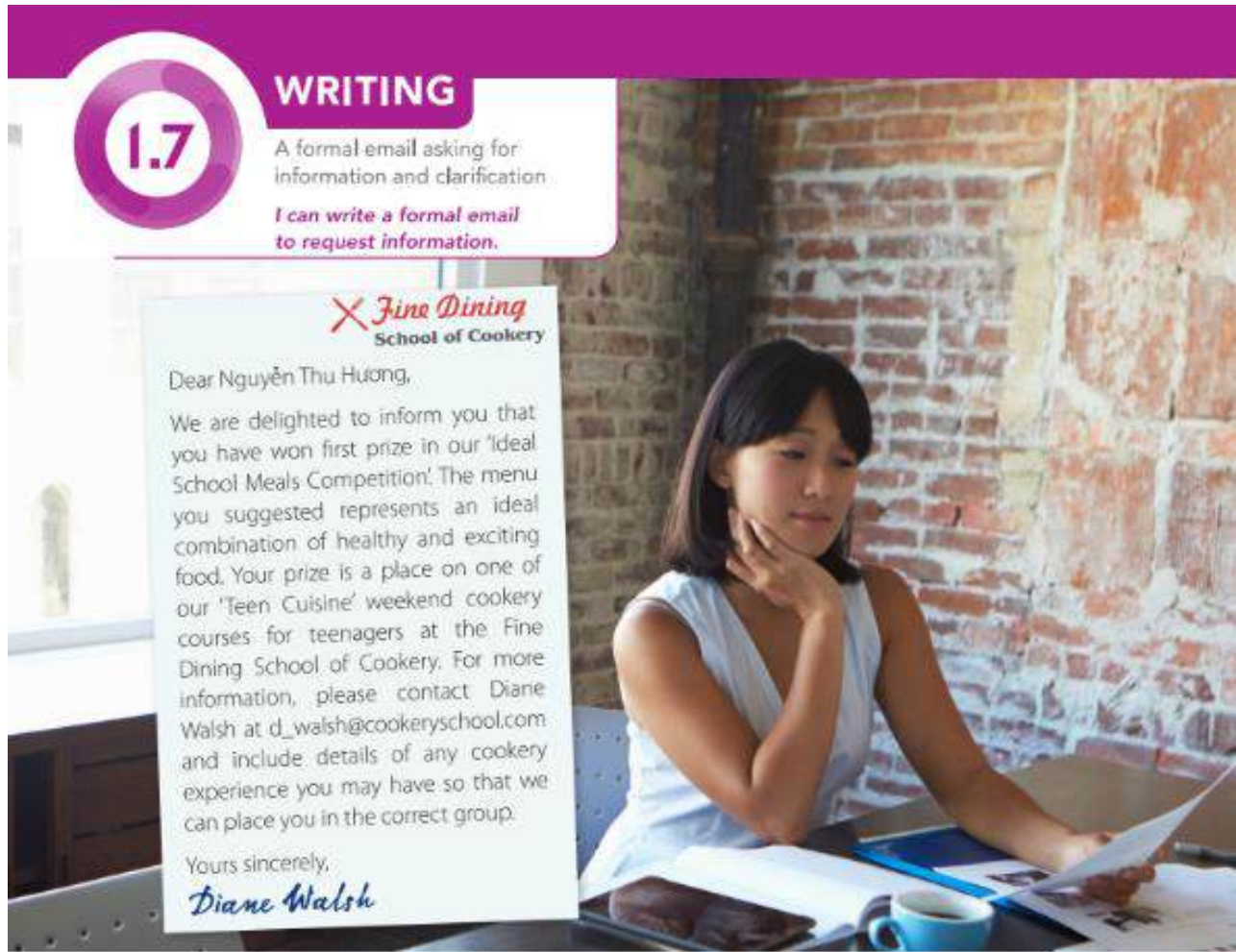
- GV yêu cầu HV chỉ ra những thông tin/ kiến thức mới mà các em đã học trong bài.

- GV tổng hợp lại kiến thức giúp HV hệ thống lại kiến thức đã học và dành những lời nhận xét để khích lệ HV.

b. Bài tập về nhà

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.
- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo.

TIẾT THỨ 4. WRITING



- 1 Read the letter. Think of three questions you would ask about the prize mentioned in the letter.
- 2 Read Hương's reply.

¹Hi Diane,

²Thanks for your letter **telling** me that I have won the competition. ³I'm very **happy** and ⁴I can't wait for the 'Teen Cuisine' experience. I am ⁵getting in touch to ask for more information about the course. I have **lots of** questions that I **want** to ask.

First, what are the dates and times of the next course? Also, do I need to bring anything with me? I do not have my own special clothing or kitchen **stuff**.

You asked about cookery experience and in fact, I have never done a cookery course before. However, we did have some cookery lessons at school and I do quite a lot of cooking at home. You mentioned placing me in the correct group, but ⁶you didn't say which levels are available.

Thank you once again for choosing my menu as the winner. ⁷Write back and answer my questions soon.

Yours sincerely,
Nguyễn Thu Hương

- 2a Parts of Hương's email are too informal. Match the words in purple in the email with the more suitable formal alternatives below.

- 1 equipment – _____
- 2 informing – _____
- 3 would like – _____
- 4 a number of – _____
- 5 Thank you – _____
- 6 pleased – _____

- 2b Replace the underlined phrases in the email with the more formal alternatives below.

- a I hope to hear from you ...
- b I am ...
- c could you clarify ...?
- d Dear Ms. Walsh,
- e contacting you ...
- f I am looking forward to

3 Read the **WRITING FOCUS** and complete it with the phrases in Exercise 2.

WRITING FOCUS

A formal email asking for information and clarification

- Start the email politely.
Dear Sir or Dear Madam
Dear Sir / Madam (if gender is unknown)
Dear Mr., Dear Mrs. or Dear Miss (to a young woman) + surname
Dear Ms. + surname (to an unmarried woman, or if you are not sure) ¹Dear Ms. Walsh
- Don't use:
 - **abbreviations:** ~~Thanks~~ = Thank you
 - **informal phrases:** ~~lots of~~ = several, a number of
~~I can't wait for~~ = ² _____
 - **contractions:** ~~I'm~~ = ³ _____
- In the first paragraph, refer to the letter / email / advert you are responding to and say why you are writing.
Thank you for your letter / email informing me that ... / regarding ...
I'm ⁴ _____ to enquire about / ask for ...
- If something is unclear, ask for clarification using indirect questions.
⁵ _____ which levels are available?
Could you confirm / explain when / where / what / how / whether / if ...?
- In the final paragraph, mention that you would like a reply.
I look forward to receiving your reply soon.
⁶ _____ soon.
- Close the email politely.
Yours sincerely (if you know the name of the person you are writing to)
Yours faithfully (if you started the letter with Dear Sir / Madam or Dear Sir or Madam)

4 Choose the more formal alternative.

- 1 a Hello there,
b Dear Mr. Stein,
- 2 a Thank you for contacting me ...
b Thanks for your email ...
- 3 a I want to know about ...
b I would like to enquire about ...
- 4 a I look forward to hearing from you soon.
b Please write back soon.
- 5 a All the best,
b Yours sincerely,

5 Write indirect questions using the question beginnings in brackets.

- 1 What time do I have to arrive?
(Could you tell me ...)
- 2 Is the school near the station?
(Can you tell me ...)
- 3 How many students are there on the course?
(I would like to know ...)
- 4 Do you offer accommodation on campus?
(Could you tell me ...)
- 5 Do students get a certificate at the end?
(I would like to know ...)

6 Rewrite Hương's email request for further information using indirect questions where possible.



(Nguồn: Tiếng Anh 11, English discovery, Sách HV tr. 10-11)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhớ và sử dụng được những cụm từ và cấu trúc của một lá thư trang trọng.
- Nhớ và sử dụng được những câu hỏi gián tiếp trong thư trang trọng.

2. Năng lực

- Xác định được cấu trúc của một bức thư trang trọng.
- Viết một bức thư với những yêu cầu cụ thể.

3. Phẩm chất

- Nâng cao nhận thức về sự cần thiết và ý nghĩa một bức thư trang trọng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng.
- Tài liệu dạy học: Kế hoạch dạy học, sách giáo khoa, sách bài tập.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo bầu không khí thoải mái và hứng thú trước khi vào nội dung bài học.
- Tăng khả năng phối hợp của HV thông qua hoạt động.
- Bước đầu dẫn HV đến chủ đề bài học.

b. Nội dung

- Xem video và ghi lại những cụm từ khóa trong video.

c. Sản phẩm

- HV trở nên hứng thú với bài học hơn và nắm được chủ đề của bài học.

d. Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HV đảo các chữ cái để tạo thành một từ có nghĩa

Gợi ý: **MALROF RETTLE => FORMAL LETTER**

- GV chiếu từng từ để cho HV đoán
- HV làm theo hướng dẫn và tự do đoán chữ - GV chốt lại đáp án
- GV dẫn HV vào chủ đề bằng cách hỏi câu hỏi “ Can you guess our lesson topic today?”

- HV trả lời câu hỏi.

- GV chốt chủ đề để dẫn HV vào bài học **“So today, we will discover how to write a formal letter”**

2. Hoạt động 2: Trước khi viết

a. Mục tiêu

- Giúp HV làm quen và nắm chắc cấu trúc của một bức thư điện tử trang trọng.
- Giúp HV sử dụng đa dạng các từ và cụm từ trong một bức thư điện tử.

b. Nội dung

- Đọc lá thư và viết ba câu hỏi về giải thưởng được đề cập đến trong lá thư.
- Đọc lá thư trả lời của Hương. Ghép các từ màu tím trong thư của Hương với các từ trang trọng hơn. Thay các cụm từ được gạch chân trong thư của Hương bằng các cụm từ trang trọng và phù hợp hơn.
- Phân biệt các phần của một lá thư trang trọng.
- Phân biệt hai cách viết: trang trọng và thân mật

c. Sản phẩm

- HV có thể nắm được từ và các cụm từ có ích cũng như cấu trúc sử dụng trong một bức thư điện tử.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Đọc lá thư và viết ba câu hỏi về giải thưởng được đề cập đến trong lá thư.

- GV yêu cầu HV đọc lá thư của Diane Walsh và nghĩ ba câu hỏi về giải thưởng mà Diane đã đề cập trong lá thư .
- GV đưa ra các **Question words** để gợi ý cho HV.
- GV gọi một số HV đưa ra câu hỏi.
- GV gọi một số bạn khác nhằm tạo sự đa dạng về câu trả lời.
- GV sửa lại lỗi sai về từ vựng và ngữ pháp nếu có.
- GV dẫn dắt để HV đọc lá thư trả lời ở nhiệm vụ 2. (Lá thư của Hương là lá thư trả lời lá thư của Danie Walsh).

Nhiệm vụ 2: Đọc lá thư trả lời của Hương. Ghép các từ màu tím trong thư của Hương với các từ trang trọng hơn. Thay các cụm từ được gạch chân trong thư của Hương bằng các cụm từ trang trọng và phù hợp hơn.

- GV yêu cầu HV đọc lá thư của Hương và hỏi về tông giọng của Hương trong lá thư là thân thiện hay trang trọng.
- GV yêu cầu HV chỉ ra những cụm từ mà Hương sử dụng thể hiện sự quá thân thiện
- GV hướng dẫn HV làm việc cá nhân, nối các từ màu tím trong thư của Hương với các từ trang trọng hơn, thay các cụm từ được gạch chân trong thư của Hương bằng các cụm từ trang trọng và phù hợp hơn
- GV yêu cầu HV đối chiếu đáp án theo cặp
- GV gọi một số HV chia sẻ đáp án và chốt đáp án đúng cho cả lớp

Đáp án gợi ý:

2a: 1. stuff 2. telling 3. want 4. lots of 5. Thanks 6. happy

2b: a. 6 b. 2 c. 5 d. 1 e. 4 f. 3

Nhiệm vụ 3: Phân biệt các phần của một lá thư trang trọng.

- GV sửa lá thư của Hương bằng cách sửa thành tất cả những từ, cụm từ trang trọng hơn, tuy nhiên GV vẫn giữ khung bài.
- GV chiếu bức thư đã sửa lên bảng trình chiếu.
- GV yêu cầu HV ghép cặp và phát cho mỗi cặp 2 loại phiếu.
- + Các phiếu loại 1: Cấu trúc một bức thư (Start, the first paragraph, the second paragraph, the final paragraph, close).
- + Các phiếu loại 2: Bức thư của Hương nhưng chia ra làm các phần tương ứng.
- GV yêu cầu mỗi cặp ghép phiếu loại 1 và phiếu loại 2 thành các phần tương ứng và sắp xếp theo thứ tự đúng của một bức thư, cặp nào xếp nhanh nhất là đội chiến thắng.
- GV gọi một số HV trình bày câu trả lời.
- GV chốt đáp án.
- GV chiếu phần WRITING FOCUS, yêu cầu HV đọc và hoàn thành bằng cách điền các cụm từ ở nhiệm vụ 2.

Nhiệm vụ 4: Phân biệt hai cách viết: trang trọng và thân mật

- GV phát thẻ ghi có từ FORMAL và INFORMAL ở hai mặt của thẻ.
- GV yêu cầu HV giơ mặt FORMAL nếu cụm từ được chiếu là trang trọng và INFORMAL nếu cụm từ được chiếu là thân mật.

- GV chiếu các cụm từ lên bảng và HV giờ mặt FORMAL hoặc INFORMAL.
- GV chốt đáp án.

Đáp án gợi ý:

Informal

- + Hello
- + Thanks for your email
- + I want to know about
- + Please write back soon
- + All the best

Formal

- + Dear Mr. Stein
- + Thank you for contacting me
- + I would like to enquire about
- + I look forward to hearing from you soon
- + Yours sincerely

3. Hoạt động 3: Trong khi viết

a. Mục tiêu

- Phát triển kỹ năng viết một bức thư trang trọng.
- Luyện tập cấu trúc đã được học trước đó.

b. Nội dung

- Diễn đạt lại các câu hỏi trực tiếp thành các câu hỏi gián tiếp.
- Viết lại lá thư của Hương để hỏi thêm thông tin, sử dụng câu hỏi gián tiếp.

c. Sản phẩm

- HV có thể nắm chắc cấu trúc của bài viết và hoàn thành các nhiệm vụ một cách xuất sắc.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 5: Diễn đạt lại các câu hỏi trực tiếp thành các câu hỏi gián tiếp

- GV yêu cầu HV sử dụng câu hỏi gián tiếp để mở đầu nội dung lá thư.
- GV yêu cầu HV biến đổi câu trong nhiệm vụ 5.
- GV gọi một số HV chia sẻ câu trả lời.
- GV chốt đáp án và giải thích tại sao những câu hỏi gián tiếp có thể được sử dụng để mở đầu bức thư.

Đáp án gợi ý:

1. Could you tell me what time I have to arrive?
2. Can you tell me whether/ if the school is near the station?
3. I would like to know how many students there are on the course.
4. Could you tell me whether/ if you offer accommodation on campus?
5. I would like to know whether/ if students get a certificate at the end.

Nhiệm vụ 6: Viết lại lá thư của Hương để hỏi thêm thông tin, sử dụng câu hỏi gián tiếp

- GV giải thích nhiệm vụ và hướng dẫn HV cách viết bài.
- GV hỏi một số HV về cấu trúc của bài viết (*Mỗi phần bắt đầu từ đâu đến đâu, ở đó cần viết cái gì?*)
- GV nhắc nhở HV tận dụng các cụm từ đã học ở các nhiệm vụ trước.
- GV yêu cầu HV viết vài độc lập.
- GV đi xung quanh lớp và quan sát, ghi lại những lỗi HV thường mắc và có thể giúp đỡ những HV yếu hơn.
- GV khuyến khích HV sử dụng câu hỏi gián tiếp.

4. Hoạt động 4: Sau khi viết

a. Mục tiêu

- Giúp HV nâng cao nhận thức về lỗi sai và những điều mình chưa làm được trong bài viết.

b. Nội dung

- Trao đổi và nhận xét bài theo cặp.

c. Sản phẩm

- HV nhớ lại những phần đã học để quan sát và đánh giá bài của bạn học.

d. Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HV trao đổi bài theo cặp và nhận xét vào phiếu đánh giá cá nhân.
- GV yêu cầu trao đổi bài về để HV có thể thảo luận về lỗi sai của bản thân mình cũng như của bạn học.
- GV chọn một số bài chiếu lên lớp làm mẫu.
- GV nhận xét chung nếu cần thiết.

Phiếu đánh giá

Does your partner's work use the key features of a formal email?	
Does your partner's work include requests for information and clarification?	
Does your partner's work make any vocabulary and grammar mistakes?	

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV tóm tắt lại nội dung của bài.
- GV yêu cầu HV về hoàn thiện lại bài viết.

b. Bài tập về nhà

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.
- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo .

Chủ đề 2. The generation gap

Chủ đề này tập trung hướng dẫn dạy học 3 nội dung: Reading, Speaking và Listening trong thời gian 4 tiết.

TIẾT THỨ 1. READING

III READING

Different generations

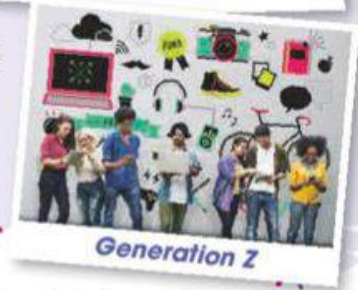


Generation X



Generation Y

- 1 Work in pairs. Look at the photos. Discuss what you know about the generation in each picture (e.g. age, characteristics, interests, life experiences).
- 2 Read the article. Match the highlighted words with their meanings.



Generation Z

Over the past two centuries, different generations were born and given different names. Each generation comes with its characteristics, which are largely influenced by the historical, economic, and social conditions of the country they live in. However, in many countries the following three generations have common characteristics.

Generation X refers to the generation born between 1965 and 1980. When Gen Xers grew up, they **experienced** many social changes and developments in history. As a result, they are always ready for changes and prepared to work through changes. Gen Xers are also known as critical thinkers because they achieved higher levels of education than previous generations.

Generation Y, also known as Millennials, refers to those born between the early 1980s and late 1990s. They are **curious** and ready to accept changes. If there is a faster, better way of doing something, Millennials want to try it out. They also value teamwork. When working in a team, Millennials welcome different points of view and ideas from others.

Generation Z includes people born between the late 1990s and early 2010s, a time of great technological developments and changes. That is why Gen Zers are also called **digital natives**. They grew up online and never knew the world before digital and social media. They are very creative and able to **experiment** with platforms to suit their needs. Many Gen Zers are also interested in starting their own businesses and companies. They saw so many people lose their jobs, so they think it is safer to be your own boss than relying on someone else to **hire** you.

Soon a new generation, labelled Gen Alpha, will be on the scene. Let's wait and see if we will notice the generation gap.

- 1 experienced
- 2 curious
- 3 digital natives
- 4 experiment
- 5 hire

- a to try or test new ideas or methods
- b went through
- c to employ
- d wanting to know about something
- e people born in the era of technology

3 Read the article again and choose the best title.

- A. The study of different generations
- B. Generational differences in different societies
- C. Characteristics of different generations

4 Read the article again. Tick (✓) the characteristics of each generation according to the article.

	Generation X	Generation Y	Generation Z
1. They enjoy working in a team with others.			
2. They can use apps and digital devices in creative ways.			
3. Critical thinking is one of their common characteristics.			
4. Most of them plan to have their own businesses.			
5. They are known for their curiosity.			

5 Work in groups. Discuss the following question.

Do you agree with the descriptions of each generation?

(Nguồn: Tiếng Anh 11, Global Success, Sách học sinh tr. 21-22)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhớ và sử dụng các từ và cụm từ liên quan đến chủ đề “Different generations” (Các thế hệ khác nhau).

2. Năng lực

- Đọc và xác định thông tin tổng quát và thông tin chi tiết của bài đọc hiểu.
- Thảo luận về “the descriptions of each generation” .

3. Phẩm chất

- Nâng cao ý thức tôn trọng sự khác nhau giữa các thế hệ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phân, bảng
- Tài liệu dạy học: Kế hoạch dạy học, sách giáo khoa, sách bài tập

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú trước khi vào nội dung bài học.

b. Nội dung: Trò chơi: Scramble words

c. Sản phẩm

- HV hứng thú hơn với bài học hơn và tự tin tham gia các hoạt động học tập.

d. Tổ chức thực hiện

- GV chia lớp thành hai nhóm và giải thích luật chơi cho HV: Sắp xếp lại trật tự các chữ cái trong một từ để tạo thành từ có nghĩa. Đội nào trả lời trước sẽ giành được điểm và đội đạt điểm cao hơn sẽ giành chiến thắng.

- GV chiếu từng từ một để cho HV đoán và sẽ đưa ra đáp án sau mỗi câu trả lời đúng của HV.

- GV có thể gợi ý nếu HV gặp khó khăn.

- GV chiếu lại bảng tổng hợp từ sau khi kết thúc hoạt động.

2. Hoạt động 2: Trước khi đọc

a. Mục tiêu

- Bước đầu khơi gợi kiến thức của HV về chủ đề bài học và tạo ngữ cảnh cho bài đọc.

- Tạo hứng thú với bài tập đọc hiểu.

b. Nội dung

- Nhìn hình và thảo luận nhóm về chủ đề “Different generations”.

c. Sản phẩm

- HV có thể chia sẻ kiến thức, thông tin về với chủ đề trước khi bước vào nội dung bài đọc hiểu.

d. Tổ chức thực hiện

- GV khơi gợi HV hiểu nghĩa của các cụm từ xuất hiện trong wordcloud. GV có thể sử dụng các kỹ thuật dạy từ vựng khác nhau: dùng định nghĩa, giải thích, ví dụ, từ đồng nghĩa/trái nghĩa, dịch ...

- GV hướng dẫn HV làm việc theo cặp, quan sát 3 bức tranh trong sách và ghép các miêu tả trong wordcloud với từng bức tranh, khuyến khích HV sử dụng tiếng Anh.

- GV mời một số HV chia sẻ phần thảo luận trước lớp.

- GV đưa ra đáp án và cung cấp thêm thông tin về các thể hệ cho HV.

- GV giới thiệu chủ đề của bài đọc hiểu.

Wordcloud:



Đáp án gợi ý:

- Generation X:
 - + People born between 1965 and 1980.
 - + This generation is known for being critical thinkers and having higher education levels compared to earlier generations.
- Generation Y:
 - + Another name of this generation is Millennials
 - + This generation refers to those born from the early 1980s to the late 1990s.
 - + People are curious and open to change.
- Generation Z:
 - + individuals born from the late 1990s to the early 2010s
 - + Living in a period of major technological progress and change.

3. Hoạt động 3: Trong khi đọc

a. Mục tiêu

- Giúp HV luyện cách đoán nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh.
- Giúp HV phát triển kỹ năng đọc hiểu thông tin khái quát và thông tin chi tiết.

b. Nội dung

- Đọc văn bản và ghép các từ được tô đậm với nghĩa của chúng.
- Đọc lại văn bản và chọn tiêu đề phù hợp nhất.
- Đọc lại văn bản và đánh dấu (✓) các đặc điểm của mỗi thế hệ theo văn bản.

c. Sản phẩm

- HV có thể hiểu nội dung của bài đọc và hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ học tập.

- HV phát triển các kỹ năng đọc hiểu.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản và ghép các từ được tô đậm với nghĩa của chúng.

- GV yêu cầu HV đọc văn bản, chú ý đến ngữ cảnh của từng từ được đánh dấu và tìm kiếm dẫn chứng để đoán nghĩa của từ.

- GV yêu cầu HV làm việc theo nhóm để thảo luận và đưa ra câu trả lời.

- HV làm theo hướng dẫn của GV.

- GV kiểm tra chung các câu trả lời của cả lớp, GV gọi ngẫu nhiên các em HV lên viết từ trên bảng và có thể đặt câu với những từ đó.

Đáp án gợi ý:

1. b 2. d 3. e 4. a 5. c

Nhiệm vụ 2: Đọc lại văn bản và chọn tiêu đề phù hợp nhất.

- GV đưa ra một số hướng dẫn để giúp HV tìm kiếm ý chính của toàn bộ bài đọc (Chú ý vào câu chủ đề, tìm từ chìa khóa, tìm câu kết luận).

- GV yêu cầu HV đọc lướt và chọn tiêu đề phù hợp nhất đối với bài đọc.

- GV yêu cầu HV đối chiếu đáp án với bạn bên cạnh.

- GV gọi một số HV giải thích sự lựa chọn của mình và đưa ra đáp án kết luận.

Đáp án gợi ý:

C. Characteristics of different generations

Nhiệm vụ 3: Đọc lại văn bản. Đánh dấu (✓) các đặc điểm của mỗi thế hệ theo văn bản.

- GV yêu cầu HV đọc phần mô tả được đưa ra ở yêu cầu đề bài và gạch chân từ khóa.

- HV gạch chân những từ khóa.

- GV chiếu những từ khóa cần gạch chân.

- GV yêu cầu HV dự đoán câu trả lời.

- GV nhắc nhở HV chú ý vào phần thông tin được viết lại theo một cách khác hoặc chú ý vào phần từ đồng nghĩa, trái nghĩa được sử dụng trong phần đọc hiểu.

- GV yêu cầu HV làm bài, gạch chân phần thông tin chứa đáp án trong bài đọc hiểu.

- HV trao đổi đáp án theo cặp.
- GV gọi một số HV yêu cầu chia sẻ với lớp.
- GV chữa bài và chốt đáp án cuối cùng.

Đáp án gợi ý:

		Generation X	Generation Y	Generation Z
1.	They enjoy working in a team with others.		✓	
2.	They can use apps and digital devices in creative ways.			✓
3.	Critical thinking is one of their characteristics.	✓		
4.	Most if them plan to have their own business			✓
5.	They are known for their curiosity		✓	

4. Hoạt động 4: Sau khi đọc

a. Mục tiêu

- Giúp HV hiểu nội dung của bài đọc .
- Giúp HV nâng cao kỹ năng thuyết trình.
- Giúp HV luyện kỹ năng làm việc nhóm.
- Cung cấp cho HV cơ hội thực hành sử dụng ngôn ngữ.

b. Nội dung

- Thảo luận “Do you agree with the descriptions of each generation?”

c. Sản phẩm

- HV có thể sử dụng ngôn ngữ và ý tưởng từ bài học để diễn tả ý kiến của bản thân.

d. Tổ chức thực hiện

- GV chiếu lại phần mô tả đặc điểm của các thế hệ và cùng HV nhắc lại kết quả của nhiệm vụ 3.

- GV yêu cầu HV làm việc theo cặp, đưa ra ý kiến để thảo luận về vấn đề có đồng ý với các mô tả về mỗi thế hệ hay không. Khuyến khích HV giải thích lý do tại sao

đồng ý hoặc không đồng ý.

- GV mời một số nhóm đứng lên chia sẻ ý kiến, các HV khác lắng nghe và đưa ra nhận xét.

- GV đưa ra phản hồi và đánh giá kết quả làm việc của HV.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV tóm tắt lại bài đọc

b. Bài tập về nhà

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.

- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo - Kỹ năng Nói.

Name: _____

UNIT 2

Please unscramble the words below

Created on TheTeachersCorner.net Scramble Maker

1. PGA

2. LMFAYI

3. FRITFEDEN

4. EREMBSM

5. NIGTNEAREO

6. EAG

TIẾT THỨ 2. SPEAKING

IV SPEAKING

Talking about different generations

1 Put the sentences (A-D) in order to complete the conversation. Then practise it in pairs.

- A.** Yes. My grandparents are over 60 now. They hold very traditional views about everything.
- B.** I see. What about your parents?
- C.** Yes, I do. I live with my grandparents, my parents, and my younger sister.
- D.** That's interesting. Have you noticed any differences between the generations?

Kevin: Ly, do you live with your extended family?

Ly: (1) _____

Kevin: (2) _____

Ly: (3) _____

Kevin: (4) _____

Ly: Well, they're only in their 40s. I think they're quite open to new ways of thinking. I can share lots of things with my parents.

Tips

To start a conversation or discussion, you can:

- present the topic.

Example: Let's talk about ...

- ask your partner for personal information related to the topic.

Example: Ly, do you live with your extended family?/Ly, what kind of family do you have?

- ask for an opinion.

Example: Ly, do you think there are any differences between the generations of your family?/ Ly, what do you think about your generation?

2 Work in pairs. Talk about the different generations of your family. Use the model and tips in 1, and the ideas below to help you.

Suggested ideas:

- be open to new ways of thinking
- have fixed ideas about the world
- want to make their own decisions
- hold traditional views about many issues
- not want big changes in life
- be good at using electronic devices



3 Work in groups. Discuss the following question and then report to the whole class.

What are the most common generation gaps in your families?

(Nguồn: Tiếng Anh 11, Global Success, Sách học sinh tr. 22-23)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhớ và sử dụng được các từ và cụm từ liên quan đến chủ đề “Different generations” (Các thế hệ khác nhau).

- Nhớ và vận dụng được cụm từ để bắt đầu một đoạn hội thoại, hỏi thông tin cá nhân về chủ đề nhất định và hỏi ý kiến.

2. Năng lực

- Thảo luận chủ đề “the most common generation gaps in your families” thông qua hoạt động nói của HV.

- Sử dụng các từ và cấu trúc đã học trong bài để viết về chủ đề “How to close generation gap” .

3. Phẩm chất

- Nâng cao nhận thức về vấn đề “Generation gap”

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng

- Tài liệu dạy học: Kế hoạch dạy học, sách giáo khoa, sách bài tập

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo bầu không khí trước bài học chính thức.
- Tăng khả năng phối hợp của HV thông qua hoạt động.
- Giúp HV nắm được chủ đề bài học.

b. Nội dung

- Trò chơi: Hang Man.

c. Sản phẩm

- HV hứng thú hơn với bài học và tự tin tham gia các hoạt động của bài học.

d. Tổ chức thực hiện

- GV chia lớp thành hai nhóm và giải thích luật chơi cho HV: Các đội chơi lần lượt đoán chữ cái để đoán từ. Đội nào đoán từ chính xác sẽ được điểm, đoán sai thì đội còn lại sẽ được điểm. Đội nhiều điểm hơn sẽ là đội thắng và đội bị “treo cổ” trước sẽ thua.

- GV chiếu từng từ một để cho HV đoán và sẽ đưa ra đáp án sau mỗi câu trả lời đúng của HV.

- HV làm theo hướng dẫn và tự do đoán chữ cái.

- GV có thể gợi ý nếu HV cần nhiều thời gian để đoán từ.

- GV chiếu lại bảng tổng hợp từ sau khi kết thúc hoạt động.

- GV dẫn HV vào chủ đề bằng cách hỏi câu hỏi “ Can you guess our lesson topic today?”

- HV trả lời câu hỏi.

- GV chốt chủ đề để dẫn HV vào bài học “So today, we will discuss about the common generation gaps in your families”

Các từ gợi ý: gap, different, age, argue, family...

2. Hoạt động 2: Trước khi nói

a. Mục tiêu: Chuẩn bị cấu trúc trước khi HV vào phần nói chính

b. Nội dung

- Điền các câu còn thiếu để hoàn thành bài hội thoại và luyện nói theo bài hội thoại .

- Trò chơi: Liệt kê.

- Nói theo cặp về chủ đề “Các thế hệ khác nhau trong gia đình” .

c. Sản phẩm

- HV có thể sử dụng những cụm từ dùng để mở đầu cho một cuộc hội thoại.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Điền các câu còn thiếu để hoàn thành bài hội thoại và luyện nói theo bài hội thoại

- GV yêu cầu HV đọc các phương án cần điền vào cuộc hội thoại .

- GV kiểm tra mức độ hiểu biết của HV đối với đoạn hội thoại.

- GV đưa ra một số gợi ý để HV hoàn thành cuộc hội thoại (Lần lượt hỏi đáp, hỏi gì đáp đó, cuộc hội thoại cần đúng chủ đề, có liên kết)

- GV yêu cầu HV làm bài theo cặp.

- HV làm bài theo hướng dẫn.

- GV gọi một số HV và yêu cầu chia sẻ đáp án, giải thích trước lớp học.

- GV chỉ ra lỗi sai nếu có và chốt đáp án.
- GV đưa ra phần TIPS ghi nhớ ở trang 22 và kiểm tra mức độ nhận biết của HV thông qua câu hỏi TRUE/FALSE.

Đáp án gợi ý:

1. C 2. D 3. A 4. B

Nhiệm vụ 2: Chơi trò chơi “Liệt kê”

- GV chia bảng thành 4 ô và chia lớp thành bốn đội.
- GV yêu cầu HV 4 nhóm đứng thành 4 hàng và đưa phần cho người đứng đầu.
- GV phổ biến luật chơi “Các thành viên trong đội sẽ lần lượt lên bảng và liệt kê những sự khác biệt thế hệ trong gia đình. Đội nào liệt kê được nhiều nhất sẽ là đội chiến thắng”.
- HV thực hiện hành động.
- GV chốt các ý kiến đúng và thưởng cho đội thắng cuộc.

Nhiệm vụ 3: Nói theo cặp về chủ đề “Các thế hệ khác nhau trong gia đình”

- GV hướng dẫn phần nhiệm vụ được giao trong SGK.
- GV kiểm tra độ hiểu biết về những ý tưởng có trong nhiệm vụ 2 và tổng hợp những ý tưởng đã có từ trò chơi “liệt kê”.
- GV yêu cầu HV ghép cặp, nghĩ ý tưởng và viết những câu hỏi cho cuộc hội thoại nhắc nhở HV vận dụng cấu trúc mở đầu cuộc hội thoại trong nhiệm vụ 1
- GV đi xung quanh hỗ trợ HV khi cần.
- GV gọi ngẫu nhiên một số cặp để thực hành trước lớp

3. Hoạt động 3: Trong khi nói

a. Mục tiêu: Phát triển kỹ năng nói.

b. Nội dung

- Làm việc theo nhóm. Thảo luận câu hỏi và sau đó trình bày trước cả lớp.

c. Sản phẩm

- HV có thể hiểu vận dụng được ý tưởng và cấu trúc câu mở ra cuộc hội thoại vào trong phần nói.

d. Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HV làm việc theo cặp, thảo luận về sự khác biệt giữa các thế hệ trong gia đình.

- GV đưa ra ví dụ mẫu cho HV theo dõi và hỏi về ý tưởng cũng như các cấu trúc câu đã được sử dụng.

- GV nhắc nhở HV sử dụng ý tưởng và cấu trúc câu mở cuộc hội thoại đã nêu ra ở phần trên.

- HV tự điều hành cuộc thảo luận, và lần lượt từng HV trong nhóm nêu lên quan điểm của bản thân (không được chen lượt).

- Thành viên trong nhóm thảo luận và đánh giá lẫn nhau thông qua phiếu đánh giá*.

- GV đi xung quanh để hỗ trợ các nhóm nếu cần thiết.

- GV gọi một số cặp lên trước lớp để trình bày sản phẩm thảo luận của nhóm.

Phiếu đánh giá

Name: _____

Does your partner's work use the given structure?	
Does your partner's work have any creative ideas?	
Does your partner speak or use suitable vocabulary related to the topic?	
Does your partner speak fluently and clearly enough?	

4. Hoạt động 4: Sau khi nói

a. Mục tiêu

- Giúp HV nâng cao kỹ năng thuyết trình; luyện tập kỹ năng làm việc nhóm
- Thực hành ngôn ngữ một cách thực tế.

b. Nội dung: Thảo luận “Những điểm khác biệt về thế hệ trong gia đình”

c. Sản phẩm

- HV có thể sử dụng ngôn ngữ và ý tưởng từ bài học để trình bày ý kiến cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HV làm việc theo nhóm, thảo luận và ghi chép về những khác biệt giữa các thế hệ trong gia đình của mình.

- GV gợi ý HV sử dụng ý tưởng và cấu trúc câu mở cuộc hội thoại.

- GV mời một số cặp trình bày thảo luận của họ trước lớp, các HV khác theo dõi phần trình bày của các bạn và so sánh với ý tưởng của mình.

- GV đưa ra nhận xét và chấm điểm phần trình bày của HV.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV nói về những nội dung đã được học trong bài học.

b. Bài tập về nhà

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.
- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo.

TIẾT THỨ 3. SPEAKING

1G

Speaking Role-play

I can role-play a conversation about an exchange programme.

- 1 **SPEAKING** Work in pairs. Look at the advert below. In your opinion, what would be the best and worst things about spending a year with a family abroad? Use the prompts below and your own ideas.

Exchange programmes eating different food
gaining confidence going to a different school
making new friends missing family / friends / home
speaking a foreign language visiting different places



Speaking Strategy

Use your preparation time well. Read the task carefully. Then think of one thing to say about each topic. If you have more time, think of more ideas.

Imagine the following situation: you recently spent a term as an exchange student in England. You are having a video call with a student from Japan who is preparing to take part in the same scheme and you are giving him / her some advice. Discuss the following topics.

- Getting to know your exchange student
- Useful things to take with you
- Going to school in England
- Advice about staying with an English family

- 2 Read the **Speaking Strategy** and the task above. Then match one or two of the ideas below with each topic.

carrying a dictionary doing hobbies together
eating in the canteen helping with housework
keeping your room tidy wearing a uniform

- 3 **1.16** Listen to a student doing the task from exercise 2. Does she discuss all the topics? Which ideas from the exercise does she mention?

LEARN THIS! Advice

- We use *should* and *ought* to give advice.
You should / ought to take a dictionary.
- The negative forms are *shouldn't* and *ought not to*. However, we often use *I don't think you should ...* instead.
I don't think you should carry too much money.
- We use *Should I ... ?* or *Do you think I should / ought to ... ?* to ask for advice.
Should I send a thank-you letter?
Do you think I ought to visit London?

- 4 Read the **Learn this!** box. Then complete sentences 1–3 using the words in brackets. Do not change the words, but add extra words if necessary.

- You _____ (ought / find out) about his hobbies.
- I _____ (think / should / send) him an email.
- You _____ (ought / take) a present for the parents.

- 5 **1.16** Listen again. Check your answers to exercise 4.

- 6 **SPEAKING** Work in pairs. Student A is an English student who is going to stay with Student B's family next month. Ask for and give advice about these topics.

- Suitable presents for the family you're staying with
- How to stay safe when you're out
- Suitable clothing for the season
- How to improve your language skills quickly

What do you think I should buy for your parents?

I think you should get ...

- 7 **SPEAKING** Work in groups. Read the task below. Think of two ideas for each topic and make notes. Then do the task.

Imagine the following situation: you spent three weeks with a host family when you did a language course in England last summer. You are having a video call with a student from Japan who is planning to do the same thing this summer and you are giving him / her some advice. Discuss the following topics.

- Preparing for the visit
- What you can learn by studying in England
- Staying in touch with people back home
- Staying safe abroad

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhớ và sử dụng được những từ và cụm từ liên quan đến chủ đề “*Exchange programme*” (*Chương trình trao đổi*).

- Ghi nhớ và vận dụng được cách dùng của *should* và *ought to* để đưa lời khuyên.

2. Năng lực

- Thảo luận về chủ đề liên quan đến *Chương trình trao đổi* thông qua hoạt động nói của HV.

- Viết về lợi ích của việc tham gia các *Chương trình trao đổi nước ngoài*.

3. Phẩm chất

- Tích cực tham gia các hoạt động của lớp; tích cực hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động làm việc theo cặp và làm việc nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng.

- Tài liệu dạy học: Kế hoạch dạy học, sách giáo khoa, sách bài tập.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo bầu không khí thoải mái, hào hứng trước khi bắt đầu bài học.

- Khởi gợi kiến thức liên quan đến chủ đề.

- Nâng cao khả năng phối hợp của HV.

b. Nội dung

- Trò chơi: Hang Man

c. Sản phẩm

- HV trở nên hứng thú với bài học hơn và tự tin tham gia các hoạt động của bài học.

d. Tổ chức thực hiện

- GV chia lớp thành hai nhóm và giải thích luật chơi cho HV: *Các đội chơi lần lượt đoán chữ cái để đoán từ. Đội nào đoán từ chính xác sẽ được điểm, đoán sai thì đội còn lại sẽ được điểm. Đội nhiều điểm hơn sẽ là đội thắng và đội bị “treo cổ” trước sẽ thua.*

- GV chiếu từng từ một để cho HV đoán và sẽ đưa ra đáp án sau mỗi câu trả lời đúng của HV.

- HV làm theo hướng dẫn và tự do đoán chữ cái.

- GV có thể gợi ý nếu HV gặp khó khăn.

- GV chiếu lại bảng tổng hợp từ sau khi kết thúc hoạt động.

- GV dẫn HV vào chủ đề bằng cách hỏi câu hỏi “ Can you guess our lesson topic today?”

- HV trả lời câu hỏi.

- GV chốt chủ đề để dẫn HV vào bài học **“So today, we will discuss about the exchang programme”**.

Gợi ý: study, abroad, home, exchange, oversea

2. Hoạt động 2: Trước khi nói

a. Mục tiêu: Chuẩn bị cấu trúc cho HV trước khi vào phần nói chính.

b. Nội dung

- Sắp xếp các từ liên quan vào hai cột Good/ Bad.

- Ghép các cụm từ với các chủ đề được nêu ra trong tình huống

c. Sản phẩm

- HV có thể nắm chắc và sử dụng những cụm từ dùng để mở đầu cho một cuộc hội thoại.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Sắp xếp các từ vào hai cột Good/ Bad

- GV trình chiếu wordcloud, khơi gợi để HV hiểu nghĩa của các từ/ cụm từ trong wordcloud .

- GV yêu cầu HV chia các từ và cụm từ trong word cloud vào các cột GOOD/ BAD .

- GV yêu cầu HV làm theo cặp và bàn luận “what would be the best and worst things about spending a year with a family abroad?”.

- GV đi xung quanh và hướng dẫn những HV gặp khó khăn.

- GV gọi một số HV chia sẻ câu trả lời và hỏi thêm về lý do.

- GV nhận xét.

Wordcloud



Nhiệm vụ 2: Ghép các cụm từ với các chủ đề được nêu ra trong tình huống

- GV giới thiệu một video về phần ngữ pháp sử dụng *ought to/ should/ had better* ([Link video](#)).

- GV yêu cầu HV trình bày lại cách sử dụng *ought to/ should*.
- GV chốt lại phần kiến thức.
- GV yêu cầu HV đọc phần Speaking Strategy và ghép các cụm từ với các chủ đề được nêu ra trong tình huống .

GV yêu cầu HV chọn một chủ đề được nêu ra trong tình huống và sử dụng *ought to/ should* đưa ra lời khuyên liên quan đến chủ đề.

Nhiệm vụ 3: Đọc bảng LEARN THIS! và hoàn thành câu sử dụng *ought to/ should*

- GV yêu cầu HV đọc bảng LEARN THIS!, đặt một số câu hỏi để kiểm tra HV đã hiểu hay chưa.

Gợi ý:

When do we use *ought to/ should*?

What form of verb is used after *ought to/ should* ?

How do we make negative sentences with *ought to/ should*?

- GV hướng dẫn HV hoàn thành câu với *ought to/ should*.
- GV bật băng cho HV nghe và kiểm tra phần bài tập đã làm.
- GV bật từng câu một và chữa bài, chốt đáp án cho HV.

Đáp án gợi ý

1. ought to find out 2. think you should send 3. ought to take

3. Hoạt động 3: Trong khi nói

a. Mục tiêu: Phát triển kỹ năng nói

b. Nội dung

- Nói theo cặp và luyện tập cách đưa ra lời khuyên dựa vào tình huống cho sẵn.
- Nói theo nhóm, phân tích tình huống và đưa ra lời khuyên theo mỗi chủ đề được nêu ra trong tình huống cho sẵn.

c. Sản phẩm

- HV có thể hiểu vận dụng được ý tưởng và cấu trúc câu mở ra cuộc hội thoại vào trong phần nói.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Nói theo cặp và luyện tập cách đưa ra lời khuyên dựa vào tình huống cho sẵn

- GV yêu cầu HV làm việc theo cặp, thảo luận và nghĩ ý tưởng về việc đưa ra lời khuyên trong từng trường hợp cụ thể.
- GV trình chiếu và làm mẫu cho HV.
- GV đi xung quanh lớp để giúp đỡ HV nếu cần thiết.
- GV nhắc nhở HV sử dụng ý tưởng và cấu trúc câu mở cuộc hội thoại.
- GV mời một số cặp trình bày thảo luận của họ trước lớp.
- GV khuyến khích các HV khác theo dõi phần trình bày của các bạn và so sánh với ý tưởng của mình.
- GV đưa ra nhận xét và chấm điểm phần trình bày của HV.

Nhiệm vụ 2: Nói theo nhóm, phân tích tình huống và đưa ra lời khuyên theo mỗi chủ đề được nêu ra trong tình huống cho sẵn

- GV yêu cầu HV làm việc theo nhóm 4, thảo luận về một giả tưởng mà ở đó HV thảo luận về chủ đề, nhằm tạo ra lời khen.
- GV đưa ra ví dụ mẫu cho HV theo dõi và hỏi về ý tưởng cũng như các cấu trúc câu đã được sử dụng.
- GV nhắc nhở HV sử dụng ý tưởng và cấu trúc câu mở cuộc hội thoại đã nêu ra ở phần trên.

- HV tự điều hành cuộc thảo luận, và lần lượt từng HV trong nhóm nêu lên quan điểm của bản thân (không được chen lượt).
- Thành viên trong nhóm thảo luận và đánh giá lẫn nhau thông qua phiếu đánh giá.
- GV đi xung quanh để hỗ trợ các nhóm nếu cần thiết.
- GV gọi một số nhóm lên trước lớp để trình bày sản phẩm.

Phiếu đánh giá

Name: _____

Does your partner's work use the given structure?	
Does your partner's work have any creative ideas?	
Does your partner speak fluently and clearly enough?	

4. Hoạt động 4: Sau khi nói

a. Mục tiêu

- Kiểm tra sự hiểu biết của HV về cách sử dụng ngôn ngữ khi bắt đầu một cuộc trò chuyện hoặc thảo luận.
- Nâng cao kỹ năng thuyết trình.
- Thực hành ngôn ngữ một cách thực tế..

b. Nội dung

- Đưa ra lời khuyên và nêu lý do khuyên cho một bạn chuẩn bị ra nước ngoài để tham gia vào một chương trình trao đổi.

c. Sản phẩm

- HV có thể sử dụng ngôn ngữ và ý tưởng từ bài học để nêu lên quan điểm của bản thân.

d. Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HV làm việc theo cặp, thảo luận và nghĩ ý tưởng về việc đưa ra lời khuyên trong từng trường hợp cụ thể.
- GV trình chiếu và làm mẫu cho HV.
- GV mời một số HV thuyết trình cá nhân trước lớp trước lớp.
- GV khuyến khích các HV khác theo dõi phần trình bày của các bạn và so sánh với ý tưởng của mình.
- GV đưa ra nhận xét và chấm điểm phần trình bày của HV.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV tóm tắt nội dung của bài học.

b. Bài tập về nhà

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.
- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo.

TIẾT THỨ 4. LISTENING

3C

Listening

The body's limits

I can listen for specific information.



- 1 **SPEAKING** Describe and compare the photos. What are the similarities and differences between the activities? Use the words below to help you.

become dehydrated climber desert
food and water frostbite high altitude oxygen tent

Listening Strategy

Some listening tasks may involve listening out for numbers, dates and measurements. Make sure you know how to pronounce these so that you can identify the information when you hear it.

- 2 **1.31** Read the **Listening Strategy**. Then try to say the numbers and measurements below. Listen and check.

Large numbers: 4,500 100,000 250,000 2.5 million

Small numbers: 0 0.6 0.04 2.08

Years: 1500 1535 2000 2015 2150 the 1980s

Fractions: $\frac{1}{2}$ $\frac{1}{3}$ $\frac{1}{4}$ $\frac{1}{5}$ $\frac{1}{10}$ $\frac{3}{8}$ $1\frac{2}{3}$

Percentages: 50% 57%

Ratios and ranges: 2:1 10:1 aged 18–25
from 0–100 in 3.1 seconds

Temperature: -40°C 0°C 5°C 15°C

- 3 **1.32** Read and listen to the article. Complete the article with numbers and measurements from exercise 2.

There are many amazing stories of human survival, but actually our bodies are very fragile and do not cope well with extremes. Polar explorers can cope with temperatures of ¹____, but only if they keep warm. Most people will collapse if their body temperature drops by only ²____, and if it drops by ³____, they'll die. Heat can be just as dangerous. Temperatures of 35°C are safe, provided humidity is not above ⁴____. High altitudes are dangerous too. We pass out when the pressure falls

- 4 **1.33** Listen to an interview with a scientist. Which of the people he talks about tested the body's limits deliberately?

- 5 **1.33** Read the sentences aloud, paying attention to the numbers. Then listen again and decide whether the sentences are true or false. Write T or F and correct the false sentences.

- When a Russian space capsule had a major problem in 1971, the cosmonauts died in less than 30 seconds.
- In 1966, a scientist passed out after 15 seconds in a vacuum.
- The scientist passed out for 27 seconds.
- In the 1960s, Randy Gardner stayed awake for more than 250 hours.
- After staying awake for so long, Randy Gardner then slept for almost 50 hours.

- 6 **1.34 PRONUNCIATION** Listen and mark the words that are stressed in the sentences from exercise 5. Then practise saying the sentences yourself.

- 7 **SPEAKING** Discuss the questions in pairs.

- Have you ever been awake all night or most of the night? If so, when / where / why?
- Have you ever felt very cold? If so, when / where / why?
- Have you ever experienced high altitude? If so, when / where / why? How did you feel?

below ⁵____ of normal atmospheric pressure. This happens at about ⁶____ metres. Climbers can go higher because their bodies gradually get used to it, but no one survives for long at 8,000 metres. At high altitudes, lack of oxygen is another problem. At ground level, about ⁷____ of the air is oxygen. If that falls below ⁸____, we die.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhớ và sử dụng những từ vựng liên quan số và phép đo lường.
- Nhớ và sử dụng những cụm từ về chủ đề “*Body’s limits*” (*Giới hạn cơ thể*).
- Biết được cách nhân từ trong một câu cụ thể.

2. Năng lực

- Nghe hiểu được thông tin chung và thông tin chi tiết của bài.
- Bàn luận về một số vấn đề cụ thể thông qua hoạt động nói.

3. Phẩm chất

- Xây dựng và phát triển ý thức về *Giới hạn cơ thể*.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng.
- Tài liệu dạy học: Kế hoạch dạy học, sách giáo khoa, sách bài tập.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo bầu không khí thoải mái, hào hứng trước khi bắt đầu bài học.
- Khởi gợi kiến thức liên quan đến chủ đề.
- Nâng cao khả năng phối hợp của HV.

b. Nội dung

Chơi trò chơi: Chuyên bóng

c. Sản phẩm

- HV bước đầu khởi động suy nghĩ và tạo tự tin tham gia các hoạt động của bài học sau đó.

d. Tổ chức thực hiện

- GV giải thích luật chơi cho HV: *Nhạc được bật lên và HV bắt đầu chuyên bóng sang bạn bên cạnh (không ném); khi nhạc dừng lại, bạn HV nào giữ bóng sẽ đứng lên nói về một hoạt động liên quan đến “Extreme sports”.*

- HV làm theo yêu cầu.
- GV chốt lại những từ vựng đã được nêu và dẫn vào bài.

Gợi ý: boxing, climbing, parachuting, diving, skiing, slacklining

2. Hoạt động 2: Trước khi nghe

a. Mục tiêu

- Giúp HV ghi nhớ các từ vựng liên quan đến chủ đề.
- Giúp HV làm quen với các cụm từ về đo lường trước khi nghe.

b. Nội dung

- Ghép từ vào tranh.
- Đọc và nghe số.
- Nghe và điền các con số vào đoạn văn.
- Nói từ với định nghĩa tương ứng.

c. Sản phẩm

- HV biết cách đọc một số đơn vị đo lường cụ thể và vận dụng được trong một số bài tập cụ thể.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Ghép từ vào tranh

- GV trình chiếu wordcloud, khơi gợi để HV hiểu nghĩa của các từ/ cụm từ trong wordcloud .

- GV giới thiệu hai bức tranh về thể thao và nói qua về tên hai hoạt động trong bức tranh để HV có thể hình dung cụ thể.

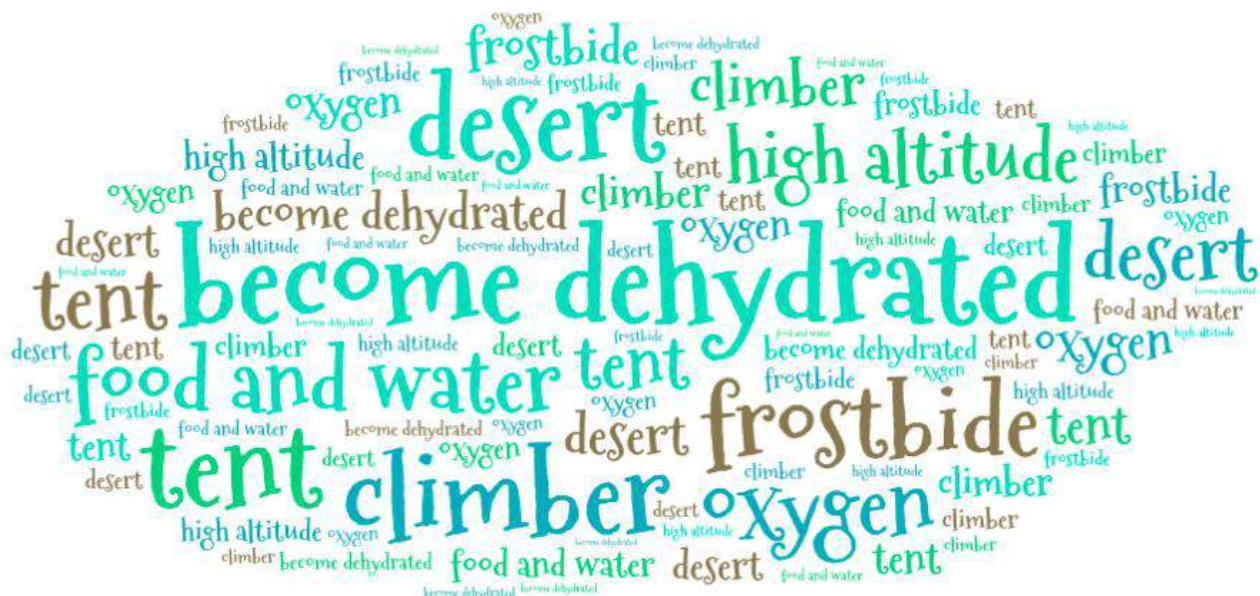
- GV yêu cầu HV sắp xếp các từ xuất hiện trong wordcloud vào từng bức tranh cho phù hợp .

- GV gọi một số HV chia sẻ câu trả lời (trả lời theo dạng câu đầy đủ để HV có thể nói nhiều hơn).

- GV chốt lại đáp án.

- GV gợi mở HV có thể nêu thêm các điểm giống nhau và khác nhau mà không có trong bài (When, How, What, Who, Where,...).

Wordcloud



Đáp án gợi ý

Similarities: become dehydrated, food and water

Differences:

A: desert

B: climber, frostbite, high altitude, oxygen, tent

Nhiệm vụ 2: Đọc và nghe số

- GV giới thiệu một video nghe về các con số ([Link video](#)).
- GV yêu cầu HV nghe và ghi lại những con số đã nghe theo thứ tự.
- GV cho HV đối chiếu đáp án.
- GV hỏi HV dự đoán các con số có thể nói về cái gì (năm, tháng, số điện thoại, cân nặng,...).
- GV giới thiệu về đơn vị đo lường cho HV.
- GV yêu cầu HV đọc qua các con số trong sách và hướng dẫn phần **LISTENING STRATEGY** để HV có thể nắm bắt được cách đọc.
- GV cho HV nghe về các đơn vị đo lường trong sách và yêu cầu nhắc lại sau bài nghe.

Nhiệm vụ 3: Nghe và điền các con số vào đoạn văn

- GV yêu cầu HV đọc lướt qua đoạn văn và dự đoán từ cần điền.
- GV yêu cầu HV đọc hiểu để điền các từ/cụm từ chính xác vào chỗ trống.
- HV làm theo hướng dẫn.
- GV gọi một số HV chia sẻ câu trả lời và yêu cầu giải thích.
- GV chốt lại đáp án.

Đáp án gợi ý:

1 -40°C 2 5°C 3 15°C 4 50%

5 57% 6 4,500 7 1/5 8 1/10

Nhiệm vụ 4: Nói từ với định nghĩa tương ứng

- GV cho một bảng từ và yêu cầu HV nối với định nghĩa tương ứng nhằm đảm bảo HV nắm chắc được từ vựng khi vào bài nghe.
- GV yêu cầu HV làm bài cá nhân
- GV cho HV trao đổi bài theo cặp..
- GV gọi một số HV chia sẻ câu trả lời.
- GV chốt đáp án và tổng kết từ vựng cho HV.

Phiếu từ:

Match the words or phrases in column A with their suitable definitions in column B

A	B
1. Altitude (n) /'æ.l.tɪ.tʃu:d/	a. an astronaut (= a person who travels into space) from Russia
2. Humidity (n) /hju:'mɪd.ə.ti/	b. a space from which most or all of the matter has been removed, or where there is little or no matter
3. Space capsule (n) /'speɪs ,kæp.sju:l/	c. height above sea level
4. Cosmonaut (n) /'kɒz.mə.nɔ:t/	d. a spacecraft, or a part of a spacecraft that contains people or equipment
5. Pressure (n) /'preʃ.ər/	e. the quality of being humid
6. Vacuum (n) /'væk.ju:m/	f. the force you produce when you press something

Đáp án:

1. c 2. e 3. d 4. a 5. F

3. Hoạt động 3: Trong khi nghe

a. Mục tiêu

- Giúp HV luyện tập kỹ năng nghe ý chính và nghe thông tin chi tiết trong bài .
- HV có thể nhận biết cách phát âm chính xác của một số từ vựng liên quan .

b. Nội dung

- Nghe cuộc phỏng vấn và trả lời câu hỏi khái quát.
- Nghe cuộc phỏng vấn và xác định câu TRUE/ FALSE.

c. Sản phẩm

- HV có thể nghe và hiểu được ý chính cũng như các thông tin chi tiết trong bài và hoàn thành nhiệm vụ.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 5: Nghe cuộc phỏng vấn và trả lời câu hỏi khái quát

- GV giới thiệu về cuộc phỏng vấn của một nhà khoa học và yêu cầu HV thực hiện theo yêu cầu của đề bài .

- GV bật băng lần một và yêu cầu HV nói qua về những gì HV đã nghe được.
- GV gợi ý vị trí đáp án.
- GV bật băng cho HV nghe lại và nhấn mạnh ở chỗ có đáp án.
- HV thực hiện theo yêu cầu và trả lời câu hỏi.
- GV cho hiện script bài nghe và cho HV nghe lại lần nữa để đối chiếu.
- GV chốt đáp án.

Đáp án gợi ý: Randy Gardner

Nhiệm vụ 6: Nghe và xác định câu TRUE/ FALSE

- GV yêu cầu HV đọc qua các câu trong bài nghe và để HV nắm chắc được nghĩa các câu.

- GV yêu cầu HV đọc hiểu thông tin các câu và yêu cầu gạch chân keywords.
- GV check phần gạch chân keywords và yêu cầu HV dự đoán câu đó là TRUE hay FALSE.
- GV cho HV nghe hai lần.
- GV yêu cầu HV chia sẻ đáp án.
- GV chữa bài và chốt đáp án.

Đáp án gợi ý:

1. F 2. T 3. F 4. T 4. F

4. Hoạt động 4: Sau khi nghe

a. Mục tiêu

- HV nhận biết được cách nhấn câu.
- HV bàn luận về các chủ đề thông qua hoạt động nói.

b. Nội dung

- Nghe và đánh dấu những từ nhận trọng âm trong câu.
- Nói theo cặp theo các câu hỏi gợi ý.

c. Sản phẩm: HV có thể sử dụng ngôn ngữ và ý tưởng từ bài học để bàn luận về những vấn đề trong cuộc sống.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 7: Nghe và đánh dấu những từ nhận trọng âm trong câu

- GV yêu cầu HV nghe lại phần băng đã nghe trong nhiệm vụ 5 sgk và yêu cầu đánh dấu vào những chỗ được đánh dấu.

- HV làm theo hướng dẫn.
- GV yêu cầu HV chia sẻ .
- GV cho HV nghe một video về quy tắc nhấn âm trong câu.
- GV cho HV thực hành lại tại phần băng vừa nghe.
- GV chữa bài và chốt đáp án.

Nhiệm vụ 8: Nói theo cặp theo các câu hỏi gợi ý

- GV yêu cầu HV thảo luận theo chủ đề theo cặp.
- GV chiếu mẫu trên slide và khuyến khích HV xây dựng theo hội thoại và các nội dung được liên kết với nhau.
- GV khuyến khích HV sử dụng từ vựng và vận dụng phần nhấn âm trong câu đã học.
- HV thực hành.
- GV quan sát và gọi một số cặp làm mẫu và đưa ra nhận xét chung cho cả lớp.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV tóm tắt lại những kiến thức vừa học.

b. Bài tập về nhà

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.
- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo .

Chủ đề 3. The future of cities

Chủ đề này tập trung hướng dẫn dạy học 2 nội dung: Listening và Writing trong thời gian 2 tiết.

TIẾT THỨ 1. LISTENING

V LISTENING

Living in a smart city

1 Match the words and phrase with their meanings.

- | | |
|----------------------|---|
| 1 interact | a an area of a town |
| 2 privacy | b the feeling of belonging to a group |
| 3 sense of community | c to talk or do things with other people |
| 4 neighbourhood | d the state of being alone and not watched or interrupted by other people |

2 Listen to an interview and choose the correct answers A, B, or C.

- What is the interview mainly about?
A. Advantages of living in a smart city.
B. Problems of living in a smart city.
C. Attractions of urban lifestyles.
- How are cameras and sensors used in a smart city?
A. To collect information about city dwellers and their activities.
B. To collect information about the government and some companies.
C. To improve city dwellers' safety and security.
- Why does Ms Stevens feel lonely?
A. Because she doesn't interact with many people.
B. Because she can't use the smart devices.
C. Because she doesn't like her neighbourhood.

3 Listen to the interview again and complete the table. Use no more than THREE words for each answer.

Situations	Problems
There are cameras and sensors everywhere.	City dwellers may lose their (1) _____ in public areas.
People use (2) _____ to help them with household chores.	It is not easy for some people to get familiar with and use the smart devices.
Some city dwellers (3) _____ with each other face to face less.	There is no (4) _____ in the neighbourhood.

33

4 Work in groups. Discuss the following questions.

Do you agree with Ms Stevens? Which of the disadvantages she mentioned do you think is the most serious? Why?

(Nguồn: Tiếng Anh 11, Global Success, Sách học sinh tr. 33-34)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Ghi nhớ và sử dụng các từ vựng liên quan đến chủ đề “cuộc sống ở thành phố thông minh.”

2. Năng lực

- Nghe và hiểu thông tin tổng quát và các thông tin chi tiết của một cuộc phỏng vấn về chủ đề “cuộc sống ở thành phố thông minh.”

- Nâng cao kỹ năng trình bày.

3. Phẩm chất

- Tích cực tham gia các hoạt động của lớp; tích cực hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động làm việc theo cặp và làm việc nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng.

- Tài liệu dạy học: Kế hoạch dạy học, sách giáo khoa, sách bài tập.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo bầu không khí thoải mái, hào hứng trước khi bắt đầu bài học.

- Khởi gợi kiến thức liên quan đến chủ đề.

- Nâng cao khả năng phối hợp của HV.

b. Nội dung

- Trò chơi: Truyền bóng

c. Sản phẩm

- HV hứng thú hơn với bài học hơn và tự tin tham gia các hoạt động của bài học.

- HV nhớ lại kiến thức và từ vựng liên quan đến chủ đề đã được học trong tiết học trước.

d. Tổ chức thực hiện

- GV giải thích luật chơi cho HV:

+ HV nghe nhạc, truyền bóng.

+ Khi nhạc dừng lại, vị trí cuối cùng của bóng ở đâu, HV ở đó sẽ phải đứng dậy, nói một từ/cụm từ liên quan đến chủ đề thành phố của tương lai và giải thích nghĩa của từ đó.

+ Chú ý: KHÔNG để bóng rơi xuống đất; KHÔNG ném bóng, phải truyền. Ai vi phạm 1 trong 2 điều trên sẽ phải đứng dậy trả lời lập tức.

2. Hoạt động 2: Trước khi nghe

a. Mục tiêu

- Giúp HV học các từ vựng liên quan đến chủ đề.
- Khơi gợi kiến thức của HV về chủ đề của bài nghe
- Giúp HV tập trung chú ý vào bài trước khi nghe.

b. Nội dung

- Nói các từ/cụm từ đã cho với nghĩa của chúng.
- Điền các từ/cụm từ đã cho trong nhiệm vụ 1 vào chỗ trống để hoàn thành một đoạn văn.

c. Sản phẩm

- HV hiểu nghĩa và biết cách phát âm một số từ khó trong đoạn băng mà HV được nghe.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Nói các từ/cụm từ đã cho với nghĩa của chúng.

- GV giới thiệu và giải thích nghĩa của các từ/cụm từ bằng các phương pháp khác nhau, giúp HV dễ dàng hoàn thành nhiệm vụ.

Đáp án gợi ý:

1. C 2. D 3. B 4. A

Nhiệm vụ 2: Điền các từ/cụm từ đã cho trong nhiệm vụ vào chỗ trống để hoàn thành một đoạn văn.

- GV yêu cầu HV đọc lướt qua đoạn văn và xác định loại từ cần điền.
- GV yêu cầu HV đọc hiểu để điền các từ/cụm từ chính xác vào chỗ trống.
- GV yêu cầu HV hoàn thành nhiệm vụ.
- GV yêu cầu 1 HV đọc to đoạn văn, chỉnh đáp án và phát âm nếu cần thiết.

Đoạn văn

In a smart city, technology shapes how we _____(1), impacting both privacy and community. While innovations offer convenience, concerns about data _____(2) persist. Despite this, _____(3) in smart cities often foster a strong _____(4). Residents collaborate on initiatives, utilizing technology to enhance connectivity and shared experiences, ultimately enriching urban life.

Đáp án gợi ý:

1. interact 2. privacy 3. neighbourhood 4. sense of community

3. Hoạt động 3: Trong khi nghe

a. Mục tiêu

- Giúp HV luyện tập kỹ năng nghe hiểu ý chính và các thông tin chi tiết của bài phỏng vấn về chủ đề “cuộc sống trong thành phố thông minh”.
- Giúp HV nhận biết cách phát âm chính xác của một số từ vựng liên quan đến chủ đề sống trong thành phố thông minh.
- Cung cấp cho HV một số thông tin cơ bản về thành phố thông minh.

b. Nội dung

- Nghe một cuộc phỏng vấn và chọn đáp án đúng.
- Nghe lại cuộc phỏng vấn và hoàn thành bảng. Điền KHÔNG QUÁ 3 TỪ cho mỗi chỗ trống.

c. Sản phẩm

- HV có thể nghe và hiểu được ý chính cũng như các thông tin chi tiết trong bài và hoàn thành nhiệm vụ.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 3: Nghe một cuộc phỏng vấn và chọn đáp án đúng.

- GV thông báo với HV rằng bài nghe là đoạn ghi âm một cuộc phỏng vấn Ms. Stevens, một công dân trong thành phố thông minh.
- GV yêu cầu HV đọc hiểu câu hỏi và các câu trả lời, GV giải thích hoặc gợi ý những từ vựng không quen thuộc hoặc các từ vựng khó cho HV.
- GV bật băng, HV làm bài.
- GV đưa ra đáp án đúng, yêu cầu HV kiểm tra và giải thích đáp án. Nếu có câu khó, GV bật lại đoạn băng và giải thích đáp án cho HV.

Đáp án gợi ý :

1. b 2. a 3. a

Nhiệm vụ 4: Nghe lại cuộc phỏng vấn và hoàn thành bảng. Điền KHÔNG QUÁ 3 TỪ cho mỗi chỗ trống.

- GV yêu cầu HV đọc hiểu thông tin trong bảng, đoán xem các từ cần điền thuộc loại từ nào, đoán các từ có thể điền vào chỗ trống.
- GV bật lại phần thu âm để HV so sánh đáp án với các bạn cùng bàn.
- GV đưa ra đáp án đúng, yêu cầu HV kiểm tra lại đáp án của mình, và giải thích đáp án. Nếu có câu khó, GV bật lại đoạn băng và giải thích đáp án cho HV.

Đáp án gợi ý:

1. right to privacy
2. smart technologies
3. interact

4. sense of community

4. Hoạt động 4: Sau khi nghe

a. Mục tiêu

- Kiểm tra mức độ hiểu và ghi nhớ các thông tin trong bài nghe của HV.
- Giúp HV luyện kỹ năng làm việc nhóm.

b. Nội dung

- Thảo luận theo nhóm: Những bất lợi khi sống ở thành phố thông minh.

c. Sản phẩm

- HV có thể sử dụng ngôn ngữ và ý tưởng từ bài học để hiểu hơn về cuộc sống ở thành phố thông minh.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 5: Bạn có đồng ý với Ms. Stevens hay không? Trong số những điều không thuận lợi cô ấy đã đề cập, điều nào là bất lợi lớn nhất? Tại sao?

- GV dẫn vào hoạt động bằng một số câu hỏi gợi mở: Những điều không thuận lợi cô Stevens nhắc đến là gì? Những điều bất lợi ấy có thể dẫn đến những hệ quả gì? Với em, điều nào khiến em cảm thấy không thoải mái nhất?

- GV chia nhóm cho HV và yêu cầu HV làm nhiệm vụ.

- GV mời đại diện một số nhóm trình bày trước lớp ý tưởng của nhóm mình, yêu cầu các HV khác nghe để nhận xét và góp ý.

- GV nhận xét và góp ý cuối cùng.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV tóm tắt lại nội dung đã nghe trong đoạn ghi âm

b. Bài tập về nhà

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.
- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo .

TIẾT THỨ 2. WRITING

VI WRITING

An article about the advantages and disadvantages of living in a smart city

- 1 Read the following ideas and decide whether they are advantages or disadvantages of living in a smart city. Tick (✓) the appropriate box.

	Advantages	Disadvantages
1. Smart technologies make people's lives easier by reducing household chores.		
2. Without training, people will not know how to use the technologies in the smart city.		
3. People have limited privacy due to the cameras installed everywhere in the city.		
4. The negative impact on the environment is less.		
5. Smart technologies help the city operate more efficiently.		
6. People become worried because their personal information might not be protected.		

- 2 Read the article below and match its parts with the correct descriptions.

- _____ A. Introduction – A short paragraph stating the issue and what the article will cover
 _____ B. Title – The topic of the article in a few words
 _____ D. Conclusion – A summary of the main points and sometimes the writer's opinion
 _____ C. Body paragraphs – Each presenting a main point for or against the issue, supported by facts, examples, or explanations

September

NEWS WORLD

● ECONOMY
● SOCIETY
● TECHNOLOGY
● CULTURE

LIVING IN A SMART CITY: GOOD OR BAD?

1

2 If you live in a smart city, you will probably agree with me that life is not all good as some people may think. So what are the pros and cons of living in a smart city?

3 The good thing about smart cities is that they are very modern. Smart technologies make people's lives easier by reducing household chores. Besides, the city infrastructure which includes sensors and cameras collects information about people and their activities, and uses it to provide faster, cheaper, and better services.

4 On the other hand, living in a smart city has some disadvantages. Some smart technologies are difficult to use and without training, city dwellers might find them useless. With cameras everywhere in public spaces, people also have limited privacy. They are worried that their personal information might not be protected, and they might become victims of cybercrime.

5 In conclusion, living in a smart city has both advantages and disadvantages. However, I think these urban areas offer great promise. The issues should be dealt with in the years ahead as the world's population keeps growing, and more people are moving to big cities.

- 3 Write an article (120–150 words) about other advantages and disadvantages of living in a smart city. Use the suggested ideas in 1, the sample in 2, and the outline below to help you.**

THE ADVANTAGES AND DISADVANTAGES OF SMART CITIES

Smart cities are built on new technologies to improve people’s lives. The idea of living in one of them sounds very exciting. But is a life controlled by smart technologies good or bad for us?

Let’s start with the advantages. _____

What about the disadvantages? _____

In conclusion, there are both advantages and disadvantages of living in a smart city. In my opinion, _____

(Nguồn: Tiếng Anh 11, Global Success, Sách học sinh tr. 34-35)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhớ và sử dụng được các từ và cụm từ liên quan đến chủ đề “Living in a smart city” (Cuộc sống ở thành phố thông minh).

2. Năng lực

- Xác định được cấu trúc của một bài báo.
- Viết một bài báo về lợi ích và tác hại của việc sống ở thành phố thông minh.
- Nói về cảm xúc khi sống ở thành phố thông minh .

3. Phẩm chất

- Nâng cao nhận thức về cuộc sống ở một thành phố thông minh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phân, bảng.
- Tài liệu dạy học: Kế hoạch dạy học, sách giáo khoa, sách bài tập.

III. GỢI Ý TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo bầu không khí thoải mái, hào hứng trước khi vào bài học.
- Tăng khả năng phối hợp của HV thông qua hoạt động.
- Bước đầu dẫn HV đến ngữ cảnh hỗ trợ cho HV tạo ý tưởng bài viết.

b. Nội dung

- Xem video và ghi lại những cụm từ khóa trong video.

c. Sản phẩm

- HV hứng thú hơn với bài học và nắm được nội dung của bài học.

d. Tổ chức thực hiện

- GV giới thiệu video và nhắc nhở HV ghi lại những từ khóa trong video.
- GV chiếu video cho HV ([Link video](#))
- HV ghi lại những từ chìa khóa..
- GV dẫn HV vào chủ đề bằng cách hỏi một số câu hỏi
 - + How many keywords can you note? What are they?
 - + What is the topic of the video?
 - + Does living in a smart city have advantages and disadvantages?
- HV trả lời câu hỏi.
- GV chốt chủ đề để dẫn HV vào bài học” So today, we will learn how to write advantages and disadvantages of living in a smart city”.

2. Hoạt động 2: Trước khi viết

a. Mục tiêu

- Giúp HV xây dựng và phát triển ý tưởng cho bài viết.
- Giúp HV làm quen và nắm chắc cấu trúc của một bài báo.

b. Nội dung

- Đọc các quan điểm và quyết định những quan điểm đó nói về thuận lợi hay bất lợi khi sống ở một thành phố thông minh.
- Đọc bài báo và ghép các phần của bài báo với mô tả.

c. Sản phẩm

- HV có thể nắm được ý tưởng và cấu trúc cho bài viết “Advantages and disadvantages of living in a smart city”.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1. Đọc các quan điểm và quyết định những quan điểm đó nói về thuận lợi hay bất lợi khi sống ở một thành phố thông minh.

- GV hướng dẫn nhiệm vụ một cho HV và yêu cầu HV làm việc theo cặp.
- HV trao đổi và làm việc theo cặp.
- GV gọi bất kỳ một số HV chia sẻ đáp án và yêu cầu giải thích .
- GV chốt đáp án cho cả lớp.

Đáp án gợi ý:

- Advantages: 1, 4, 5.
- Disadvantages: 2, 3, 6.

Nhiệm vụ 2. Đọc bài báo và ghép từng phần của bài báo với mô tả của phần đó.

- GV yêu cầu HV đọc bài báo mẫu và kiểm tra một số từ vựng để đảm bảo HV có thể nắm vững nội dung của bài báo.
- GV hướng dẫn HV làm nhiệm vụ 2.
- HV làm nhiệm vụ một cách độc lập.
- GV yêu cầu HV đối chiếu đáp án theo cặp.
- GV gọi một số HV chia sẻ đáp án và chốt đáp án đúng cho cả lớp.
- GV chốt cấu trúc của một bài báo và kiểm tra lại kiến thức của HV bằng một số concept checking questions .

Ví dụ:

- + How many parts does an article include? What are they?
- + What does the writer include in the introduction?
- + What kind of question does he/she use to introduce the topic?
- + What expression does he/she use to introduce the disadvantages?

Đáp án gợi ý:

1. B 2. A 3-4. C 5. D

3. Hoạt động 3: Trong khi viết

a. Mục tiêu

- Phát triển kỹ năng viết một bài báo liên quan đến chủ đề của bài.
- Luyện tập cấu trúc đã được học trước đó.

b. Nội dung

- Viết một bài báo (120-150 từ) về các thuận lợi và bất lợi khi sống ở một thành phố thông minh.

c. Sản phẩm

- HV có thể nắm được cấu trúc của bài viết và hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ học tập.

d. Tổ chức thực hiện

- GV giải thích nhiệm vụ và hướng dẫn HV cách viết bài.
- GV hỏi một số HV về cấu trúc của bài viết (Mỗi phần bắt đầu từ đâu đến đâu, ở đó cần viết cái gì?).
- GV nhắc nhở HV tận dụng ý tưởng đã học ở các nhiệm vụ trước.
- GV yêu cầu HV viết bài độc lập, chú ý dùng thì hiện tại đơn hoặc hiện tại hoàn thành.
- GV đi xung quanh lớp và quan sát, ghi lại những lỗi HV thường mắc và có thể giúp đỡ những HV yếu hơn.
- GV yêu cầu HV trao đổi bài theo cặp và viết nhận xét cho bạn bằng cách sử dụng phiếu đánh giá*.
- GV đưa ra nhận xét chung và sửa một số lỗi phổ biến..

Phiếu đánh giá

Does your partner's work use the given structure?	
Does your partner's work have any creative ideas?	
Does your partner's work use suitable vocabulary related to the topic?	

4. Hoạt động 4: Sau khi viết

a. Mục tiêu

- Giúp HV diễn tả được cảm xúc khi sống ở thành phố thông minh thông qua hoạt động nói
- Giúp HV nâng cao kỹ năng thuyết trình; Luyện kỹ năng làm việc nhóm.
- Cung cấp cho HV cơ hội thực hành sử dụng ngôn ngữ.

b. Nội dung

- Thảo luận “Imagine and describe the feeling when living in a smart city” .

c. Sản phẩm

- HV có thể sử dụng ngôn ngữ và ý tưởng từ bài học để trình bày ý tưởng của mình.

d. Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HV làm việc theo cặp. Yêu cầu HV thảo luận liệu cảm nhận khi sống ở thành phố thông minh.
- Khuyến khích HV giải thích lý do về cảm nhận của mình.
- GV mời một số nhóm chia sẻ câu trả lời của họ với toàn bộ lớp.
- GV yêu cầu các HV khác lắng nghe và đưa ra nhận xét.
- GV đưa ra phản hồi và đánh giá kết quả của HV.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV viết một đoạn văn về cuộc sống ở thành phố thông minh.

b. Bài tập về nhà

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.
- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo .

Chủ đề 4. Social issues

Chủ đề này tập trung hướng dẫn dạy học hai nội dung: Reading và Speaking trong thời gian 2 tiết.

TIẾT THỨ 1. READING

III READING

Peer pressure

1 Work in pairs. Discuss the question.

Have your friends ever made you do something you do not like? If yes, give an example.

2 Read the article. Match the highlighted words and phrase with their meanings.

TEEN'S LIFE

I DON'T WANT TO BE THE ODD ONE OUT



'My parents don't want me to **hang out** with my friends from school. They think those friends have a bad influence on me. They aren't happy that instead of going home after school, we go to games centres to play video games. But I think it's fun, and I don't want to lose my friends,' Thanh, 17.

'One day I coloured my hair and painted my finger nails. My parents got so angry with me. I know that this is not allowed at school, but all the girls in my group of friends did the same. I don't want to be the **odd one out**,' Van, 16.

[A] The emails we have received from teenagers this week point to the effects of **peer pressure**, which is when you do things because you want to be accepted or valued by your friends. If teens fail to do what their group of friends want them to do, they may not be accepted or may even be bullied.

[B] In many cases, peer pressure can lead to **depression**, low **self-confidence**, distance

from family and poor school performance. It can also lead to bigger social issues. It was reported that 70% of teenage smokers surveyed in the US said that they started smoking because they had friends who were smoking.

[C] It is not always easy to stand up to peer pressure, but sooner or later you need to decide what is best for you. Choose the right friends, learn to say no when you don't feel comfortable and don't hesitate to talk to an adult when the situation looks dangerous. And remember it's sometimes OK to be 'the odd one out'.

1 hang out

2 pressure

3 depression

4 self-confidence

a a belief in your own ability to do things well

b the state of feeling very sad and without hope for the future

c the act of trying to force someone to do something by arguing, persuading, etc.

d to spend a lot of time in a place

3 Read the article again. Which paragraph contains the following information? Write A, B, or C.

1. The definition of 'peer pressure'

2. How peer pressure can cause social issues

3. Dealing with peer pressure

4. The possible problems facing teens if they do not follow their peers

4 Read the article again and choose the correct answers A, B, or C.

1. What is the similarity between Thanh and Van?
 - A. They both changed their appearance.
 - B. They both want to be different from their friends.
 - C. Their parents do not approve of their behaviour.
2. Which is NOT mentioned in the article as a consequence of peer pressure?
 - A. Encouraging someone to fight.
 - B. Lack of a close relationship with family members.
 - C. Lack of confidence about what you can do.
3. What was reported about the effects of peer pressure on teenagers in the US?
 - A. Fifty-five per cent of them started to smoke because of peer influence.
 - B. Seventy per cent of them were drinking alcohol with their friends.
 - C. More than two-thirds of teen smokers started the habit under the influence of their friends.
4. According to the article, what is one way of dealing with peer pressure?
 - A. Going to see the right doctor.
 - B. Not always saying yes to your friends.
 - C. Choosing friends who say no when they feel uncomfortable.

5 Work in pairs. Discuss the following question.

Have you, or has someone you know, experienced any of the problems mentioned in this article?

(Nguồn: Tiếng Anh 11, Global Success, Sách học sinh tr. 103-104)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhớ và sử dụng các từ và cụm từ liên quan đến chủ đề “Peer pressure” (Áp lực đồng trang lứa).

2. Năng lực

- Đọc và xác định thông tin khái quát và thông tin chi tiết của bài đọc hiểu.
- Thảo luận về chủ đề các vấn đề liên quan đến áp lực đồng trang lứa “problems of peer pressure” .

3. Phẩm chất

- Nâng cao nhận thức về vấn đề áp lực đồng trang lứa “Peer pressure”.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng.
- Tài liệu dạy học: Kế hoạch dạy học, sách giáo khoa, sách bài tập.

III. GỢI Ý TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo bầu không khí thoải mái và hào hứng trước khi bước vào bài học.
- Tăng khả năng phối hợp của HV thông qua hoạt động.

b. Nội dung

- Trò chơi: Hang man.

c. Sản phẩm

- HV hứng thú hơn với bài học và tự tin tham gia các hoạt động của bài học.

d. Tổ chức thực hiện

- GV chia lớp thành hai nhóm và giải thích luật chơi cho HV: Các đội chơi lần lượt đoán chữ cái để đoán từ. Đội nào đoán từ chính xác sẽ được điểm, đoán sai thì đội còn lại sẽ được điểm. Đội nhiều điểm hơn sẽ là đội thắng và đội bị “treo cổ” trước sẽ thua.

- GV chiếu từng từ một để cho HV đoán và sẽ đưa ra đáp án sau mỗi câu trả lời đúng của HV.

- HV làm theo hướng dẫn và tự do đoán chữ cái.
- GV có thể gợi ý nếu HV cần nhiều thời gian để đoán từ.
- GV chiếu lại bảng tổng hợp từ sau khi kết thúc hoạt động.
- GV dẫn HV vào chủ đề bằng cách hỏi câu hỏi “ Can you guess our lesson topic today?”.
- HV trả lời câu hỏi.
- GV chốt chủ đề để dẫn HV vào bài học “So today, we will read an article and discuss more about peer pressure”.

Các từ gợi ý: friend, teenage, stress, jealous, depression

2. Hoạt động 2: Trước khi đọc

a. Mục tiêu

- Khởi gợi kiến thức của HV về chủ đề bài học và tạo ngữ cảnh cho bài đọc.
- Tạo hứng thú đối với bài tập đọc hiểu.

b. Nội dung

- YES/NO question

c. Sản phẩm

- HV có thể đoán và sử dụng những từ phù hợp với chủ đề trước khi bước vào nội dung đọc hiểu.

d. Tổ chức thực hiện

- GV phát hai phiếu Yes/No cho mỗi HV và yêu cầu các em giơ Yes nếu thấy hoạt động chiếu trên bảng là hoạt động em thích ở một người bạn và giơ No nếu thấy ngược lại.

- GV đưa ra một ví dụ giúp HV nắm rõ hơn được yêu cầu.

- GV chiếu từng hoạt động trên bảng trình chiếu.

- HV giơ bảng.

- GV gọi bất kỳ một số HV và yêu cầu đưa ra một số ví dụ khác về hoạt động một người bạn làm với em và em không thích.

- GV tổng kết các hoạt động và giới thiệu qua về Teenage's life.

Gợi ý:

1. Borrowing items without asking - No
2. Constantly bringing up past mistakes - No
3. Sharing hobbies and interests - Yes
4. Being overly competitive in a negative way - No
5. Cooking or sharing meals - Yes
6. Using offensive/ insensitive humor or jokes - No

3. Hoạt động 3: Trong khi đọc

a. Mục tiêu

- Giúp HV luyện đoán nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh.

- Giúp HV phát triển kỹ năng đọc hiểu thông tin khái quát và thông tin chi tiết .

b. Nội dung

- Đọc văn bản. Ghép các từ được tô đậm với nghĩa của chúng.

- Ghép đôi (Biến đổi từ nhiệm vụ đọc lại văn bản và chọn tiêu đề phù hợp cho từng đoạn văn).

- Đọc lại văn bản và chọn đáp án đúng cho mỗi câu hỏi tương ứng .

c. Sản phẩm

- HV hiểu nội dung của bài đọc và hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ học tập.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản. Ghép các từ được tô đậm với nghĩa của chúng

- GV viết hoặc trình chiếu các từ mới lên bảng, hướng dẫn cách đọc và yêu cầu HV đọc văn bản, chú ý đến ngữ cảnh của từng từ được đánh dấu và tìm kiếm dẫn chứng để đoán nghĩa của từ.

- GV yêu cầu HV làm việc theo nhóm để thảo luận và đưa ra câu trả lời.

- HV làm theo hướng dẫn của GV

- GV kiểm tra chung các câu trả lời của cả lớp, GV gọi ngẫu nhiên các em HV lên viết từ trên bảng và có thể đặt câu với những từ đó

Đáp án gợi ý:

1. d 2. c 3. b 4. a

Nhiệm vụ 2: Ghép đôi (Biến đổi từ nhiệm vụ đọc lại văn bản và chọn tiêu đề phù hợp cho từng đoạn văn)

- GV hướng dẫn HV làm việc theo cặp.

- GV phát cho mỗi cặp hai loại phiếu (một HV nhận được các phiếu ghi tiêu đề các đoạn văn, HV còn lại nhận được các phiếu ghi các đoạn văn bản).

- GV yêu cầu các cặp ghép đoạn cho đúng tiêu đề phù hợp.

- GV đưa ra một số hướng dẫn để giúp HV tìm kiếm ý chính của toàn bộ bài đọc (Chú ý vào câu chủ đề, tìm từ chìa khóa, tìm câu kết luận).

- GV gọi một số HV giải thích sự lựa chọn của mình và đưa ra đáp án kết luận.

Đáp án gợi ý:

1. A 2. B 3. C 4. A

Nhiệm vụ 3: Đọc lại văn bản và chọn đáp án đúng cho mỗi câu hỏi tương ứng

- GV yêu cầu HV đọc phần câu hỏi và các lựa chọn được đưa ra ở đề bài và gạch chân từ khóa.

- HV gạch chân những từ khóa.

- GV chiếu những từ khóa cần gạch chân.

- GV yêu cầu HV dự đoán câu trả lời.

- GV nhắc nhở HV chú ý vào phần thông tin được viết lại theo một cách khác hoặc chú ý vào phần từ đồng nghĩa, trái nghĩa được sử dụng trong phần đọc hiểu.

- GV yêu cầu HV làm bài, gạch chân phần thông tin chứa đáp án trong bài đọc hiểu.

- HV trao đổi đáp án theo cặp.

- GV gọi một số HV yêu cầu chia sẻ với lớp.

- GV chữa bài và chốt đáp án cuối cùng.

Đáp án gợi ý:

1. C 2. A 3. C 4. B

4. Hoạt động 4: Sau khi đọc

a. Mục tiêu

- Giúp HV nâng cao kỹ năng thuyết trình.
- Giúp HV luyện kỹ năng làm việc nhóm.
- Cung cấp cho HV cơ hội thực hành sử dụng ngôn ngữ.

b. Nội dung

- Thảo luận “Have you, or has someone you know, experienced any of the problems mentioned in this article?”

c. Sản phẩm

- HV có thể sử dụng ngôn ngữ và ý tưởng từ bài học để phản ánh về quan điểm của họ.

d. Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HV liệt kê ra những vấn đề đã được đưa ra trong bài đọc hoặc có thể liệt kê thêm nhằm đa dạng hóa ý tưởng thảo luận.
- GV yêu cầu HV làm việc theo cặp, thảo luận về các vấn đề đã được nhắc đến
- Khuyến khích HV đưa thêm ý kiến cá nhân của bản thân vào bài nói.
- GV mời một số nhóm chia sẻ câu trả lời của họ với toàn bộ lớp.
- GV yêu cầu các HV khác lắng nghe và đưa ra nhận xét.
- GV đưa ra phản hồi và đánh giá kết quả của HV.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV cho HV chơi game “Golden Chest” trên Blooket nhằm tổng hợp lại kiến thức giúp HV hệ thống lại kiến thức đã học ([Link game](#))

b. Bài tập về nhà

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.
- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo

TIẾT THỨ 2. SPEAKING

IV SPEAKING

Experiencing peer pressure

1 Order the examples of peer pressure below from 1 (most powerful) to 6 (least powerful).



A. _____
Peer pressure to get good grades at school



B. _____
Peer pressure to be good at sports



C. _____
Peer pressure to be fashionable



D. _____
Peer pressure to look slim and fit



E. _____
Peer pressure to own the latest device



F. _____
Peer pressure not to obey rules

2 Work in pairs. Talk about your experiences of peer pressure. Use the following guiding questions.

- Which example of peer pressure (A-F) in 1 affects you most? Why?
- Which one affects you the least? Why?
- Which are examples of positive peer pressure?

3 Work in groups. Read the situations below and think of some possible responses. Provide reasons for each answer.

1. Your friend wants to skip a test, so he/she asks you to pretend that you are his/her parent(s) and write a letter to his/her teacher asking permission to be absent from school.

Example: 'No way! I'm not lying. You should try to revise and take the test. Lies can have serious consequences and people will always find out the truth.'

2. Your friend has just got the latest smartphone. He/She makes fun of your old smartphone and says that you should buy a new one.

3. Your friend is getting good grades in English. He/She wants you to join his/her study group so that you can also improve your English.

4. Your friend is skipping classes frequently. He/She says that every teen does it sometimes, and you should do it as well.

4 Report your answers to the whole class. Vote for the most interesting responses.

(Nguồn: Tiếng Anh 11, Global Success, Sách học sinh tr. 104-105)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhớ và sử dụng các từ và cụm từ liên quan đến chủ đề “Social issues” (Các vấn đề xã hội) trong giao tiếp hằng ngày.

2. Năng lực

- Nói về trải nghiệm và cách giải quyết của mình trong vấn đề áp lực đồng trang lứa.

- Trình bày quan điểm và suy nghĩ một cách rõ ràng trong các cuộc nói chuyện hoặc thảo luận.

3. Phẩm chất

- Nhận biết lí do tại sao áp lực đồng trang lứa có thể dễ dàng ảnh hưởng tới thanh thiếu niên.

- Hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động làm việc theo cặp và nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng.

- Tài liệu dạy học: Kế hoạch dạy học, sách giáo khoa Global Success 11, sách bài tập.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo bầu không khí thoải mái và hào hứng trước khi bắt đầu bài học.

- Dạy một số từ vựng về chủ đề áp lực đồng trang lứa.

b. Nội dung

- Xem video và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm

- HV hứng thú hơn với bài học và tự tin tham gia các hoạt động của bài học.

- HV có một số ý tưởng để chuẩn bị cho bài nói.

d. Tổ chức thực hiện

- GV giải thích cho HV cách thực hiện hoạt động:

+ GV hướng dẫn HV làm việc theo tổ.

+ HV xem video, chú ý vì sẽ có một vài câu hỏi xuất hiện sau một số thông tin để kiểm tra mức độ hiểu biết của HV.

+ GV nhắc nhở HV chú ý đến cách sử dụng ngữ pháp và một số cụm từ hữu dụng để áp dụng vào bài nói của mình.

+ Sau khi xem hết video, các tổ thống nhất và nộp lại đáp án.

+ Tổ nào có nhiều câu trả lời đúng nhất sẽ trở thành đội chiến thắng và nhận được phần thưởng.

Video:

<https://edpuzzle.com/playlist/667f86305ff9b7b36d25a4a5/video?mediaId=667f86305ff9b7b36d25a435>

2. Hoạt động 2: Trước khi nói

a. Mục tiêu

- Giúp HV nhớ và sử dụng được các từ vựng liên quan đến chủ đề.
- Khơi gợi những kiến thức và ý tưởng HV sẵn có về chủ đề.

b. Nội dung

- Sắp xếp những ví dụ về áp lực đồng trang lứa theo mức độ từ 1 (áp lực nhất) đến 6 (ít áp lực nhất).

c. Sản phẩm

- HV nhận biết được những hình thức khác nhau về áp lực đồng trang lứa.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ: Sắp xếp những ví dụ về áp lực đồng trang lứa theo mức độ từ 1 (áp lực nhất) đến 6 (ít áp lực nhất).

- GV yêu cầu HV làm việc cá nhân, nhìn vào các bức tranh miêu tả các ví dụ của áp lực đồng trang lứa.

- GV yêu cầu HV xếp loại mức độ áp lực của các ví dụ, từ 1-6, từ áp lực nhất - ít áp lực nhất.

- GV giải thích với HV rằng bài tập không có đáp án, chỉ dựa trên cảm nhận và trải nghiệm của từng cá nhân, nhưng HV nên giải thích cho việc sắp xếp của mình.

- GV yêu cầu một số HV đưa ra lí do cho lựa chọn áp lực đồng trang lứa nhất.

- GV đưa ra nhận xét về ngữ âm, cũng như cách phát triển ý của HV, và điều chỉnh nếu cần thiết.

3. Hoạt động 3: Trong khi nói

a. Mục tiêu

- Giúp HV có cơ hội được sử dụng các kiến thức liên quan đến chủ đề để nói và bày tỏ quan điểm của mình trong ngữ cảnh.

b. Nội dung

- Làm việc theo cặp. Nói về trải nghiệm của bạn về vấn đề áp lực đồng trang lứa.
- Làm việc theo nhóm. Đọc miêu tả tình huống và đưa ra một vài câu trả lời hợp lí và lí do cho những câu trả lời đó.

c. Sản phẩm

- HV có thể trình bày ý tưởng của mình một cách rõ ràng và hợp lí.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Làm việc theo cặp. Nói về trải nghiệm của bạn về vấn đề áp lực đồng trang lứa.

- GV hướng dẫn HV sử dụng một số câu hỏi gợi ý sau đây: Đối với bạn, ví dụ nào (A-F) là áp lực nhất, và ít áp lực nhất? Tại sao? Đây là ví dụ tích cực của áp lực đồng trang lứa? Tại sao?

- GV yêu cầu HV làm việc theo cặp, đảm bảo rằng HV nào cũng có cặp để nói cùng, nếu lẻ 1 thì sẽ chia nhóm 3.

- GV kiểm soát lớp học để đảm bảo rằng HV nào cũng phải tham gia vào hoạt động lớp học.

- GV có thể đưa ra gợi ý đối với một số HV yếu hơn, gợi ý tại sao việc làm này lại dẫn đến áp lực đồng trang lứa nhất, trong khi việc kia lại ít gây áp lực đồng trang lứa hơn.

- GV yêu cầu HV sử dụng các từ nối để tăng liên kết cho bài nói của mình.

Câu trả lời gợi ý:

- Good grades: stressed as not having high marks as others, which leads to unconfident and inferior feelings.

- Owning latest devices: not having as good financial background as others gives me the feeling of out of date, and i would get jealous when not possessing a gadget with more functions.

Nhiệm vụ 2: Làm việc theo nhóm. Đọc những tình huống dưới đây và đưa ra một vài câu trả lời hợp lí và lí do cho những câu trả lời đó.

- GV yêu cầu HV đọc kĩ các tình huống đã cho trong bài, kiểm tra mức độ hiểu của HV.

- GV yêu cầu HV chú ý vào phần ví dụ và hỏi xem HV có đồng ý với ý kiến trong bài hay không.

- GV cùng HV đưa ra một số câu trả lời cùng lời giải thích hợp lí cho từng tình huống.

- GV yêu cầu HV hoàn thành nhiệm vụ trong vòng 7 phút, sau đó sẽ gọi mỗi nhóm lên trình bày 1 tình huống bất kì trước lớp để cả lớp cùng nhận xét và đánh giá.

- GV yêu cầu HV sử dụng các từ nối để tăng liên kết cho bài nói của mình.

- GV đưa ra nhận xét chung về phần trình bày của các nhóm, đồng thời khuyến khích để HV tự tin hơn trong việc trình bày suy nghĩ và ý tưởng của bản thân.

Gợi ý:

- Tình huống 2: I satisfied with my beloved phone right now. I'm not an extravagant person and I will use it up until it cannot be used to protect the environment as well.

- Tình huống 3: I really grateful as you are so kind to me. If you need me to help in ... (subject that you're good at), I'm willing to give you a hand. Let's make a progress!

- Tình huống 4: I don't think you have thought thoroughly. We already have enough to relax out of the school time. I think study plays a vital role and I don't want to miss any necessary information.

4. Hoạt động 4: Sau khi nói

a. Mục tiêu

- Giúp HV ôn tập lại một số dấu hiệu và hệ quả của áp lực đồng trang lứa.

- Giúp HV trình bày quan điểm của mình bằng văn viết.

b. Nội dung

- HV làm việc cá nhân, viết một đoạn văn ngắn về 1 tác động tốt và 1 tác động xấu của vấn đề áp lực đồng trang lứa. Đưa ra 1-2 câu giải thích cho mỗi ý của mình.

c. Sản phẩm

- HV có thể sử dụng ngôn ngữ và ý tưởng từ bài học để viết về quan điểm của mình.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 3: HV làm việc cá nhân, viết một đoạn văn ngắn hoàn chỉnh về 1 tác động tốt và 1 tác động xấu của vấn đề áp lực đồng trang lứa. Đưa ra 1-2 câu giải thích cho mỗi ý của mình.

- GV yêu cầu HV làm việc cá nhân, viết ra 1 kết quả tích cực và 1 hậu quả tiêu cực của vấn đề áp lực đồng trang lứa. Có thể lồng trải nghiệm cá nhân của mình nếu có.

- GV yêu cầu HV sử dụng các từ nối để tăng mạch liên kết cho bài của mình.

- GV thu lại bài làm của HV, chấm, trả và đưa ra nhận xét vào buổi học tiếp theo.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV tóm tắt lại những kiến thức vừa học.

b. Bài tập về nhà

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.

- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo - Kỹ năng Nghe.


Chủ đề 5. Vietnam and ASEAN

Chủ đề này tập trung hướng dẫn dạy học 2 nội dung: Getting started và Language trong thời gian 2 tiết.

TIẾT THỨ 1. GETTING STARTED

Unit 4

ASEAN and Viet Nam



This unit includes:

LANGUAGE

Pronunciation
Elision of vowels

Vocabulary
Words and phrases related to ASEAN

Grammar
Gerunds as subjects and objects

SKILLS

Reading: Reading for main ideas and specific information in news items about ASEAN countries.

Speaking:

- Discussing the skills and experience needed for the ASEAN Youth Programme
- Asking for and giving opinions

Listening: Listening for main ideas and specific information in a conversation about an ASEAN school tour programme

Writing: Writing a proposal for a welcome event

COMMUNICATION AND CULTURE / CLIL


Everyday English
Giving and responding to compliments

Culture
New Year Festivals in ASEAN

PROJECT
Doing research about an ASEAN member

I GETTING STARTED

At the ASEAN Youth Volunteer Programme (AYVP) office

1  Listen and read.

Mai: Good afternoon. My name's Mai Nguyen. Are you Ms Pang? You replied to my email and invited me to visit your office.

Ms Pang: Yes, I'm Ms Pang. It's nice to meet you, Mai. So how did you hear about us?

Mai: My cousin was an AYVP volunteer. He often said taking part in the programme was an experience he would never forget.

Ms Pang: Glad to hear that. The main goals of AYVP are promoting youth volunteering and helping the development of the ASEAN community.

Mai: What can I do to prepare for the programme?

Ms Pang: Well, to become an AYVP volunteer, you must be qualified for the programme, and this depends on the themes for the year.

Mai: What are the areas covered by AYVP?

Ms Pang: There are eight themes. I suggest checking our website to find out this year's themes.

Mai: How are volunteers selected?

Ms Pang: To be selected, you should be over 18. Then you may need to propose a community project related to the theme. And we'll probably interview you to make sure you speak English well and are very keen on participating in the programme.

Mai: That doesn't sound too difficult. Thanks so much for meeting me.

Ms Pang: You're welcome.

42



2 Read the conversation again and decide whether the following statements are true (T) or false (F).

	T	F
1. Mai is a member of the ASEAN Youth Volunteer Programme.		
2. One of the aims of AYVP is to help young people volunteer.		
3. Mai can only find last year's themes on the AYVP's website.		
4. Mai can apply to join the AYVP when she turns 18.		

3 Match each word with its definition.

- | | |
|---------------|--|
| 1 volunteer | a things that you hope to achieve |
| 2 qualified | b the process of becoming bigger and better |
| 3 development | c someone who does a job without payment |
| 4 goals | d having the training or experience to do a particular job |

4 Complete the sentences using words and a phrase from 1.

- _____ in the programme was an unforgettable experience for Mai's cousin.
- The main goals of AYVP are _____ youth volunteering and _____ the development of the ASEAN community.
- Ms Pang suggested _____ their website.
- Mai thanked Ms Pang for _____ her.

II LANGUAGE

Pronunciation

Elision of vowels

Remember!

Elision is the omission of sounds or syllables in fast, informal speech.

Weak vowels, such as the schwa sound /ə/, can be omitted before /l/, /n/, or /r/. As a result, the words have one less syllable than the spelling suggests.

1 Listen and repeat. Pay attention to the elision of the vowels in the words in the second column.

1. history	hist(o)ry
2. different	diff(e)rent
3. tonight	t(o)night
4. correct	c(o)rr(e)ct
5. police	p(o)lice
6. dictionary	diction(a)ry

2 Listen and repeat. Pay attention to the words with elision.

- Let's find the **correct** answer!
- We also provide mobile **library** services in rural areas.
- My family will move to a **different** country.
- Please bring your **dictionary** to the history class.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhớ và liệt kê được một số từ và cụm từ liên quan đến chủ đề “ASEAN and Vietnam”.

- Sử dụng đúng dạng V-ing của động từ .

2. Năng lực

- Nghe hiểu và đọc hiểu các thông tin chi tiết trong một đoạn hội thoại.

3. Phẩm chất

- Tự hào về đất nước và tăng cường hiểu biết về khối ASEAN.

- Hợp tác và giúp đỡ nhau trong các hoạt động học tập.

- Chăm chỉ, tích cực hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: Slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng.

- Tài liệu dạy học: Sách giáo khoa Tiếng Anh 11, Global Success, sách bài tập, kế hoạch bài dạy.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Kết nối thông tin đã biết của HV về tổ chức ASEAN và thông tin mới trong bài.

- Tạo sự hứng thú và quan tâm của HV về chủ đề Việt Nam và ASEAN.

- Tạo bầu không khí thoải mái trước khi vào nội dung chính của bài.

b. Nội dung

- Xem video và chơi trò: memory game.

c. Sản phẩm

- HV cảm thấy thoải mái, hứng thú trước khi bắt đầu vào nội dung chính của bài.

- HV được khơi gợi những hiểu biết sẵn có về nội dung mới của bài

d. Tổ chức thực hiện

- GV trình chiếu biểu tượng của ASEAN và yêu cầu HV đoán đây là biểu tượng của tổ chức nào, biểu tượng này có ý nghĩa gì.



- GV đưa ra đáp án và trình chiếu đoạn video giới thiệu về tổ chức ASEAN, yêu cầu HV không ghi chép, chỉ xem và nhớ tên các nước thuộc ASEAN (<https://www.youtube.com/watch?v=WAnfj8v5acM>: từ đầu-1.30).

- Sau khi xem xong, yêu cầu HV làm việc nhóm và ghi lại tên các nước thuộc tổ chức ASEAN xuất hiện trong video, nhóm nào ghi được nhiều nước và đúng nhất giành chiến thắng.

- Giới thiệu bài học mới.

Gợi ý:

Biểu tượng của ASEAN: lấy cảm hứng từ biểu tượng thân cây lúa trong hình khối tròn vững chắc. Hình ảnh thân cây lúa đại diện cho cộng đồng các nước Đông Nam Á – chủ yếu là các nước nông nghiệp. 10 thân cây lúa trong thiết kế logo Asean đại diện cho 10 nước với ước mơ gắn kết tạo dựng tình bạn và tình đoàn kết. Hình khối tròn bên ngoài logo tượng trưng cho sự thống nhất các nước Đông Nam Á.

Hiện nay, Asean có 10 nước thành viên bao gồm: Singapore, Malaysia, Indonesia, Philippines, Thái Lan, Brunei, Việt Nam, Lào, Myanmar và Campuchia.

2. Hoạt động 2: Dạy từ vựng

a. Mục tiêu

- HV nhớ được từ mới xuất hiện trong đoạn hội thoại: volunteer (n,v), take part in (v), to promote (v) , be qualified for (adj), to propose (v), community (n), goal (n), development (n)

- HV nhận ra cấu trúc ngữ pháp mới xuất hiện trong bài hội thoại.

- HV sẵn sàng cho hoạt động nghe và đọc đoạn hội thoại.

b. Nội dung: Khám phá từ vựng trong ngữ cảnh cố định

c. Sản phẩm

- HV hiểu được từ vựng liên quan đến chủ đề trước khi nghe/đọc đoạn hội thoại.

2. Tổ chức thực hiện

- Sử dụng các kĩ thuật dạy từ vựng để giúp HV khám phá nghĩa các từ loại của từ quan trọng trong đoạn hội thoại: (định nghĩa, ví dụ, tranh ảnh, từ đồng nghĩa, trái nghĩa, giải thích, dịch).

- Kiểm tra nhanh bằng cách cho HV nhìn tranh ảnh, ví dụ, định nghĩa và nhắc lại các từ vừa học.

- Yêu cầu HV đọc lướt đoạn hội thoại và đánh dấu các từ vừa học; đánh dấu các động từ có dạng V+ing

- Trình chiếu đoạn hội thoại và đánh dấu các từ/ cụm từ vừa học, đọc các từ được đánh dấu để HV nhắc lại, nhắc lại nghĩa của các từ/ cụm từ đó trong văn cảnh của bài hội thoại.

Từ mới

volunteer (n,v), take part in (v), to promote (v), be qualified for (adj), to propose (v), community (n), goal (n), development (n)

3. Hoạt động 3: Nghe, đọc hội thoại và trả lời câu hỏi

a. Mục tiêu

- HV nghe, đọc và hiểu đoạn hội thoại.
- HV tóm tắt được nội dung đoạn hội thoại.

b. Nội dung

- Nghe và đọc đoạn hội thoại.
- Đọc lại đoạn hội thoại và quyết định xem các câu đúng (T) hay sai (F).
- Nói từ với định nghĩa.
- Hoàn thành câu sử dụng các từ và cụm từ trong đoạn hội thoại.

c. Sản phẩm

- HV có thể hiểu nội dung đoạn hội thoại và hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1. Nghe và đọc.

- GV yêu cầu HV quan sát các bức tranh trong sách và trả lời câu hỏi.
- HV trả lời câu hỏi theo cặp.
- HV nghe và đọc đoạn hội thoại lần thứ 1 và kiểm tra các suy đoán:

- GV kiểm tra dự đoán của HV.
- GV gọi 2 HV đọc to đoạn hội thoại.

Câu hỏi:

- Who are the speakers?
- Where are they?
- What do you think they are talking about?

Đáp án gợi ý:

- They are Mai and Ms Pang.
- They are in AYVP's office.
- They are talking about AYVP and how to become a volunteer for AYVP.

Nhiệm vụ 2. Đọc lại đoạn hội thoại và quyết định xem những câu sau đây là đúng (T) hay sai (F).

- GV hướng dẫn HV cách làm bài: gạch chân các từ/cụm từ chính trong mỗi câu hỏi, đọc lướt bài hội thoại đến chỗ có các thông tin liên quan thì dừng lại đọc kỹ để quyết định thông tin đưa ra trong câu hỏi là đúng (T) hay sai (F).
- HV so sánh câu trả lời với bạn và chữa câu sai theo hướng dẫn của GV.

Đáp án gợi ý:

1. F (It was her cousin.)
2. T
3. F
4. F (She should be over 18.)

Nhiệm vụ 3. Nối từ với định nghĩa

- GV hướng dẫn: đây là những từ có trong đoạn hội thoại ở Bài tập 1.
- GV đọc to các từ bên tay trái, HV đọc theo để chỉnh sửa lỗi phát âm (nếu có).
- Theo cá nhân: GV yêu cầu HV đánh dấu các từ này trong đoạn hội thoại, kiểm tra lại nghĩa, đọc định nghĩa bên tay phải và ghép với từ.
- HV so sánh câu trả lời với bạn.
- GV yêu cầu một số HV báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ số 3. Các HV còn lại nghe, cho ý kiến nhận xét và sửa lỗi cho bạn (nếu có).

- GV chốt câu trả lời đúng. Hoạt động này có thể giao về nhà nếu trên lớp không đủ thời gian.

Đáp án gợi ý:

1. c 2. d 3. b 4. a

Nhiệm vụ 4. Hoàn thành câu sử dụng các từ và cụm từ trong đoạn hội thoại

- GV hướng dẫn HV gạch chân các từ chính trong mỗi câu, đọc lướt bài hội thoại để xác định câu xuất hiện các từ đó, đọc kỹ và điền từ còn thiếu vào chỗ trống.

- GV yêu cầu một số HV báo cáo kết quả và chốt câu trả lời đúng.

- GV hỏi HV nhận xét sự giống nhau của các câu trả lời (đều là V+ing) và qua đó giới thiệu nội dung ngữ pháp sẽ được học ở tiết học sau.

Đáp án gợi ý:

1. Taking part
2. promoting - helping
3. checking
4. meeting

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: HV thực hành kỹ năng nói thông qua hoạt động đóng vai (role play).

b. Nội dung: Hoạt động đóng vai.

c. Sản phẩm

- HV có thể thực hiện các đoạn hội thoại mô phỏng theo đoạn hội thoại trong bài.

d. Tổ chức thực hiện

- Chia lớp theo nhóm 4-5 HV, yêu cầu mỗi nhóm thảo luận các thông tin và yêu cầu cần có để đăng kí tuyển làm tình nguyện viên cho chương trình AYVP; thảo luận các câu hỏi để tìm hiểu về chương trình AYVP.

- Tổng hợp các yêu cầu và câu hỏi lên bảng theo kết quả thảo luận của các nhóm (Ví dụ: must speak English well, have experience in volunteering, have good scores, can work in a team, ...).

- Phân vai trong mỗi nhóm: 1-2 HV là người của chương trình AYVP, các HV còn lại là người đến hỏi thông tin.

- Đặt thời gian 5 phút để các nhóm làm việc. GV đi quanh lớp để quan sát và hỗ trợ các nhóm yếu hoặc có câu hỏi.

- Nếu có thời gian, mời 1-2 nhóm lên thực hiện lại cuộc hội thoại, các nhóm khác nghe và nhận xét.

- Đưa ra nhận xét cho cả lớp, điều làm tốt và điều cần cải thiện qua hoạt động vừa rồi.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV nói về những kiến thức họ đã học trong bài học.

b. Bài tập về nhà

- Viết một lá thư hỏi thông tin/ hoặc một lá thư xin làm tình nguyện viên cho chương trình AYVP².

- Chuẩn bị cho Language trong Lesson 2.

² Hoạt động này dành cho HV khá/ giỏi

TIẾT THỨ 2. LANGUAGE

4 Complete the sentences using words and a phrase from 1.

- _____ in the programme was an unforgettable experience for Mai's cousin.
- The main goals of AYVP are _____ youth volunteering and _____ the development of the ASEAN community.
- Ms Pang suggested _____ their website.
- Mai thanked Ms Pang for _____ her.

II LANGUAGE

Pronunciation

Elision of vowels

Remember!

Elision is the omission of sounds or syllables in fast, informal speech.

Weak vowels, such as the schwa sound /ə/, can be omitted before /l/, /n/, or /r/. As a result, the words have one less syllable than the spelling suggests.

1 Listen and repeat. Pay attention to the elision of the vowels in the words in the second column.

1. history	hɪst(ə)rɪ
2. different	dɪf(ə)rənt
3. tonight	t(ə)naɪt
4. correct	k(ə)rɪkt
5. police	p(ə)lɪs
6. dictionary	dɪkʃ(ə)n(ə)rɪ

2 Listen and repeat. Pay attention to the words with elision.

- Let's find the correct answer!
- We also provide mobile library services in rural areas.
- My family will move to a different country.
- Please bring your dictionary to the history class.

Vocabulary

ASEAN

1 Match the word and phrases with their meanings.

- | | |
|--------------------------|--|
| 1 cultural exchange (np) | a the abilities to organise other people to reach a common goal |
| 2 current issues (np) | b the act of sharing traditions and knowledge with people from different countries |
| 3 contribution (n) | c important things that are happening now |
| 4 leadership skills (np) | d something that you give or do to help make something successful |

2 Complete the sentences using the word and phrases in 1.

- Communicating with people and managing teamwork well are important _____.
- ASEAN has made a major _____ to peace in the region.
- A _____ is the best way for young people to understand other countries' values and ideas.
- The aim of this meeting is to discuss _____ such as climate change and pollution.

Grammar

Gerunds as subjects and objects

Remember!

A gerund is a verb form that ends in -ing and functions as a noun. It can be used as:

- the subject of a sentence.
Example: Travelling might satisfy your desire for new experiences.
- a complement after the verb be.
Example: Her dream job is teaching English.
- an object after some verbs such as like, enjoy, mind, involve, suggest, etc. or after prepositions.
*Examples: My father's work involves travelling around the region.
He apologised for not attending the meeting.*

1 Rewrite the following sentences using gerunds.

- It is more convenient for students to apply for ASEAN scholarships online.
→ _____ is more convenient for students.
- My sister usually listens to music in her free time.
→ My sister's hobby is _____ in her free time.
- Could you help me translate the documents for the workshop?
→ Do you mind _____ for the workshop?
- They managed to start a youth programme in Southeast Asia.
→ They succeeded in _____ in Southeast Asia.
- Maria can't forget the conference she participated last year.
→ _____ was an unforgettable experience for Maria.

2 Work in pairs. Take turns to make sentences about your partner, using gerunds. He or she should tell you if they are true.

Example: A: You enjoy travelling around the region.

B: Sorry, that's not true. Your dream job is working for the AYVP.

A: You're right! Now it's my turn again. ...

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận ra hiện tượng nuốt âm (elision) và luyện tập phát âm các từ có hiện tượng này.
- Nhớ từ vựng liên quan đến chủ đề Việt Nam và ASEAN: cultural exchange, current issues, contribution, leadership skills.
- Nhớ cấu tạo và cách dùng của V+ing

2. Năng lực

- Trình bày những hiểu biết cơ bản về tổ chức ASEAN áp dụng từ vựng, ngữ pháp và phát âm được học trong bài.
- Nói theo nhóm về chủ đề ASEAN.

3. Phẩm chất

- Tự hào về đất nước và tăng cường hiểu biết về khối ASEAN.
- Hợp tác và giúp đỡ nhau trong các hoạt động học tập.
- Chăm chỉ, tích cực hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng.
- Tài liệu dạy học: Kế hoạch bài dạy, sách giáo khoa (Tiếng Anh 11, Global Success, tr. 43-44), sách bài tập.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu/ Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo bầu không khí thoải mái trước khi vào nội dung chính của bài.
- Ôn lại từ vựng đã học của tiết trước.

b. Nội dung

- Đoán tên nước dựa vào lá cờ.

c. Sản phẩm

- HV trở nên hứng thú với bài học hơn và tự tin tham gia các hoạt động của bài học.

d. Tổ chức thực hiện

- Trình chiếu cờ, bản đồ hoặc tên thủ đô của các nước trong khối ASEAN và yêu cầu HV đoán tên nước. Nhóm nào đoán đúng nhiều nhất là nhóm thắng cuộc.
- Trình chiếu một số câu và yêu cầu HV điền từ vào chỗ trống. Từ cần điền là các từ đã học từ bài trước.

Câu hỏi:

1. I am a _____ at the local animal shelter.
2. She _____ to help clean up the park on Saturday.
3. I want to _____ the school play next month.
4. The company wants to _____ their new product with a commercial.
5. She is _____ for the position because of her experience.
6. He _____ a new idea for the science project.
7. Her _____ is to improve her English speaking skills.
8. They are focused on the _____ of sustainable energy sources.

Đáp án:

1. volunteer
2. volunteered
3. take part in
4. promote
5. qualified
6. proposed
7. goal
8. development

2. Hoạt động 2: Dạy phát âm

a. Mục tiêu: HV nhận ra hiện tượng nuốt âm (elision) và luyện tập phát âm các từ có hiện tượng này.

b. Nội dung

- Nghe và nhắc lại. Chú ý đến hiện tượng nuốt âm trong mỗi từ riêng lẻ .
- Nghe và nhắc lại. Chú ý đến hiện tượng nuốt âm trong mỗi câu.

c. Sản phẩm: HV nhận biết và áp dụng hiện tượng nuốt âm.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Nghe và nhắc lại. Chú ý đến hiện tượng nuốt âm trong mỗi từ riêng lẻ.

- GV yêu cầu HV nghe và gạch chân chữ cái bị nuốt âm.
- GV yêu cầu HV nghe và nhắc lại
- GV yêu cầu HV đọc và ghi nhớ phần ghi chú “Remember!”. GV gọi một vài HV trả lời: hiện tượng elision là gì? Khi nào xuất hiện hiện tượng elision?

Gợi ý:

Elision is the omission of sounds or syllables in fast, informal speech. Weak vowels, such as the schwa sound /ə/, can be omitted before /l/, /n/, or /r/. As a result, the words have one less syllable than the spelling suggests.

Nhiệm vụ 2. Nghe và nhắc lại. Chú ý đến hiện tượng nuốt âm trong mỗi câu.

- GV yêu cầu HV nghe và chú ý đến hiện tượng nuốt âm của các từ được đánh dấu trong các câu.

- GV yêu cầu HV nghe và nhắc lại để luyện tập phát âm.

- GV yêu cầu HV đọc lại các câu của bài 2 cho nhau nghe và nhận xét.

Đáp án gợi ý:

1. c(o)rrect

2. libr(a)ry

3. fam(i)ly - diff(e)rent

4. diction(a)ry - hist(o)ry

3. Hoạt động 3: Dạy từ vựng

a. Mục tiêu

- HV nhớ từ vựng liên quan đến chủ đề Việt Nam và ASEAN: cultural exchange, current issues, contribution, leadership skills.

b. Nội dung

- Nói từ với nghĩa.

- Dùng những từ đã cho trong nhiệm vụ 1, hoàn thành câu với dạng đúng của từ.

c. Sản phẩm: HV nhớ được nghĩa, cách đọc và cách dùng của các từ.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1. Nói từ/ cụm từ với nghĩa

- GV giới thiệu: những từ vựng trong bài đều là những từ và cụm từ liên quan đến chủ đề bài học.

- GV khơi gợi để HV đoán nghĩa từ các từ trong cụm từ. Ví dụ: cultural exchange liên quan đến culture (văn hoá), current issue liên quan đến các vấn đề, leadership skills liên quan đến kỹ năng của người lãnh đạo....

- Theo cặp, HV ghép các từ/cụm từ với nghĩa.

- GV yêu cầu một số HV báo cáo kết quả bài làm, các HV khác nhận xét và sửa lỗi (nếu có). Chốt câu trả lời đúng.

Đáp án gợi ý:

1. b 2. c 3. d 4. a

Nhiệm vụ 2. Dùng những từ/cụm đã cho trong nhiệm vụ 1, hoàn thành câu với dạng đúng của từ

- GV yêu cầu HV đọc kĩ các câu đã cho trong bài, lựa chọn chính xác các từ cần điền, và thay đổi dạng từ nếu cần thiết.

- Theo cá nhân, HV làm nhiệm vụ 2, sau đó so sánh câu trả lời với bạn và chốt câu trả lời đúng theo hướng dẫn của GV.

Đáp án gợi ý:

1. leadership skills
2. contribution
3. cultural exchange
4. current issues

4. Hoạt động 4: Dạy ngữ pháp

a. Mục tiêu: HV nhớ cấu tạo và cách dùng của V+ing

b. Nội dung

- Viết lại câu sử dụng V_ing.
- Làm việc theo cặp, đặt câu về bạn sử dụng V_ing.

c. Sản phẩm: HV có thể sử dụng chính xác V_ing

d. Tổ chức thực hiện

- Trình chiếu một số câu ví dụ, in đậm các từ có V+ing và yêu cầu HV xác định thành phần câu của các từ in đậm đó.

- Yêu cầu HV đọc ô Remember! và trả lời câu hỏi: V+ing có thể là các thành phần nào trong câu? (Chủ ngữ, bổ ngữ sau động từ to be, tân ngữ sau một số động từ và sau giới từ)

Nhiệm vụ 3. Viết lại câu sử dụng V_ing

- Hướng dẫn HV làm hoạt động 1 (tr.44): rewrite the following sentences using gerund. Làm câu 1 để ví dụ: gạch chân cụm động từ ở đề bài và chuyển sang V+ing (to apply for ... → applying for ...); đặt cụm động từ này vào chỗ trống của câu thứ 2, viết hoa đầu câu.

- Theo cá nhân, HV làm các câu còn lại. Sau đó, so sánh câu trả lời theo nhóm.

- Yêu cầu một số HV đại diện các nhóm lên bảng viết câu trả lời, các HV còn lại quan sát và nhận xét.

- GV khen ngợi các HV có câu trả lời đúng và chữa lỗi sai (nếu có).

Đáp án gợi ý:

1. Applying for ASEAN scholarship online
2. listening to music
3. helping me translate the documents
4. starting a youth programme
5. Participating in the conference last year

Nhiệm vụ 4. Làm việc theo cặp, đặt câu về bạn sử dụng V_ing

- Yêu cầu mỗi HV viết một số câu liên quan đến tổ chức ASEAN (có sử dụng từ vựng trong bài và V+ing). Ví dụ: Being a member of the ASEAN community is very important to Vietnam, I like visiting all ASEAN countries....

- Chia lớp theo nhóm 4-5 HV, yêu cầu lần lượt mỗi HV trong nhóm đọc các câu đã chuẩn bị, các HV còn lại thể hiện quan điểm đồng tình/ phản đối và đặt câu hỏi liên quan.

- Đặt thời gian 5 phút để các nhóm làm việc. GV đi quanh lớp để quan sát và hỗ trợ các nhóm yếu hoặc cần trợ giúp.

- Nếu có thời gian, mời đại diện của 1,2 nhóm lên tóm tắt nội dung nhóm đã trao đổi.

- Đưa ra nhận xét cho cả lớp, điều làm tốt và điều cần cải thiện qua hoạt động nói vừa qua.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV tóm tắt lại những kiến thức vừa học.

b. Bài tập về nhà

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.

- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo - Kỹ năng Đọc.

Chủ đề 6: Global warming

Chủ đề này tập trung hướng dẫn dạy học 2 nội dung: Reading & Speaking trong thời gian 2 tiết.

TIẾT THỨ 1. READING



Unit 4
Global Warming

LESSON 2

Can you ...?

- talk about solutions to global warming
- use gerund phrases as subjects and objects

Let's Talk! In pairs: How does the activity in the picture help the environment? What things do you do that help the environment?

A

New Words

a. Match the underlined words with the definitions. Listen and repeat. 🎧

- | | | |
|--|---|--|
| 1. Governments should <u>prohibit</u> farmers from destroying forests to stop deforestation. | • | a. use something, usually in large amounts |
| 2. We can <u>switch</u> from oil to solar power. | • | b. energy made from living things |
| 3. Governments should increase the <u>tax</u> on gas to make it more expensive. | • | c. part of the money that we earn or spend, which goes to the government |
| 4. <u>Biofuels</u> are much cleaner than fossil fuels. | • | d. stop something by using a rule or law |
| 5. If we continue to <u>consume</u> fossil fuels, global warming will get worse. | • | e. change to something different |
| 6. Wind and solar energy are more <u>sustainable</u> than fossil fuels. | • | f. using natural products and energy that doesn't damage the environment |

b. In pairs: Talk about things that can be done to help the environment where you live.

We should prohibit motorbikes in our town center.

1. the effects of global warming 2. ways to stop global warming

The Truth about Global Warming

July 8th, 2021
By James Trần

More and more teenagers are worried about the environment.

Teen World takes a look at the biggest environmental problem facing our world.

Teens everywhere are becoming more interested in protecting our environment. The main issue today is global warming. It's caused by the increase of greenhouse gases, which keep the heat from the sun in the air. Sulfur dioxide (SO₂) is one of the most common greenhouse gases. It's mostly caused by burning fossil fuels. We **consume** fossil fuels to make energy for transportation, and to use in our homes. Deforestation is another human activity that only makes global warming worse. Trees **remove** greenhouse gases from the air, so we need to protect the forests.

What can we do? First of all, in order to reduce greenhouse gases, we should shut down coal and oil power plants. We should switch to more sustainable kinds of energy, such as wind and solar power, even if they cost more. Instead of gas, we could switch to using biofuels, which are made from plants and other living things. Secondly, we should prohibit cars and motorbikes from downtown areas and increase the tax on gas to make it more expensive to use them. Using more electric vehicles, especially electric buses, is another good idea.

Protecting our forests and planting more trees are both very important. It's hard to stop farmers from cutting down trees, so governments have to make strong laws to protect forests.

There are many things we can do at home to help. We can all help save energy at home by turning off the lights and also switching to energy-saving devices.

These are the solutions we can use to stop global warming. We can still save our planet if people act now.



b. Now, read and answer the questions.

According to the article, ...

1. what creates sulfur dioxide?
2. the word consume in paragraph 1 is closest in meaning to _____.
3. what could we replace gas with?
4. what should we stop using in the busy parts of towns?
5. how can people save energy at home?

a. eat b. use c. destroy

c. Listen and read. 

d. In pairs: Do you remember to switch off the lights? How else do you save electricity?



(Source: Tiếng Anh 11, I-Learn Smart World, tr. 40-41)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhớ và sử dụng các từ và cụm từ liên quan đến chủ đề “Global warming”.

2. Năng lực

- Đọc bài để hiểu ý chính và các chi tiết trong bài đọc liên quan đến chủ đề tình trạng nóng lên toàn cầu.
- Nói/viết liên quan đến chủ đề bảo vệ môi trường áp dụng từ vựng được học trong bài.

3. Phẩm chất

- Nâng cao nhận thức và có trách nhiệm góp phần giải quyết vấn đề nóng lên toàn cầu.
- Hợp tác và giúp đỡ nhau trong các hoạt động học tập.
- Chăm chỉ, tích cực hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng.
- Tài liệu dạy học: Sách giáo khoa (Tiếng Anh 11, I-Learn Smart World, tr. 40-41), sách bài tập, Kế hoạch dạy học.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo bầu không khí thoải mái trước khi vào nội dung chính của bài.
- Tạo hứng thú và quan tâm của HV về chủ đề nóng lên toàn cầu.
- Kết nối kiến thức đã có của HV và kiến thức mới của bài.

b. Nội dung

- Miêu tả tranh và phán đoán.

c. Sản phẩm

- HV trở nên hứng thú với bài học hơn và tự tin tham gia các hoạt động của bài học.

d. Tổ chức thực hiện

- Yêu cầu HV quan sát bức ảnh trong bài và trả lời các câu hỏi: What are the people in the picture doing? How does this activity help the environment? Have you ever planted a tree?



- Theo nhóm, HV trao đổi những việc thường làm có tác dụng tốt cho môi trường? (What things do you do that help the environment?). Mời 1 vài đại diện trình bày nội dung thảo luận của nhóm.

- Giới thiệu bài học mới.

2. Hoạt động 2: Trước khi đọc

a. Mục tiêu

- HV nhớ được từ vựng liên quan đến chủ đề môi trường và áp dụng vào bài đọc hiểu.

b. Nội dung

- Nói từ và định nghĩa.
- Nói về các biện pháp bảo vệ môi trường nơi mình sinh sống.

c. Sản phẩm

- HV có thể đoán nghĩa và nhớ một số từ và cụm từ liên quan đến chủ đề sự nóng lên toàn cầu trước khi bước vào nội dung đọc hiểu.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1. Ghép từ và định nghĩa

- GV đọc to các từ in đậm để HV nghe và nhắc lại.
- Sử dụng các kỹ thuật dạy từ mới để giúp HV khám phá nghĩa của từ mới (dùng văn cảnh, định nghĩa, tranh ảnh, ví dụ, dịch, từ đồng nghĩa/trái nghĩa,...).

Từ mới: to prohibit (v), to switch (v), biofuel (n), to consume (v), tax (n), sustainable (adj)

- Theo cá nhân, HV làm hoạt động nối từ và định nghĩa, so sánh câu trả lời với bạn.
- Chốt câu trả lời đúng.

Đáp án gợi ý:

1. d 2. e 3. c 4. b 5. a 6. f

Nhiệm vụ 2. Nói về các biện pháp bảo vệ môi trường nơi mình sinh sống

- GV yêu cầu HV đọc câu ví dụ, gạch chân cấu trúc. Sau đó, hướng dẫn HV làm việc theo nhóm 4-5 người, nói về những việc nên làm để bảo vệ môi trường nơi mình sinh sống, khuyến khích sử dụng cấu trúc should và những từ vừa học.
- GV đi quanh lớp quan sát và hỗ trợ HV.

3. Hoạt động 3: Trong khi đọc

a. Mục tiêu: HV đọc hiểu ý chính và các chi tiết của bài đọc: The truth about global warming.

b. Nội dung

- Đọc văn bản và chọn ý chính.
- Đọc lại văn bản và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm

- HV hiểu nội dung của bài đọc và hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ học tập.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 4. Đọc văn bản và chọn ý chính

- GV hướng dẫn HV kỹ thuật skimming: Yêu cầu HV quan sát hình ảnh minh họa, đọc lướt tiêu đề, dòng in đậm dưới tiêu đề, câu đầu mỗi đoạn để nắm được ý chính của bài đọc.

- GV yêu cầu HV xác định ý chính của bài và chốt đáp án.

- GV hướng dẫn HV kỹ thuật scanning: gạch chân các từ chính trong câu hỏi, đọc lướt bài đọc đến từ khi tìm thấy các từ chính thì dừng lại đọc kỹ và quyết định câu trả lời.

Đáp án gợi ý:

2. ways to stop global warming

Nhiệm vụ 5. Đọc lại văn bản và trả lời câu hỏi

- Theo cá nhân, HV làm nhiệm vụ 2.
- GV yêu cầu một số HV báo cáo kết quả làm bài tập, các HV khác nghe và nhận xét.
- GV chốt câu trả lời đúng.

Đáp án gợi ý:

1. b 2. d 3. e 4. a 5. c

- Bật thu âm của bài đọc để HV nghe và đọc theo.

4. Hoạt động 4: Sau khi đọc

a. Mục tiêu

- HV thực hành kỹ năng nói sử dụng từ vựng trong bài và dựa vào nội dung của bài đọc
- Luyện tập kỹ năng làm việc nhóm;
- Cung cấp cho HV cơ hội thực hành sử dụng ngôn ngữ.

- HV biết cách dùng cấu trúc: remember + to infinitive

b. Nội dung

- Thảo luận theo cặp: Do you remember to switch off the lights? How else do you save electricity?

c. Sản phẩm

- HV có thể sử dụng ngôn ngữ và ý tưởng từ bài học để phản ánh thảo luận về chủ đề liên quan.

d. Tổ chức thực hiện

- Chia lớp theo nhóm 4-5 HV, yêu cầu mỗi nhóm thảo luận dựa trên câu hỏi: Do you remember to switch off the lights? How else do you save electricity? Design a poster on how to save electricity at home and at school?

- Đặt thời gian 5 phút để các nhóm thảo luận. GV đi quanh lớp quan sát và hỗ trợ (nếu cần thiết).

- Nếu có thời gian, yêu cầu các nhóm thiết kế poster, trưng bày lên bảng và cả lớp bình chọn poster đẹp nhất. Nếu không có thời gian, giao nhiệm vụ này về nhà và các nhóm trưng bày sản phẩm vào tiết học sau.

- Đưa ra nhận xét cho cả lớp, điều làm tốt và điều cần cải thiện qua hoạt động thảo luận vừa rồi.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV nói về những gì họ đã học trong bài học.

b. Bài tập về nhà

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.
- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo - Kỹ năng Nói.

TIẾT THỨ 2. SPEAKING

Pronunciation



a. Focus on the /lɪz/ sound.

c. Listen and circle the words you hear.

- | | |
|-------------|----------|
| 1. fossil | fossils |
| 2. recycles | recycled |
| 3. spends | spells |

b. Listen to the words and focus on the underlined letters.

fuels, bicycles

d. Take turns saying the words in *Task c* while your partner points to them.

Practice

a. Practice the conversation. Swap roles and repeat.

Tom: What's the best way to stop global warming?

Liz: Hmm. I'm not sure. Is switching to solar power a good idea?

Tom: I think it would be too expensive.

Liz: OK. Would prohibiting cars in city centers be a better solution?

Tom: I think so. It will reduce CO₂ emissions.

Liz: Maybe you're right. I think using clean public transportation might be a good solution.

Tom: I'm not so sure. Switching to electric buses will be very expensive.

- asking people to save electricity
- using wind power
- difficult to do
- too unreliable
- increasing tax on fuel
- increasing the price of cars and motorbikes
- I don't think so. It will make people angry
- I don't think so. It won't stop people from buying them
- using electric cars
- riding bicycles to work
- They're too expensive to buy for some people
- Riding bicycles is dangerous in some cities

b. Make two more conversations using the ideas on the right.

Speaking GLOBAL WARMING SOLUTIONS

a. You're a scientist discussing ways that your government can fight global warming. Complete the table with ideas from the reading or your own ideas. In pairs: Discuss and agree on two solutions which you think are the most effective.

Prohibiting deforestation will reduce greenhouse gases. What do you think?

I think it will be difficult to stop farmers from cutting trees.

Solutions	Advantages	Disadvantages
prohibiting deforestation	_____	difficult to stop farmers from cutting trees
switching to wind/solar power	no CO ₂ emissions, sustainable	_____
investing in sustainable public transportation	_____	expensive to switch to new public transportation
prohibiting cars and motorbikes	less CO ₂ emissions, cleaner air	_____
increasing tax on fuel	_____	People won't be happy.

b. Join another pair and compare your choices. Did you choose the same solutions? Why (not)?



(Source: Tiếng Anh 11, I-Learn Smart World, tr. 42-43)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhớ và sử dụng được các từ/ cụm từ đã học về chủ đề môi trường và sự nóng lên toàn cầu.

- Nhớ cấu trúc đưa ra quan điểm cá nhân.

2. Năng lực

- Nói/viết liên quan đến chủ đề bảo vệ môi trường áp dụng từ vựng được học trong bài.

- Thảo luận theo nhóm để tìm ra giải pháp cho vấn đề nóng lên toàn cầu.

3. Phẩm chất

- Nâng cao nhận thức và có trách nhiệm góp phần giải quyết vấn đề nóng lên toàn cầu.

- Hợp tác và giúp đỡ nhau trong các hoạt động học tập.

- Chăm chỉ, tích cực hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng.

- Tài liệu dạy học: Sách giáo khoa (Tiếng Anh 11, I-Learn Smart World, tr..43), sách bài tập, Kế hoạch dạy học.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo bầu không khí thoải mái trước khi vào nội dung chính của bài.

- Ôn lại từ vựng đã học ở tiết trước về chủ đề nóng lên toàn cầu.

b. Nội dung: Trò chơi Board racing

c. Sản phẩm: HV trở nên hứng thú với bài học hơn và tự tin tham gia các hoạt động của bài học

d. Tổ chức thực hiện

***Trò chơi Board racing**

- Chia lớp thành các nhóm 4-5 HV, trong vòng 2 phút cả nhóm ghi lại các từ vựng đã học từ buổi trước về chủ đề nóng lên toàn cầu, không được mở sách, vở.

- Đặt thời gian 3 phút, lần lượt thành viên các nhóm đi nhanh lên bảng, ghi lại từ vựng đã học từ buổi trước về chủ đề nóng lên toàn cầu. Sau 3 phút, đội nào ghi được nhiều từ nhất và đúng nhất là đội thắng cuộc.

- Giới thiệu bài học mới.

2. Hoạt động 2: Trước khi nói

a. Mục tiêu

- HV phát âm đúng âm /lʒ/ ở cuối các danh từ số nhiều.
- Chuẩn bị cho HV về từ vựng và ý tưởng trước khi bắt đầu hoạt động nói.

b. Nội dung

- Dạy phát âm: âm /lʒ/
- HV đóng vai đoạn hội thoại về chủ đề: giải pháp cho vấn đề nóng lên toàn cầu.

c. Sản phẩm: HV phát âm đúng âm /lʒ/ trong từ và trong đoạn hội thoại.

d. Tổ chức thực hiện

Dạy phát âm

- HV nghe và nhắc lại các từ, chú ý đến các chữ cái được gạch chân.
- HV nghe và khoanh tròn các từ có âm /lʒ/, gạch chân các chữ cái được phát âm /lʒ/. Chốt câu trả lời đúng.
- Theo cặp, HV đọc to các từ để luyện tập phát âm.
- GV mời 1-2 cặp đọc đoạn hội thoại mẫu, sửa phát âm (nếu cần thiết).
- Theo cặp, HV luyện bài hội thoại mẫu, đổi vai.
- GV hướng dẫn HV thay các cụm từ ở bên phải vào đoạn hội thoại để tạo thành 2 đoạn hội thoại mới.
- Theo cặp, HV luyện tập các đoạn hội thoại.
- Nếu có thời gian, mời 1-2 cặp HV lên thực hiện hội thoại trước lớp, các HV khác nghe và nhận xét.

3. Hoạt động 3: Trong khi nói

a. Mục tiêu

- HV nói về giải pháp cho vấn đề nóng lên toàn cầu áp dụng từ vựng, ngữ pháp, phát âm và ý tưởng từ bài đã học.
- HV phát triển kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng thuyết trình.

b. Nội dung: Thảo luận về giải pháp cho vấn đề nóng lên toàn cầu.

c. Sản phẩm: HV có thể vận dụng được ý tưởng, từ vựng và cấu trúc vừa học vào phần thảo luận

d. Tổ chức thực hiện

- GV mời 2 HV đọc câu hội thoại mẫu, hướng dẫn HV đặt câu hỏi và đưa ra câu trả lời theo mẫu. Khuyến khích đưa thêm phần giải thích hoặc ví dụ nếu HV khá, giỏi.
- Theo cặp hoặc theo nhóm, yêu cầu HV thực hành hội thoại trong 5 phút, ghi lại thông tin vào bảng, thảo luận và kết luận về 2 giải pháp hiệu quả nhất.

- Sau 5 phút, kết hợp 3-4 cặp thành một nhóm lớn, hoặc HV di chuyển để tham gia vào các nhóm khác. HV lần lượt thuyết trình nội dung đã thảo luận, ghi chép lại những ý kiến khác với ý kiến của mình.

- Nếu có thời gian, yêu cầu một vài HV xung phong lên bảng thuyết trình.

- Đưa ra nhận xét cho cả lớp, điều làm tốt và điều cần cải thiện qua hoạt động thảo luận vừa rồi.

4. Hoạt động 4: Sau khi nói

a. Mục tiêu: HV viết về giải pháp cho vấn đề nóng lên toàn cầu áp dụng từ vựng, ngữ pháp, phát âm và ý tưởng từ bài đã học.

b. Nội dung: HV viết về chủ đề giải pháp cho vấn đề nóng lên toàn cầu

c. Sản phẩm: HV viết thư cho bạn về chủ đề của bài

d. Tổ chức thực hiện

- Đưa ra tình huống: Viết thư cho bạn để gợi ý các cách giải quyết vấn đề nóng lên toàn cầu.

- Hướng dẫn HV về cách viết thư (cấu trúc thư, ngôn ngữ), nhắc HV áp dụng nội dung phần thảo luận, từ và cấu trúc trong bài.

- Nếu không có thời gian có thể giao nhiệm vụ này về nhà.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV nói về những gì họ đã học trong bài học.

b. Bài tập về nhà

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.

- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo - Kỹ năng Nghe và đọc.

Chủ đề 7: Preserving our heritage

Chủ đề này tập trung hướng dẫn dạy học 2 nội dung: Listening và Writing trong thời gian 2 tiết.

TIẾT THỨ 1. LISTENING

V LISTENING


A trip to Trang An Scenic Landscape Complex

1 Work in pairs. Ask and answer the questions.

What do you know about Trang An? Have you been there? If yes, what did you see or do there?

2  Listen to a talk. What is the talk mainly about?

- A. The tour guide is explaining why Trang An is a mixed World Heritage Site.
- B. The tour guide is talking about the ecosystem of Trang An and efforts to preserve it.
- C. The tour guide is introducing the site's natural beauty.

3  Listen to the talk again and complete each gap in the notes with no more than THREE words and/or a number.

TRANG AN SCENIC LANDSCAPE COMPLEX

Quick facts

- Recognised as the first mixed World Heritage Site in (1) _____
- Famous for its beautiful landscape and long cultural history
- Consists of (2) _____

Natural beauty and biodiversity

- Beautiful limestone mountains, valleys, and rivers
- More than (3) _____ of plants and 200 types of animals

Cultural heritage

- Caves showing how (4) _____ lived over a period of 30,000 years
- Hundreds of temples and historic pagodas

Current condition

- The landscape is not changed or damaged by human activities.
- Most of the site is still kept in its (5) _____, e.g. the original style of architecture.

4 Work in pairs. Make some predictions about what the tour guide will say next.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhớ và sử dụng từ vựng về chủ đề di sản xuất hiện trong bài.

2. Năng lực

- Nghe để hiểu ý chính và chi tiết của một bài nói chuyện về Di sản Tràng An.
- Nói về kế hoạch đến thăm di sản Tràng An áp dụng từ vựng, ngữ pháp và ý tưởng trong bài.

3. Phẩm chất

- Tự hào về đất nước và có trách nhiệm bảo vệ các di sản.
- Hợp tác và giúp đỡ nhau trong các hoạt động học tập.
- Chăm chỉ, tích cực hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng.
- Tài liệu dạy học: Kế hoạch dạy học, sách giáo khoa (Tiếng Anh 11, Global Success, tr. 71), sách bài tập.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo bầu không khí thoải mái trước khi vào nội dung chính của bài.
- Kết nối kiến thức đã có của HV về chủ đề Di sản Tràng An và kiến thức mới chuẩn bị dạy trong bài.
- Dẫn dắt vào bài mới.

b. Nội dung: Xem video hoặc tranh ảnh

c. Sản phẩm

- HV trở nên hứng thú với bài học hơn và tự tin tham gia các hoạt động của bài học.
- HV nhớ lại kiến thức và từ vựng liên quan đến chủ đề đã được học trong các tiết học trước.

d. Tổ chức thực hiện

- Trình chiếu tranh ảnh về các di sản thế giới ở Việt Nam và yêu cầu HV kể tên các di sản. Hoặc trình chiếu một số tranh ảnh hoặc video clip về di sản Tràng An, yêu cầu HV đoán đây là địa danh nào.
- Giới thiệu bài học mới.

2. Hoạt động 2: Trước khi nghe

a. Mục tiêu: HV chuẩn bị sẵn sàng trước khi bắt đầu nghe

b. Nội dung: Thảo luận theo cặp dựa vào các câu hỏi trong bài

c. Sản phẩm: HV có sự chuẩn bị về ngôn ngữ và nội dung cho bài nghe

d. Tổ chức thực hiện

- **Nhiệm vụ 1. Theo cặp hoặc nhóm, HV thảo luận dựa trên các câu hỏi gợi ý** (What do you know about Trang An? Have you ever been there? If yes, what did you see and do there?)

- GV quan sát và trợ giúp (nếu cần thiết) sau đó chốt câu trả lời cho các câu hỏi.

- Sử dụng các kỹ thuật khác nhau để dạy trước một số từ vựng trong bài nghe: (dùng văn cảnh, định nghĩa, tranh ảnh, ví dụ, dịch, từ đồng nghĩa/trái nghĩa,...)

- Kiểm tra việc học từ vựng bằng cách yêu cầu HV đọc to từ được miêu tả hoặc nói nghĩa của các từ vừa học.

Gợi ý:

- Trang An Scenic Landscape Complex in Ninh Binh Province in Northern Viet Nam is called a “Ha Long Bay on land” with numerous caves, mountains, valleys, trees and historic relics. - It covers an area of 10,000ha in Hoa Lu, Gia Vien and Nho Quan districts and Ninh Binh City.

Từ vựng:

limestone, valley, ecosystem, interact, original, landscape, biodiversity, architecture.

3. Hoạt động 3: Trong khi nghe

a. Mục tiêu

- HV nghe và hiểu ý chính và các chi tiết trong bài nói về Di sản Tràng An.

- HV có thêm thông tin về Di sản Tràng An.

b. Nội dung

- Nghe và chọn câu diễn tả ý chính của bài nghe.

- Nghe và hoàn thành bảng tóm tắt thông tin.

c. Sản phẩm

- HV có thể nghe và hiểu được ý chính cũng như các thông tin chi tiết trong bài và hoàn thành nhiệm vụ.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 2. Nghe và chọn câu diễn tả ý chính của bài nghe

- GV giới thiệu: HV chuẩn bị nghe một bài giới thiệu về Di sản Tràng An của một hướng dẫn viên du lịch.

- HV nghe lần 1 để hiểu ý chính của cả đoạn và chọn câu trả lời A, B hoặc C.

- Mời một vài HV đưa ý kiến và chốt câu trả lời đúng.

Đáp án:

B. The tour guide is talking about the ecosystem of Trang An and efforts to preserve it.

Nhiệm vụ 3. Nghe và hoàn thành bảng tóm tắt thông tin

- Yêu cầu HV đọc kỹ yêu cầu của hoạt động 3 và phần điền từ. Hỏi mỗi chỗ trống được điền bao nhiêu từ? Từ loại cần điền ở mỗi chỗ trống là gì?

- HV nghe lần 2 và điền vào chỗ trống.

- HV so sánh câu trả lời với các bạn trong nhóm.

- Mời một số HV đưa ra câu trả lời. Cho HV nghe loại đoạn thu âm có nội dung của câu trả lời để kiểm tra lại và chốt câu trả lời đúng.

Đáp án gợi ý:

1. 2014

2. three protected areas

3. 600 types

4. early humans

5. natural state

4. Hoạt động 4: Sau khi nghe

a. Mục tiêu

- HV nói về Di sản Tràng An, áp dụng từ vựng, ngữ pháp, phát âm và thông tin từ bài nghe .

- HV phát triển kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng thuyết trình.

b. Nội dung

- Nhiệm vụ: Thảo luận nhóm về chuyến đi thăm Tràng An.

c. Sản phẩm

- HV có thể sử dụng ngôn ngữ và ý tưởng từ bài học thảo luận theo yêu cầu.

d. Tổ chức thực hiện

- Giới thiệu tình huống: Your class is planning a visit to Trang An. You are discussing when to go, how to go, what to bring, what to do there. (Lớp muốn đi thăm quan Tràng An và thảo luận để lên kế hoạch: đi lúc nào, đi bằng phương tiện gì, mang gì theo, các hoạt động của chuyến đi...).

- Theo nhóm, HV thảo luận theo các câu hỏi gợi ý của GV trong 5-10 phút.
- Di chuyển quanh lớp để quan sát và hỗ trợ.
- Nếu có thời gian, yêu cầu một vài HV xung phong trình bày về kế hoạch của nhóm.
- Đưa ra nhận xét cho cả lớp, điều làm tốt và điều cần cải thiện qua hoạt động thảo luận vừa rồi.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV tóm tắt lại những kiến thức vừa học.

b. Bài tập về nhà

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.
- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo - Kỹ năng Viết.

TIẾT THỨ 2. WRITING

VI WRITING

A leaflet about ways to preserve Trang An Scenic Landscape Complex

1 Work in pairs. Put the problems that Trang An Scenic Landscape Complex may face and the possible solutions in the correct blanks.

- A. educating young people about the importance of heritage
- B. damaging the ecosystem
- C. loss of cultural values
- D. organising eco-tours to natural heritage sites

NATURAL HERITAGE

Problems: Negative effects of mass tourism

- polluting the rivers and valleys
- (1) _____

Solutions:

- (2) _____
- creating a sustainable habitat suitable for local wildlife

CULTURAL HERITAGE

Problems: Young people's lack of knowledge about the cultural heritage

- not able to appreciate traditions
- (3) _____

Solutions:

- (4) _____
- promoting heritage values on social media

2 Write a leaflet about the problems that Trang An may face and the possible solutions to them. Use the ideas in 1 and the outline below to help you.

**Preserve our heritage -
Preserve Trang An
Scenic Landscape Complex**

Trang An (Ninh Binh Province) was the first site in Viet Nam to be recognised by UNESCO as a mixed World Heritage Site in 2014. It is famous for _____

Preserving nature

- Trang An may be affected by mass tourism. This kind of tourism can cause/lead to/result in _____
- To preserve Trang An, it is necessary to _____/it is recommended that _____/we should _____

Preserving culture

- Another problem might be young people's lack of knowledge about our cultural heritage. As a result,/As a consequence, _____
- This problem can be solved if _____/To deal with this problem, we should _____

LET'S PRESERVE AND BE PROUD OF OUR HERITAGE!

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhớ và sử dụng từ vựng và cấu trúc về chủ đề di sản được học trong bài.
- Hiểu về nội dung và mục đích của tờ quảng cáo/ thông tin.

2. Năng lực

- Viết về các vấn đề Di sản Tràng An có thể gặp phải và nêu giải pháp.
- Nói về kế hoạch đến thăm di sản Tràng An áp dụng từ vựng, ngữ pháp và ý tưởng trong bài và trình bày dạng leaflet (tờ thông tin).

3. Phẩm chất

- Tự hào về đất nước và có trách nhiệm bảo vệ các di sản.
- Hợp tác và giúp đỡ nhau trong các hoạt động học tập.
- Chăm chỉ, tích cực hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng.
- Tài liệu dạy học: Sách giáo khoa (Tiếng Anh 11, Global Success, tr. 72), sách bài tập, kế hoạch dạy học.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo bầu không khí thoải mái trước khi vào nội dung chính của bài .
- Ôn lại từ vựng đã học ở tiết trước về Di sản Tràng An.
- Giới thiệu về leaflet.

b. Nội dung: Trò chơi ô chữ hoặc sắp xếp chữ cái thành từ

c. Sản phẩm: HV trở nên hứng thú với bài học hơn và nắm được chủ đề của bài học

d. Tổ chức thực hiện

- Thiết kế trò chơi ô chữ crosswords hoặc jumbled letters để HV ôn tập từ đã học.
- Mang một số leaflet hoặc trình chiếu hình minh họa leaflet và hỏi HV: What is it? What is it for?
- Giới thiệu bài học mới.

2. Hoạt động 2: Trước khi viết

a. Mục tiêu

- Chuẩn bị ý tưởng để thiết kế leaflet.
- Dạy trước từ vựng và cấu trúc để viết nội dung leaflet.

b. Nội dung: Làm việc theo cặp và điền các cụm từ chỉ vấn đề mà khu danh thắng Tràng An có thể gặp phải và giải pháp vào đúng cột.

c. Sản phẩm: HV có thông tin để chuẩn bị cho hoạt động viết

d. Tổ chức thực hiện

- Sử dụng các kỹ thuật khác nhau để dạy trước một số từ vựng quan trọng (định nghĩa, ví dụ, tranh ảnh, dịch ...).

- Hoạt động 1 (tr.72), theo cặp, HV thảo luận và hoàn thành hoạt động.

- Mời một số HV báo cáo kết quả và chốt câu trả lời. Có thể yêu cầu HV đưa thêm vấn đề và giải pháp.

Từ mới: damage, loss, mass tourism, appreciate, social media, preserve

3. Hoạt động 3: Trong khi viết

a. Mục tiêu: HV thiết kế leaflet trên đó viết về các vấn đề Di sản Tràng An có thể gặp phải và đề xuất giải pháp.

b. Nội dung: Viết về vấn đề mà Tràng An có thể gặp phải và đề xuất giải pháp.

c. Sản phẩm: Leaflet về vấn đề và giải pháp liên quan đến di sản Tràng An

d. Tổ chức thực hiện

- Trình chiếu hình ảnh leaflet hoặc yêu cầu HV nhìn vào hình ảnh trong sách, hỏi HV về cấu trúc của một leaflet: Gồm mấy phần, nội dung của từng phần là gì?

- Nêu các yêu cầu về nội dung và hình thức của leaflet, cũng là các tiêu chí để đánh giá sản phẩm cuối cùng.

- Đặt thời gian khoảng 10 phút: theo cặp hoặc nhóm nhỏ 3-4 HV, HV sử dụng giấy trắng, gấp lại và thiết kế hình thức và viết nội dung của của leaflet.

- Di chuyển quanh lớp và hỗ trợ.

Phiếu đánh giá

Does your partner's work use the given structure?	
Does your partner's work have any creative ideas?	
Does your partner's work use suitable vocabulary related to the topic?	

4. Hoạt động 4: Sau khi viết

a. Mục tiêu

- HV nhận xét các sản phẩm của nhóm khác và bình chọn sản phẩm đẹp nhất.

- HV phát triển kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng thuyết trình.

b. Nội dung: Chấm điểm sản phẩm và bình chọn

c. Sản phẩm: Bình chọn được sản phẩm đẹp nhất

d. Tổ chức thực hiện

- HV trao đổi sản phẩm của các nhóm với nhau, nhận xét, chữa lỗi sai (nếu có).
- Các nhóm chỉnh sửa sản phẩm theo nhận xét và góp ý của nhóm bạn.
- Các nhóm trưng bày sản phẩm lên bảng, bình chọn sản phẩm đẹp nhất và hay nhất theo tiêu chí đánh giá .
- Đưa ra nhận xét cho cả lớp, điều làm tốt và điều cần cải thiện qua hoạt động viết của HV.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV nói/viết một đoạn văn về một di tích lịch sử.

b. Bài tập về nhà

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.
- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo - CLIL.

Chủ đề 8: The ecosystem


Chủ đề này tập trung hướng dẫn dạy học 2 nội dung: Communication and culture/CLIL và Project trong thời gian 2 tiết.

TIẾT THỨ 1. COMMUNICATION AND CULTURE/CLIL

VII COMMUNICATION AND CULTURE / CLIL

Everyday English

Expressing likes and dislikes

- 1  Listen and complete the conversation with the expressions in the box. Then practise it in pairs.

A. I can't stand B. I really love C. I'm not a fan

Alice: There're so many activities for visitors in this park. Do you fancy going on an elephant ride, Mai?

Mai: No, thanks. (1) _____ of elephant rides.

Alice: Don't you like elephants? They are very gentle creatures.

Mai: That's why we shouldn't ride on them. (2) _____ animal cruelty.

Alice: Yes, you're right. Perhaps we should learn more about the birds in the park.

Mai: Good idea! (3) _____ bird-watching.



- 2 Work in pairs. Use the model in 1 to make similar conversations for these situations. One of you is Student A, the other is Student B. Use the expressions below to help you.

1. Student A is talking about the activities he/she does on field trips to national parks. Student B expresses likes/dislikes about these activities.
2. Student A and Student B are planning an eco-friendly class party. They talk about the things and activities they like or dislike at a party.

Useful expressions	
Expressing likes	Expressing dislikes
<ul style="list-style-type: none">• I love/adore ...• I'm really into ...• I'm a (big) fan of ...• I'm keen on ...• I'm into ...	<ul style="list-style-type: none">• I hate/don't like ...• I can't bear/stand ...• I'm not really into ...• ... is not my favourite.

CLIL

1 Read the text and tick (✓) the correct project in the table.

PROTECTING ECOSYSTEMS - IDEAS FROM AROUND THE WORLD

The healthier our ecosystems are, the healthier our planet and its people become. Ecosystem restoration can help end poverty, fight climate change, and prevent loss of flora and fauna on every continent and in every ocean. Below are two examples of successful ecological projects.

The Great Green Wall

The goal of this project is to create the largest living structure on the planet. The plan is to restore 100 million hectares of damaged land, limit the amount of carbon dioxide and create 10 million green jobs in Africa. This will provide rich land, food security, and improve the region’s ability to deal with climate change. Since its launch in 2007, Ethiopia and Nigeria have restored millions of hectares of land, and Senegal has planted more than 10 million trees.



Belize Barrier Reef

The Belize Barrier Reef was once described as the most amazing reef in the West Indies. It is home to a large diversity of plants and animals. It is Belize’s top tourist destination, popular for scuba diving and snorkelling, and a UNESCO Natural World Heritage Site. Between 2009 and 2018, it was declared endangered because of pollution and the destruction of its ecosystems. However, because of conservation efforts, a large part of the reef is now protected. There are seven marine reserves. Belize has also stopped oil drilling near the Barrier Reef, banned plastic products, and created ‘no-take zones’, where removing plants and animals is not allowed.

	The Great Green Wall	Belize Barrier Reef
1. It is a marine ecosystem of rich biodiversity.		
2. Its aim is to build the world’s biggest living structure.		
3. Millions of trees have been planted in several African countries.		
4. The government has taken measures to restore and protect the ecosystem.		

2 Work in groups. Discuss the following questions.

Are there similar projects in Viet Nam? Do you think the ideas in 1 can be applied in Viet Nam?

(Nguồn: Tiếng Anh 11, Global Success, Sách học sinh tr. 116-117)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhớ và sử dụng cấu trúc và từ vựng diễn tả điều mình thích và không thích.
- Nhớ và sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề giải pháp bảo vệ môi trường.

2. Năng lực

- Nói về điều mình thích và không thích.
- Đọc hiểu bài đọc về các biện pháp bảo vệ hệ sinh thái trên thế giới.

3. Phẩm chất

- Có trách nhiệm bảo vệ môi trường và hệ sinh thái.
- Hợp tác và giúp đỡ nhau trong các hoạt động học tập.
- Chăm chỉ, tích cực hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng.
- Tài liệu dạy học: Sách giáo khoa (Tiếng Anh 11, Global Success, p. 116, 117), sách bài tập, kế hoạch dạy học.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo bầu không khí thoải mái trước khi vào nội dung chính của bài.
- Kết nối kiến thức đã có của HV về hệ sinh thái và kiến thức mới trong bài.
- Dẫn dắt vào bài mới.

b. Nội dung: Trò chơi: Truyền bóng

c. Sản phẩm

- HV trở nên hứng thú với bài học hơn và tự tin tham gia các hoạt động của bài học.
- HV nhớ lại kiến thức và từ vựng liên quan đến chủ đề đã được học trong các tiết học trước.

d. Tổ chức thực hiện

- GV đưa một quả bóng cho HV, bật một bài nhạc, khi nhạc dừng lại, bóng ở vị trí của HV nào thì HV đó phải nói một từ vựng liên quan đến chủ đề và giải thích nghĩa của từ đó.
- Giới thiệu bài học mới.

2. Hoạt động 2: Tiếng Anh giao tiếp hàng ngày

a. Mục tiêu: HV có thể diễn đạt điều thích và không thích trong giao tiếp

b. Nội dung

- Nghe và hoàn thành hội thoại.
- Tạo hội thoại với bạn theo yêu cầu và dựa vào hội thoại ở nhiệm vụ 1.

c. Sản phẩm: HV tạo hội thoại với bạn theo yêu cầu

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1. Nghe và hoàn thành hội thoại

- Yêu cầu HV đọc lướt đoạn hội thoại và trả lời câu hỏi: What are Mai and Alice talking about?
- Giải thích nghĩa của 3 câu trong ô, sau đó bật thu âm, HV nghe và hoàn thành hội thoại.
- Mời 2 HV đọc to đoạn hội thoại; nhận xét và chốt câu trả lời đúng.
- Yêu cầu HV gạch chân các cụm từ diễn đạt điều thích và không thích trong đoạn hội thoại (Do you fancy...; Don't you like...; I really love; I can't stand; I'm not a fan of...).
- GV khơi gợi để HV rút ra cấu trúc danh từ/V-ing đứng sau các cách diễn đạt thích và không thích này.
- Trình chiếu các cách diễn đạt thích/ không thích để lẫn lộn, yêu cầu HV sắp xếp vào cột thích/không thích, so sánh với phần *Useful expressions* (tr.117) để kiểm tra.

Đáp án gợi ý:

1. C 2. A 3. B

Nhiệm vụ 2. Tạo hội thoại với bạn theo yêu cầu và dựa vào hội thoại ở nhiệm vụ 1

- Yêu cầu HV sử dụng những hoạt động đã nghĩ từ giai đoạn khởi động, theo cặp, đóng vai và thực hành đoạn hội thoại có sử dụng các cụm từ vừa học.
- Làm mẫu cùng 1 HV khá/ giỏi trong lớp, hoặc mời 2 HV khá/giỏi làm mẫu và hỗ trợ, giúp các HV khác hiểu rõ cách thực hành.
- Di chuyển quanh lớp để quan sát và hỗ trợ.
- Nếu có thời gian, mời 1 vài cặp lên đóng vai và thực hành hội thoại trước lớp, các HV khác nghe và nhận xét.
- Nhận xét chung với cả lớp về điều làm tốt và điều cần rút kinh nghiệm (nếu có)

Gợi ý:

Situation 1.

A: On our field trip to the national park next week, we should collect some insects

for our biology lessons. We should bring some jars to put them in.

B: I'm a big fan of insects. Putting them in jars will kill them. And I don't think we should do that. Insects play an important role in the ecosystem. Why don't we just observe them and take photos of them?

A: Great idea. I love it!

Situation 2.

A: Shall we use paper plates and cups for our class party this Saturday?

B: Yes, I like your idea. They're better for the environment than plastic ones. I'm keen on using eco-friendly products.

A: Then let's ask our classmates to bring their chopsticks or forks.

B: I love your suggestion.

3. Hoạt động 3: CLIL

a. Mục tiêu: HV đọc hiểu bài đọc nói về các cách bảo vệ hệ sinh thái trên toàn thế giới.

b. Nội dung

- Đọc và chọn dự án
- Thảo luận theo nhóm dựa vào câu hỏi trong bài

c. Sản phẩm: HV hiểu bài đọc và thảo luận theo câu hỏi cho sẵn trong bài

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 3. Đọc và chọn dự án

- Dạy trước các từ vựng quan trọng trong bài sử dụng đa dạng các kỹ thuật dạy từ mới giúp HV khám phá nghĩa của các cụm từ (tranh ảnh, định nghĩa, ví dụ, dịch ...)

- Kiểm tra việc học từ vựng của HV bằng hoạt động ghép tranh ảnh/ định nghĩa với từ.

- Yêu cầu HV đọc tiêu đề chính, tiêu đề phụ của bài đọc và đoán bài đọc nói về chủ đề gì.

Theo cá nhân, HV đọc và hoàn thành bảng

- HV so sánh câu trả lời với các bạn trong nhóm.
- Mời một số HV đưa ra câu trả lời và chốt câu trả lời đúng.

Từ vựng: restoration, property, flora and fauna, food security, scuba diving, snorkling, marine reserve

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu

- HV nói về các cách bảo vệ hệ sinh thái có thể áp dụng ở Việt Nam.
- HV phát triển kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng thuyết trình.

b. Nội dung

Nhiệm vụ 4. Thảo luận theo nhóm dựa vào câu hỏi gợi ý (Are there similar projects in Viet Nam? Do you think the projects in Task 1 can be applied in Viet Nam?)

- HV có thể nghe và hiểu được ý chính cũng như các thông tin chi tiết trong bài và hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm

- HV thảo luận theo câu hỏi trong bài

d. Tổ chức thực hiện

*** Hoạt động Think – Pair – Share:**

- Theo cá nhân, yêu cầu mỗi HV trả lời hai câu hỏi ở nhiệm vụ 2: Are there similar projects in Viet Nam? Do you think the projects in Task 1 can be applied in Viet Nam?

- HV chia sẻ câu trả lời với 2-3 bạn khác.
- Di chuyển quanh lớp để quan sát và hỗ trợ.
- Mời một vài HV chia sẻ câu trả lời với cả lớp.
- Đưa ra nhận xét cho cả lớp, điều làm tốt và điều cần cải thiện qua hoạt động vừa rồi.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV tóm tắt lại những kiến thức vừa học.

b. Bài tập về nhà

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.
- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo

TIẾT THỨ 2. PROJECT

PROJECT

Restore and protect a local ecosystem

Work in groups. Make a poster to illustrate an ecosystem in your local area and suggest ideas to restore and/or protect it.

Give a group presentation. Use these questions as cues.

- What does the ecosystem include?
- What is its current condition? Is it damaged?
- What can we do to restore and/or protect it?



(Nguồn: Tiếng Anh 11, Global Success, Sách học sinh tr. 119)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhớ và sử dụng cấu trúc và từ vựng liên quan đến bài học .

2. Năng lực

- Thảo luận và thiết kế poster để kêu gọi mọi người bảo vệ môi trường nơi mình sinh sống, áp dụng ngữ pháp, từ vựng, ý tưởng từ các bài đã học.

- Thuyết trình về chủ đề bảo vệ môi trường.

3. Phẩm chất

- Có trách nhiệm bảo vệ môi trường và hệ sinh thái.
- Hợp tác và giúp đỡ nhau trong các hoạt động học tập .
- Chăm chỉ, tích cực hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng.
- Tài liệu dạy học: Sách giáo khoa (Tiếng Anh 11, Global Success, tr. 119), sách bài tập, kế hoạch dạy học .

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo bầu không khí thoải mái trước khi vào nội dung chính của bài
- Kết nối kiến thức đã có của HV về chủ đề bảo vệ môi trường với nội dung của bài mới.
- Chuẩn bị về ngôn ngữ và ý tưởng cho bài học dự án.
- Dẫn dắt vào bài mới

b. Nội dung: Xem video và ghi lại những cụm từ khóa trong video

c. Sản phẩm: HV trở nên hứng thú với bài học hơn và nắm được chủ đề của bài học

d. Tổ chức thực hiện

- Yêu cầu HV nghe và ghi chép những vấn đề về môi trường được đề cập trong bài.
- Trình chiếu bài hát Earth song: <https://www.michaeljackson.com/video/earth-song-video/>
- Tổng hợp ý kiến của của cả lớp.
- Giới thiệu bài học mới

2. Hoạt động 2: Giới thiệu và chuẩn bị dự án

a. Mục tiêu: HV được chuẩn bị về ngôn ngữ và ý tưởng cho dự án.

b. Nội dung: Thảo luận lên ý tưởng

c. Sản phẩm: Dàn ý cho dự án

d. Tổ chức thực hiện

- GV trình chiếu hình các posters và hỏi HV mục đích của poster để làm gì? poster khác gì so với bài báo?

Gợi ý: Posters có nhiều hình ảnh bắt mắt, gây ấn tượng, gây chú ý, có ít hoặc không có chữ, truyền tải nhiều thông điệp

- Chia 3-5 HV một nhóm để thực hiện dự án.
- Theo nhóm, HV thảo luận các câu trả lời cho các câu hỏi trong bài.
- Sau 3 phút, GV mời một số nhóm trình bày nội dung vừa thảo luận.
- GV tổng hợp ý kiến để các nhóm có thể tham khảo.
- GV nêu yêu cầu của dự án và các tiêu chí chấm dự án, yêu cầu HV thảo luận để bổ sung, điều chỉnh các tiêu chí và thống nhất với cả lớp.
- GV cùng các nhóm thống nhất các mốc thời gian thực hiện dự án: thời điểm chốt nội dung, thời điểm hoàn thành thiết kế, thời điểm trưng bày sản phẩm.
- GV hướng dẫn các nhóm phân chia nhiệm vụ thực hiện dự án.

3. Hoạt động 3: Thực hiện dự án

a. Mục tiêu: HV làm việc nhóm và tiến hành các nhiệm vụ được giao theo đúng tiến độ.

b. Nội dung: Thực hiện dự án

c. Sản phẩm: Sản phẩm dự án theo tiến độ và sản phẩm cuối cùng

d. Tổ chức thực hiện

- Hướng dẫn, hỗ trợ các nhóm hoàn thành các nhiệm vụ theo tiến độ.
- Cung cấp tài liệu, trả lời câu hỏi (nếu có).
- Khi đến mốc nào thì đề nghị các nhóm báo cáo tiến độ.

4. Hoạt động 4: Trưng bày và thuyết trình về sản phẩm

a. Mục tiêu

- HV thuyết trình về poster của nhóm mình.
- HV phát triển kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng thuyết trình.

b. Nội dung: Hoàn thiện sản phẩm và thuyết trình

c. Sản phẩm: Sản phẩm dự án (posters) và thuyết trình

d. Tổ chức thực hiện

*** Gallery Walk**

- Phát phiếu đánh giá cho từng HV.
- Treo posters của các nhóm quanh lớp, yêu cầu HV di chuyển đến các poster khác nhau và nghe đại diện nhóm tác giả thuyết trình, đặt câu hỏi, chấm điểm/ tick vào phiếu đánh giá.
- Cùng HV bầu chọn poster đẹp nhất và bài thuyết trình tốt nhất
- GV nhận xét từng nhóm và cả lớp, điều làm tốt và điều cần cải thiện qua bài học dự án vừa qua.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV tóm tắt lại những kiến thức vừa học.

b. Bài tập về nhà

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.
- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo.

Chủ đề 9: Education options for school-leavers

Chủ đề này tập trung hướng dẫn dạy học 2 nội dung: Reading và Speaking trong thời gian 2 tiết.

TIẾT THỨ 1. READING

III READING

Options for school-leavers

- 1 Work in pairs. Which of the two options for school-leavers is more common in your town? Can you think of other options?
- 2 Read the article. Match the highlighted words with their meanings.



A vocational school student

A university student



THE EDUCATIONAL JOURNEY FOR SCHOOL-LEAVERS

This month, Teen Talk magazine has received many letters from secondary school students asking about the different options for school-leavers. We've talked to educational experts, and they think that young people should either continue their studies at a college or university or go to a vocational school.

A. _____

Higher education is really for people who want **formal** learning in order to get an academic degree. If you are good at certain subjects and need a degree related to those subjects, then university is the right choice for you. Besides studying, university students also have the opportunity to live independently, make new friends, and join different clubs. Many students still **manage** to work part-time during their university years. In addition, college or university students usually have an advantage over students from vocational schools when it comes to further studies after a degree. They will also have broader career options and an advantage in the job market.

B. _____

If you are not interested in traditional academic subjects and want to work in a specific **trade**, then vocational education is the right choice for you. You will gain the practical skills and knowledge necessary for a specific job. In addition, a vocational school may also offer you an **apprenticeship**. This type of training not only provides students with hands-on experience, but also gives them wages to cover their living costs. Most importantly, vocational training is usually much shorter than a college or university course. After getting their vocational qualifications, graduates can immediately start work and earn a salary.

There are a lot of educational opportunities for school-leavers today. You can choose from hundreds of vocational schools or higher education **institutions** to continue your educational journey.

1 formal

a a job that requires special training and skills

2 manage

b a period of time working for and learning from a skilled person

3 trade

c to succeed in doing something difficult

4 apprenticeship

d important organisations that have a particular purpose

5 institutions

e received in a school, college, or university, with lessons, exams, etc.

3 Read the article again. Match the headings (1–3) with the paragraphs (A–B). There is ONE extra heading.

1. Getting vocational training
2. Earning a salary while studying
3. Going to college or university

4 Read the article again and complete each gap with ONE word.

College or university	Vocational school
<ul style="list-style-type: none">• For students who want (1) _____ learning• Get a (2) _____ related to an academic subject• Join different clubs	<ul style="list-style-type: none">• For students who want to work in a specific (3) _____• Can offer an (4) _____• Finish their (5) _____ quickly and start earning a salary.

5 Work in pairs. Discuss the following questions.

Which of the two options will be appropriate for you after leaving school? Why?

(Nguồn: Tiếng Anh 11, Global Success, Sách học sinh tr. 79-80)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhớ và sử dụng các từ và cụm từ liên quan đến chủ đề “Options for school-leavers”.

2. Năng lực

- Đọc hiểu ý chính và các thông tin chi tiết của bài đọc về chủ đề giáo dục.
- Nói về sự lựa chọn con đường học tập phù hợp với bản thân sau khi tốt nghiệp phổ thông trung học.
- Nói/thuyết trình về các lợi ích của việc học nghề hoặc việc theo đuổi con đường học tập sau khi tốt nghiệp THPT.

3. Phẩm chất

- Có trách nhiệm về việc học tập của bản thân.
- Hợp tác và giúp đỡ nhau trong các hoạt động học tập.
- Chăm chỉ, tích cực hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng
- Tài liệu dạy học: Sách giáo khoa (Tiếng Anh 11, Global Success, tr. 79-80), sách bài tập, kế hoạch dạy học.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo bầu không khí thoải mái trước khi vào nội dung chính của bài
- Tạo sự hứng thú và quan tâm của HV về chủ đề giáo dục

b. Nội dung: Quan sát hai bức ảnh và nói về sự khác nhau

c. Sản phẩm: HV trở nên hứng thú với bài học hơn và tự tin tham gia các hoạt động của bài học.

d. Tổ chức thực hiện

- Trình chiếu hai bức ảnh trong bài, hỏi HV về sự khác nhau của hai bức ảnh.
- Theo cặp, HV thảo luận câu hỏi: Which of the two options for school-leavers is more common in your town? Can you think of other options?
- Mời một số HV chia sẻ, tổng hợp câu trả lời, gợi ý thêm một số lựa chọn: have a gap year, have a job, ...
- Giới thiệu bài học mới

2. Hoạt động 2: Trước khi đọc

a. Mục tiêu: HV nhớ được từ vựng liên quan đến chủ đề giáo dục và áp dụng vào bài đọc hiểu.

b. Nội dung: Dạy từ vựng

c. Sản phẩm: HV có thể đoán và sử dụng những từ phù hợp với chủ đề trước khi bước vào nội dung đọc hiểu

d. Tổ chức thực hiện

- Sử dụng các kỹ thuật dạy từ mới để giúp HV khám phá nghĩa của từ/ cụm từ quan trọng (định nghĩa, tranh ảnh, ví dụ, dịch, từ đồng nghĩa/trái nghĩa,...)

- Kiểm tra việc học từ mới của HV bằng bài tập nhỏ (nối từ với tranh ảnh/ định nghĩa, điền từ vào câu) hoặc trò chơi ô chữ/sắp xếp chữ cái thành từ.

- GV quan sát và hỗ trợ HV.

Từ vựng: school-leaver, educational expert, vocational school, practical skill, qualification, hands-on, independently

3. Hoạt động 3: Trong khi đọc

a. Mục tiêu:

- HV đọc hiểu ý chính và các chi tiết của bài đọc: The educational journey for school-leavers.

- Đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.

b. Nội dung

- Đọc bài báo. Ghép các từ được đánh dấu với nghĩa của chúng.

- Đọc lại bài báo và chọn tiêu đề phù hợp với mỗi đoạn văn .

- Đọc lại bài báo và hoàn thành bảng tóm tắt.

c. Sản phẩm : HV có thể hiểu rõ nội dung của bài đọc và hoàn thành các nhiệm vụ.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1. Đọc bài báo. Ghép các từ được đánh dấu với nghĩa của chúng

- GV yêu cầu HV làm việc các nhân, đọc lướt toàn bài, đọc kỹ những câu có từ in đậm, dựa vào văn cảnh để đoán nghĩa của từ, nối từ với nghĩa, sau đó so sánh câu trả lời với bạn

- Mời một số HV báo cáo kết quả của hoạt động và chốt câu trả lời đúng.

Đáp án gợi ý:

1. e 2. c 3. a 4. b 5. d

Nhiệm vụ 2. Đọc lại bài báo và chọn tiêu đề phù hợp với mỗi đoạn văn

- Hướng dẫn HV kỹ thuật skimming: đọc kỹ câu đầu tiên thường là câu chủ đề của đoạn đọc lướt đoạn văn để hiểu ý chính của cả đoạn, chọn câu chủ đề cho mỗi đoạn.

- Yêu cầu HV làm việc cá nhân, đọc và ghép.
- Yêu cầu HV so sánh câu trả lời với bạn.
- Mời một số HV báo cáo kết quả của hoạt động, các HV khác nghe và nhận xét.
- GV chốt câu trả lời đúng.

Đáp án gợi ý:

A – 3 B – 1

Nhiệm vụ 3: Đọc lại bài báo và hoàn thành bảng tóm tắt

- GV hướng dẫn HV đọc yêu cầu của bài, xác định số lượng từ được điền và từ loại cần điền vào mỗi chỗ trống.
- GV yêu cầu HV làm việc cá nhân, đọc và hoàn thành bảng, sau đó so sánh câu trả lời với bạn.
- GV mời một số HV báo cáo kết quả của hoạt động, các HV khác nghe và nhận xét.
- GV chốt câu trả lời đúng.

Đáp án gợi ý:

1. formal 2. degree 3. trade 4. apprenticeship 5. training

4. Hoạt động 4: Sau khi đọc

a. Mục tiêu

- HV thực hành kỹ năng nói sử dụng từ vựng vừa học và nội dung của bài đọc
- HV phát triển tư duy phản biện và kỹ năng thuyết trình.

b. Nội dung

- Câu hỏi thảo luận: Which of the two options will be appropriate for you after leaving school? Why?

c. Sản phẩm

- HV có thể sử dụng ngôn ngữ và ý tưởng từ bài học để thảo luận

d. Tổ chức thực hiện

*** Hoạt động Think – Pair – Share**

- Yêu cầu HV làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi: Which of the two options will be appropriate for you after leaving school? Why?
- Yêu cầu HV làm việc theo cặp, HV chia sẻ câu trả lời. (Nếu có thời gian, yêu cầu HV đổi 1,2 bạn khác để nói cặp)
- GV quan sát, hỗ trợ, nói chuyện với HV về câu hỏi trên.
- Sau 5-10 phút, mời một số HV thuyết trình trước dựa vào câu hỏi trên. Các HV khác nghe và đặt câu hỏi.

- GV đưa ra nhận xét cho cả lớp, điều làm tốt và điều cần cải thiện qua hoạt động nói vừa rồi.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV nói về những gì họ đã học trong bài học.

b. Bài tập về nhà

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.

- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo - Kỹ năng Nói.

TIẾT THỨ 2. SPEAKING

IV SPEAKING

Vocational training vs. academic study

- 1** Work in pairs. Complete the table below. Use the suggested ideas and/or your own ideas.

Suggested ideas:

- develop critical thinking skills
- develop research skills
- provide shorter duration of study
- develop practical skills

Benefits of vocational training	Benefits of academic study
<ul style="list-style-type: none">• cost less• _____• _____	<ul style="list-style-type: none">• can earn more• _____• _____

- 2** Complete the conversation with the sentences in the box. Then practise it in pairs.

- A.** It's the cost. Vocational training is much cheaper than university education.
- B.** I couldn't agree more. So, we've decided on the three main benefits: more practical, shorter, and cheaper.
- C.** Great! We're now ready to report to the class.
- D.** Now, let's think about one more benefit.

Nam: Let's decide on the three main benefits of vocational training. First, I think it will help students develop practical skills.

Lan: I agree. Vocational courses are more practical than university courses.

Nam: What do you think is the second benefit?

Lan: I think it's the short duration of study. Degree programmes at university usually go on for at least three years while vocational courses can last less than two years.

Nam: (1) _____

Lan: (2) _____

Nam: (3) _____

Lan: (4) _____

Tips

We can end a conversation or discussion by:

- summarising it, e.g. *We've decided .../We've agreed to .../We've covered everything/all points.*
- concluding it, e.g. *Bye./Great, we're now ready for .../That's all we have today./It was a very useful discussion/meeting.*

3 Work in pairs. Talk about the benefits of academic study. Use the ideas in 1, the model in 2, and the tips above to help you.

4 Work in groups. Discuss what kind of students/learners each option will be more suitable for. Give reasons for your decision. Report to the whole class.

(Nguồn: Tiếng Anh 11, Global Success, Sách học sinh tr. 80-81)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhớ và sử dụng được các từ/cụm từ, cấu trúc liên quan đến chủ đề “vocational training and academic study.

2. Năng lực

- Nói/thuyết trình về các lợi ích của việc học nghề hoặc việc theo đuổi con đường học tập sau khi tốt nghiệp phổ thông trung học.

3. Phẩm chất

- Có trách nhiệm về việc học tập của bản thân.
- Hợp tác và giúp đỡ nhau trong các hoạt động học tập.
- Chăm chỉ, tích cực hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng
- Tài liệu dạy học: Sách giáo khoa (Tiếng Anh 11, Global Success, tr. 80-81), sách bài tập, kế hoạch dạy học.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo bầu không khí thoải mái trước khi vào nội dung chính của bài
- Ôn lại từ vựng đã học ở tiết trước về chủ đề giáo dục

b. Nội dung: Trò chơi Hunter

c. Sản phẩm: HV trở nên hứng thú với bài học hơn và tự tin tham gia các hoạt động của bài học.

d. Tổ chức thực hiện

- Viết các từ đã học từ tiết trước lên bảng không theo trật tự, khoanh tròn các từ kèm số điểm khác nhau cho mỗi từ.

- Chia lớp thành các nhóm 3-4 nhóm, mỗi nhóm lần lượt cử các đại diện khác nhau ném quả bóng dính bảng hoặc bóng bằng giấy vào các từ trên bảng, ném trúng từ nào phải phát âm đúng và nói được nghĩa của từ đó thì được tính điểm theo số điểm đã ghi trong vòng tròn. Đội nào nhiều điểm nhất thì thắng cuộc.

Từ vựng: school-leaver, educational expert, vocational school, practical skill, qualification, hands-on, independently, formal, degree, trade, apprenticeship, training

2. Hoạt động 2: Trước khi nói

a. Mục tiêu

- HV chuẩn bị ngôn ngữ và ý tưởng cho hoạt động nói .
- HV biết cách mở đầu và kết thúc hội thoại.

b. Nội dung

- Làm việc theo cặp và hoàn thành bảng về lợi ích của học nghề và lợi ích của việc học đại học.

- Hoàn thành đoạn hội thoại và luyện đọc hội thoại.

c. Sản phẩm: HV được chuẩn bị về nội dung và cấu trúc trước khi bước vào hoạt động nói

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1. Làm việc theo cặp và hoàn thành bảng về lợi ích của học nghề và lợi ích của việc học đại học

- Yêu cầu HV làm việc theo cặp, hoàn thành bảng về lợi ích của việc học nghề và học đại học, khuyến khích đưa thêm ý kiến riêng.

Gợi ý:

Benefits of vocational training: cost less, provide shorter duration of study, develop practical skills, can find jobs quickly, easier admission requirements, flexible programmes and start dates

Benefits of academic study: can earn more, develop critical thinking skills, develop research skills, personal development, career preparation, social experiences

Nhiệm vụ 2. Hoàn thành đoạn hội thoại và luyện đọc hội thoại

- Yêu cầu HV làm việc theo cặp, hoàn thành bài hội thoại và phân vai đọc bài hội thoại và thực hành đọc hội thoại

- Yêu cầu HV gạch chân những cụm từ thể hiện sự đồng tình trong đoạn hội thoại.

- Yêu cầu HV đọc phần Tips để biết cách mở đầu và kết thúc hội thoại

Đáp án

1. D 2. A 3. B 4. C

3. Hoạt động 3: Trong khi nói

a. Mục tiêu: HV nói/ thuyết trình về những lợi ích của việc học nghề và học đại học

b. Nội dung

- Làm việc theo cặp. Thảo luận về lợi ích của việc học đại học.

- Làm việc theo nhóm. Thảo luận về sự phù hợp của việc học nghề và học đại học.

c. Sản phẩm: HV có thể hiểu vận dụng được ý tưởng và cấu trúc vào các hoạt động nói.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 3. Làm việc theo cặp. Thảo luận về lợi ích của việc học đại học

- Yêu cầu HV làm việc theo cặp thảo luận về lợi ích của việc học nghề và học đại học dựa vào đoạn hội thoại và các ý tưởng trong bài.

- GV di chuyển quanh lớp để quan sát và hỗ trợ.

Nhiệm vụ 4. Làm việc theo nhóm. Thảo luận về sự phù hợp của việc học nghề và học đại học

- Yêu cầu HV làm việc theo nhóm thảo luận dựa theo câu hỏi: what kind of students/learners each option will be more suitable for. Give reasons for your decision.

- GV quan sát và hỗ trợ.

- GV mời một số HV báo cáo kết quả thảo luận của nhóm, các HV khác nghe và đặt câu hỏi.

- Đưa nhận xét chung cho cả lớp, điểm tốt và điểm cần rút kinh nghiệm qua các hoạt động nói vừa qua.

Gợi ý:

In our group, we discussed both options and agreed on the following. Academic study is suitable for hard-working students who are highly motivated and want to achieve their goals. Gifted students who have a particular talent, such as a mathHV or music talent can also benefit from university education

Vocational training is more suitable for students who learn through practical experience or by doing. It is also suitable for students who have decided on a specific trade job, such as a restaurant cook, a mechanic, or a hairstylist.

Phiếu đánh giá

Name: _____

Does your partner's work use the given structure?	
Does your partner's work have any creative ideas?	
Does your partner speak or use suitable vocabulary related to the topic?	
Does your partner speak fluently and clearly enough?	

4. Hoạt động 4: Sau khi nói

a. Mục tiêu: HV viết về lợi ích của việc học nghề và học đại học

b. Nội dung: Viết thư nói về lợi ích của việc học nghề và học đại học

c. Sản phẩm: Bức thư/email về lợi ích của việc học nghề và học đại học

d. Tổ chức thực hiện

- GV đưa ra tình huống: A friend of yours is thinking of different options after high school. She has written an email to you and ask for your advice. Write an email about benefits of each option and tell her which option is better for her. You should write 120-150 words.

- Yêu cầu HV viết outline và về nhà hoàn thiện bài viết.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV nói về những gì họ đã học trong bài học.

b. Bài tập về nhà

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.

- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo.

Chủ đề 10: Cities of the future

Chủ đề này tập trung hướng dẫn dạy học 2 nội dung: Listening & Writing trong thời gian 2 tiết.

TIẾT THỨ 1. LISTENING

Unit 10

Cities of the Future

LESSON 3

Can you ...?

- talk about problems of cities and things that could improve them
- write a report about a "city of the future"

Writing Skill: Writing more *efficiently* using Perfect Participle clauses

Let's Talk! In pairs: Look at the picture. How is this future city different from cities of the present? What current problems might this city solve?

Listening a. Listen to students in a class. What does the class think is the most important problem to fix?

b. Now, listen and complete the table.

Problems	Solutions
Congestion	<ul style="list-style-type: none"> Ban cars and buses (1) _____
(2) _____	<ul style="list-style-type: none"> More security cameras (3) _____
(4) _____	<ul style="list-style-type: none"> (5) _____ Fewer cars and buses

c. In pairs: Does your town or city have these problems? Which ones? What are some possible solutions?

Reading a. Some students created model "cities of the future" which solve the problems of current cities. Then they wrote a report about how their solutions will help. Read Jessica's report and circle the three main problems Queen's Town has solved.

cheap houses
slow subway trains
dangerous taxis
congestion

use of non-renewable energy
expensive houses
expensive transportation
eco-friendly cities

MY MODEL "CITY OF THE FUTURE"

My model city is called Queen's Town. I wanted to create a town that solved a lot of modern problems. Having spent a long time researching current cities, I understand the problems they have. Queen's Town has solved many of these problems using new technology and ideas.

The first thing that makes Queen's Town better is the housing. Having heard about the high house prices in many cities, I built lots of affordable apartment buildings. They were constructed with a 3D printer. There will be enough for everyone, so there will be no homeless people, and everyone will have more money.

The next improvement is the transportation. Having seen how congested many cities are, I introduced several new transportation systems. There is a subway that takes people anywhere in the city very quickly. In addition, there are self-driving taxis for shorter journeys. They will be used all over the city. They are safer and cheaper than normal taxis. They look really cool, too!

Another thing that makes Queen's Town so good is how clean the air is. There will be very little pollution. Having understood the environmental effects of fossil fuels, I put solar panels on the sides of every building. Using renewable energy is cheaper and much more eco-friendly.

Queen's Town will be a wonderful place to live because of these modern solutions. I think everyone will love it!

b. Now, read and circle *True*, *False*, or *Doesn't say*.

1. House prices will be lower in Queen's Town compared to current cities.	True	False	Doesn't say
2. Jessica made homes with a 3D printer.	True	False	Doesn't say
3. People will use the subway more than the taxis.	True	False	Doesn't say
4. Normal taxis have cheaper fares than self-driving taxis.	True	False	Doesn't say
5. There will be very little water pollution in Queen's Town.	True	False	Doesn't say

c. Listen and read.

d. In pairs: What do you think is the best thing about Queen's Town? Why?

108

(Source: Tiếng Anh 11, I-Learn Smart World, tr. 108)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhớ và sử dụng từ vựng liên quan đến chủ đề tương lai của các thành phố.

2. Năng lực

- Nói về chủ đề tương lai của các thành phố.
- Nghe hiểu ý chính và các chi tiết của đoạn hội thoại về vấn đề và giải pháp cho các vấn đề của thành phố.
- Đọc và hiểu các chi tiết của bài báo cáo về chủ đề tương lai của thành phố.

3. Phẩm chất

- Có trách nhiệm góp phần giải quyết các vấn đề của thành phố trong tương lai.
- Hợp tác và giúp đỡ nhau trong các hoạt động học tập.
- Chăm chỉ, tích cực hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng.
- Tài liệu dạy học: Sách giáo khoa (Tiếng Anh 11, I-Learn Smart World, tr.108-109), sách bài tập, kế hoạch dạy học.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo bầu không khí thoải mái trước khi vào nội dung chính của bài.
- Kết nối kiến thức đã có của HV về chủ đề thành phố với nội dung của bài mới.
- Dẫn dắt vào bài mới.

b. Nội dung: Tả tranh và thảo luận

c. Sản phẩm

- HV trở nên hứng thú với bài học hơn và tự tin tham gia các hoạt động của bài học.
- HV nhớ lại kiến thức và từ vựng liên quan đến chủ đề đã được học trong các tiết học trước.

d. Tổ chức thực hiện

- Yêu cầu HV quan sát bức tranh trong sách và trả lời câu hỏi: How is this future city different from the cities of the present? What current problems might this city solve?

- Theo cặp, HV thảo luận dựa vào các câu hỏi trên.
- Mời một vài HV báo cáo kết quả thảo luận.
- Giới thiệu bài học mới.



2. Hoạt động 2: Trước khi nghe

a. Mục tiêu: HV học và nhớ một số từ, cụm từ để chuẩn bị cho bài nghe.

b. Nội dung: Dạy từ vựng

c. Sản phẩm: HV nhớ một số từ, cụm từ sẽ có trong bài nghe

d. Tổ chức thực hiện

- Sử dụng các kỹ thuật khác nhau để dạy từ vựng quan trọng của bài nghe (tranh ảnh, định nghĩa, giải thích, ví dụ, dịch nghĩa, đồng nghĩa/trái nghĩa ...).

- Kiểm tra việc học từ vựng của HV bằng bài tập nối từ và định nghĩa, tranh ảnh hoặc bằng một số trò chơi từ vựng; jumbled letters, crosswords....

Từ vựng: congestion, crime, criminal, fossil fuel, renewable energy

3. Hoạt động 3: Trong khi nghe

a. Mục tiêu: HV nghe và hiểu ý chính và các chi tiết trong đoạn hội thoại về giải pháp cho các vấn đề của thành phố

b. Nội dung

- Nghe và trả lời câu hỏi: vấn đề quan trọng nhất cần giải quyết là gì.

- Nghe và hoàn thành bảng tóm tắt .

c. Sản phẩm: HV có thể nghe và hiểu được ý chính cũng như các thông tin chi tiết trong bài và hoàn thành nhiệm vụ.

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1. Nghe và trả lời câu hỏi: vấn đề quan trọng nhất cần giải quyết là gì

- HV nghe đoạn hội thoại lần thứ nhất và trả lời câu hỏi: What is the most important problem to fix?

- Mời một số HV trả lời và chốt câu trả lời đúng.

Đáp án: Crime

Nhiệm vụ 2. Nghe và hoàn thành bảng tóm tắt

- GV hướng dẫn HV cách làm bài: đọc yêu cầu của bài, đọc bảng tóm tắt, gạch chân từ quan trọng, nghe và ghi chú.
- HV nghe đoạn hội thoại lần thứ hai và hoàn thành bảng tóm tắt.
- Yêu cầu HV so sánh câu trả lời trong nhóm, mời một số HV báo cáo kết quả làm bài nghe.
- Cho HV nghe lại đoạn thu âm có nội dung của câu trả lời để kiểm tra lại và chốt câu trả lời đúng.

Đáp án

1. build a subway
2. crime
3. more police offices
4. pollution
5. use renewable energy

4. Hoạt động 4: Sau khi nghe

a. Mục tiêu

- HV nói các vấn đề của thành phố mình và đề xuất giải pháp.
- HV phát triển kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng thuyết trình.

b. Nội dung: Thảo luận theo cặp/nhóm theo câu hỏi gợi ý trong bài

c. Sản phẩm: HV thảo luận theo cặp/nhóm theo câu hỏi gợi ý: Does your town or city have these problems? Which one? What are some possible solutions?

d. Tổ chức thực hiện

- Yêu cầu HV làm việc theo nhóm thảo luận dựa theo câu hỏi: Does your town or city have these problems? Which one? What are some possible solutions?
- GV quan sát và hỗ trợ.
- Yêu cầu một vài HV báo cáo nội dung thảo luận của nhóm
- Đưa ra nhận xét cho cả lớp, điều làm tốt và điều cần cải thiện qua hoạt động thảo luận vừa rồi.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV tóm tắt lại những kiến thức vừa học.

b. Bài tập về nhà

- Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.
- Chuẩn bị cho bài học tiếp theo - Kỹ năng Viết.

TIẾT THỨ 2. WRITING

Writing

- a. Read about Perfect Participle clauses, then read the report again and underline all the Perfect Participle clauses.

Writing Skill

Writing more efficiently using Perfect Participle clauses

Perfect Participle clauses are used to give more information about something the subject started and completed before the main action of the sentence, in a short and clear way.

Having researched current cities, I built a modern city to fix their mistakes.

Perfect Participle clauses make our writing more interesting and less **repetitive** by avoiding repeated subjects and the need for a **because**, or Past Perfect clauses.

Because they had seen the damage caused by pollution, they banned cars and buses. – Is a bit long and wordy

Having seen the damage caused by pollution, they banned cars and buses. – Is shorter and flows more smoothly

Using the Perfect Participle clauses makes our sentence flow more smoothly and efficiently. Though this is quite common in written English, it is generally only used in spoken English for formal situations.

- b. Rewrite the sentences using Perfect Participle clauses.

1. Because I had researched a lot about plastic pollution, I banned single-use plastic.
2. Because she had read lots about crime before, she had some useful ideas.
3. Because the major had learned about energy sources, the major knew exactly what to do.
4. As Joey had heard of robot cleaners, Joey bought several of them for his home.
5. Because Ultratown researched how dangerous they were, Ultratown stopped people driving cars in the city.

Speaking

In pairs: Discuss common problems in cities and potential solutions to these problems. Complete the table below.



What do you think are problems in current cities?

I think congestion is a big problem.

How could it be improved?

I think having more public transportation would help.

Problems	Solutions

Let's Write!

Now, think about three particular problems of big cities. Design a city which can solve these problems. Write a report of your designed city. Use the Writing Skill box, the reading model, and your speaking notes to help you. Write 150–180 words.

Feedback

The report follows the model and uses Perfect Participle clauses. ☆☆☆

It is interesting. (Suggest ideas, if not.) ☆☆☆

I can understand everything. (Underline anything you don't understand.) ☆☆☆

(Source: Tiếng Anh 11, I-Learn Smart World, tr. 109)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được cấu tạo và cách dùng của mệnh đề phân từ hoàn thành.
- Nhớ và sử dụng được từ/ cụm từ đã được học trong bài.

2. Năng lực

- Viết báo cáo về một thành phố được thiết kế để giải quyết các vấn đề của các thành phố hiện tại.

3. Phẩm chất

- Có trách nhiệm góp phần giải quyết các vấn đề của thành phố trong tương lai.
- Hợp tác và giúp đỡ nhau trong các hoạt động học tập.
- Chăm chỉ, tích cực hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị dạy học: slides trình chiếu, máy chiếu, máy tính, phấn, bảng.
- Tài liệu dạy học: Sách giáo khoa (Tiếng Anh 11, I-Learn Smart World, tr.109), sách bài tập, kế hoạch dạy học.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu

- Tạo bầu không khí thoải mái trước khi vào nội dung chính của bài.
- Ôn lại từ vựng đã học ở tiết trước về chủ đề thành phố trong tương lai.

b. Nội dung: Xem video và ghi lại những cụm từ khóa trong video

c. Sản phẩm: HV trở nên hứng thú với bài học hơn và nắm được chủ đề của bài học

d. Tổ chức thực hiện

- Thiết kế trò chơi ô chữ crosswords, jumbled letters hoặc hangmanđể HV ôn tập từ đã học.

- Giới thiệu bài học mới.

2. Hoạt động 2: Trước khi viết

a. Mục tiêu

- HV nắm được cách dùng của Perfect participle clauses.
- HV viết câu có sử dụng Perfect participle clauses.
- Nói về vấn đề của thành phố và giải pháp.
- Chuẩn bị về ngữ pháp và ý tưởng cho hoạt động viết.

b. Nội dung

- Đọc phần “Writing skill” với các lưu ý về Perfect participle clauses
- Viết lại câu có sử dụng Perfect participle clauses

c. Sản phẩm: HV nắm được cấu tạo và cách sử dụng của Perfect participle clauses.

d. Tổ chức thực hiện

*** Dạy ngữ pháp**

- Viết hai câu có cùng nội dung lên bảng, một câu đầy đủ, một câu rút gọn sử dụng Perfect participle clauses.
- Yêu cầu HV nhận xét sự giống và khác nhau giữa hai câu.
- Hoạt động a (tr.108): yêu cầu HV đọc Writing Skill Box để kiểm tra câu trả lời và tìm hiểu cách cấu tạo Perfect participle clauses.
- Phân biệt Perfect participle clauses và Perfect gerund.
- Hoạt động b (tr.108): theo cá nhân, HV hoàn thành hoạt động, so sánh câu trả lời với bạn.
- GV mời một số HV lên bảng viết câu trả lời, các HV khác nhận xét và sửa lỗi (nếu có)
- GV Chốt câu trả lời đúng

*** Hoạt động nói**

- GV mời 2 HV đọc đoạn hội thoại mẫu, gạch chân những từ/ cụm từ quan trọng, yêu cầu HV xác định câu nào hỏi và trả lời về vấn đề của thành phố, câu nào hỏi và trả lời về giải pháp.
- Theo cặp hoặc theo nhóm, HV thảo luận về các vấn đề của thành phố và giải pháp áp dụng từ vựng và ngữ pháp đã học, ghi nội dung thảo luận vào bảng tóm tắt.
- GV mời một số HV báo cáo về kết quả thảo luận của nhóm.
- GV nhận xét điểm tốt và điểm cần cải thiện qua hoạt động nói vừa rồi.

3. Hoạt động 3: Trong khi viết

a. Mục tiêu: HV viết báo cáo về một thành phố được thiết kế để giải quyết các vấn đề của các thành phố hiện tại

b. Nội dung: - Let’s write

c. Sản phẩm: Bài báo cáo về thiết kế của một thành phố để giải quyết các vấn đề của nó

d. Tổ chức thực hiện

- GV hướng dẫn HV tìm hiểu yêu cầu của đề bài: nội dung, độ dài, từ vựng, ngữ pháp, hình thức, đọc bảng Feedback để biết các tiêu chí đánh giá bài viết.

- GV yêu cầu HV đọc lại bài đọc tr. 108 để tham khảo cấu trúc và cách viết bài báo cáo, nhắc HV dùng Perfect participle clauses và các từ vựng đã học vào bài viết.
- Đặt thời gian khoảng 10 phút: theo cặp hoặc theo nhóm, HV viết dàn ý và nháp.
- Nếu có thời gian, yêu cầu HV hoàn thành bài viết tại lớp. Nếu không có thời gian, yêu cầu HV về nhà hoàn thiện.

Phiếu đánh giá

Does your partner's work use the given structure?	
Does your partner's work have any creative ideas?	
Does your partner's work use suitable vocabulary related to the topic?	

4. Hoạt động 4: Sau khi viết

a. Mục tiêu

- HV nhận xét bài viết của cặp/nhóm khác.
- HV phát triển kỹ năng tư duy phản biện

b. Nội dung: Nhận xét và hoàn thiện bài

c. Sản phẩm: Một bài viết hoàn thiện về thiết kế của một thành phố

d. Tổ chức thực hiện

- HV trao đổi bài viết (bản hoàn thiện hoặc bản nháp) của các nhóm với nhau, nhận xét, chữa lỗi sai (nếu có) và chấm theo bảng feedback
- GV mời một vài HV có bài được đánh giá tốt đọc to bài để cả lớp nghe, các HV còn lại đặt thêm câu hỏi.
- GV nhận xét cho cả lớp, điều làm tốt và điều cần cải thiện qua hoạt động vừa rồi.

5. Hoạt động 5: Tổng kết

a. Tóm tắt

- GV yêu cầu HV nói về những gì họ đã học trong bài học.

b. Bài tập về nhà

- HV Hoàn thành bài tập trong sách bài tập.
- HV Chuẩn bị cho bài học tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT ngày 26/7/2022 ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp THPT.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Thông tư số 43/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Quy định về đánh giá học viên theo học Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp THCS và cấp THPT.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Tài liệu tập huấn đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực học sinh các môn học, Vụ Giáo dục Trung học.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), Tài liệu tập huấn giáo viên cốt cán thực hiện Chương trình GDTX cấp THPT môn Tiếng Anh, Vụ Giáo dục thường xuyên.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), Tài liệu tập huấn giáo viên cốt cán về xây dựng kế hoạch dạy học và kiểm tra, đánh giá học viên theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực Chương trình GDTX cấp THPT môn Tiếng Anh.
6. Các bộ sách giáo khoa môn Tiếng Anh lớp 11 (Global Success, Ilearn Smart World, Discovery, Friends Global)